



LINH SƠN

CHỐN TỔ NGUỒN TÂM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

LINH SƠN

CHỐN TỔ NGUỒN TÂM



Chủ biên : HT. Thích Thiện Dương
Biên soạn : Thích Nhuận Châu
Thích Nguyên Vương
Thích Viên Phương

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ





Nội dung

Lời giới thiệu	4
Chương I	
Lược sử và hình ảnh tổng quan về Tổ đình Linh Sơn	7
Chương II	
Chư vị Tổ sư khai sơn, truyền thừa qua các đời trú trì	19
Chương III	
Ấn tích của Bồ tát Quảng Đức tại Tổ đình	59
Chương IV	
Tưởng niệm cố Hòa thượng Bổn sư Thích Tịnh Tràng	86
Chương V	
Giới thiệu quá trình đại trùng tu Tổ đình	115
Chương VI	
Lễ hội Dược Sư vào tết Nguyên tiêu hằng năm	155

Lời giới thiệu

Linh Sơn, ngọn núi linh thiêng thấp sáng niềm tin cho nhân loại. Đỉnh cô liêu ngất trời, đầy thử thách đối với những tâm hồn yếu đuối, nhưng cũng là nơi gợi mở những chất liệu hùng tráng, định hướng cho sự thăng hoa vượt lên đôi bờ hữu hạn phàm tình.

Và trong ý nghĩa quy ước, những gì cao viễn đó tựu thành một nơi chốn để trần gian quy hướng. Nơi đó, dấu tích người xưa bây giờ vẫn như còn hiển hiện, vì ngoài kia, cuối dòng sông Hiền Lương là biển Đông vẫn còn dậy sóng, vẫn còn bóng đêm che phủ lối về thênh thang, thì nguyện lực bi hùng của các ngài vẫn còn sáng rực cả một phương trời. Kết tụ nơi đây, tổ đình Linh Sơn Vạn Ninh Khánh Hòa, từ ngài Đại Bửu Hòa thượng với chùa cổ tích Sa Long, đến hòa thượng Quảng Đức với trái tim Bồ-tát bất diệt, cùng các thế hệ tiếp nối, đã tạo nên một giá trị tinh thần bất tuyền, vẫn còn làm nức lòng cho những người có thiện tâm.

Nay, nắng vẫn trải hiền hòa bên dòng sông cỏ mượt, trời vẫn xanh hương sen thoảng vô bờ. Dấu tích các Ngài như cánh hồng trên tuyết trắng, dù không tác ý, theo tháng năm vẫn lưu lại dấu vô tung.

Với ý nguyện mong tìm về lại giây phút chớp lóe bi hùng khi đối diện chiếu phá sự thật tử sinh của các Ngài. Xin lấy đó làm niềm tin mà vượt qua muôn trùng hải ngạn, đó cũng là ý nghĩa ra đời của tập sách **Linh Sơn Chấn Tổ Nguồn Tâm** này.

Nhạn bay qua trời không lưu dấu vết. Sương mai đầu cành, chớp lóe trời không, làm sao nói trọn được bao giờ. Thế nên việc chúng con làm trong phạm trù tương đối, đã là sự cưỡng ngôn đáng chê trách rồi. Ngưỡng mong chư Tôn đức, chư Thiện tri thức gần xa niệm tình lượng thứ cho những gì chưa diễn đạt hết ý người xưa.

BAN BIÊN SOẠN



TỔNG THỂ KHUÔN VIÊN NỘI TỰ XEN LẤN KIẾN TRÚC XUA VÀ NAY



Chương I

Lược sử và hình ảnh tổng quan về Tổ đình Linh Sơn





Quả hồng chung của chùa Cổ tích Sa Long (Sắc tứ Linh Sơn). Chú tạo vào niên hiệu Cảnh Hưng thứ 22, tháng 8 năm Tân Tỵ (1761). Chứng minh Đại lão hòa thượng Tổ sư Đại Bửu - Kim Cang.

Lược sử Tổ Đình Linh Sơn

Tổ Đình Linh Sơn (chùa Linh Sơn) nằm tại thôn Hiền Lương, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Thủy Tổ khai cơ Hòa thượng Đại Bửu (1740 - 1765)*, Pháp hiệu là Kim Cang Đại Lão Tổ Sư. Ngài quán Quảng Nam băng ngàn vào Hiền Lương hoằng pháp. Năm Cảnh Hưng thứ 22, tức năm 1761 dương lịch mới lập chùa đúc chuông, gây cơ sở vững chắc.

Ban sơ chùa gọi là Sa Long Tự. Triều Tự Đức, năm thứ 21 (1867) chùa bị thất hỏa. Sau khi xây cất lại, cải tên là Linh Sơn Tự. Từ ấy đến nay, chùa đã được trùng tu nhiều lần. Kiểu thức cổ pháp và hoàn toàn Việt Nam. Mái ngói tường gạch. Chánh điện ba gian, phía đông phía tây có tầng phòng, tịnh thất. Cách thờ phụng đơn giản nhưng trang nghiêm, đại khái cũng như các chùa cổ ở Trung Việt. Vườn chùa rộng rãi và có nhiều cây cối tươi mát. Phía trước có tường vôi và cửa Tam quan cổ kính. Trước mặt chùa là đồng lúa bát ngát, có hồ sen sâu rộng, có sông Hiền Lương quanh co. Và xa xa núi cao chập chờn. Phong cảnh quang đãng nhưng thanh tịnh.

Trong vườn chùa có hai cây cổ thụ: Một cây xoài, một cây kén. Cây xoài ở trước Chùa, cạnh ngõ bước vô. Thuộc giống xoài mủ, sống trên trăm năm. Thân cây cao vút và nhánh mọc tua tủa như những cánh tay gân guốc giơ lên trời. Sắc lá xanh láng, màu da cây lại trắng trắng mong mỏng. Đứng xa trông như một cây long trượng nửa chùng. Vừa kỳ vừa cổ!

Cây kén đứng phía sau chùa. Thân cây cao vút và tuổi chắc là 300 trở lên. Chính ngài Đại Bửu ngồi tu nơi gốc cây kén này, trước khi chùa thành lập. Vùng Hiền Lương trước kia là một cánh rừng rậm, có nhiều dã thú. Lúc ngài Đại Bửu đến tu thì cây kén đã là một đại thụ. Khi phá rừng dựng chùa các đệ tử giữ cây kén lại làm kỷ niệm. Truyền rằng khi Hòa thượng ngồi tu dưới gốc cây, thì có một con hổ đến sanh nở bên cạnh một cách tự nhiên. Hòa thượng ngồi tu một cách tự nhiên. Không có gì lạ.

Bác sĩ Yersin, khi đi tìm Đà Lạt, gặp một con rắn hổ mang cắn cổ toan làm dữ, bác sĩ đứng yên. Hồi lâu rắn bỏ chạy. Người ta ngỡ rằng bác sĩ có thuật thôi miên. Nhưng bác sĩ cho biết: Thú dữ cắn người, trước hết là để tự vệ. Nhưng chúng đều có tánh linh và rất nhạy cảm. Một khi chúng đã thông cảm rằng mình không có ác tâm, không cố ý làm hại chúng, thì chúng có cần làm hại mình làm chi.

Trong trường hợp của ngài Đại Bửu cũng thế. Từ thiện căn lực của Ngài tỏa ra khi thiền định, khiến con hổ yên tâm lo nhiệm vụ của mình. Các vị chân tu sống bình yên trên núi cao đều nhờ sức mạnh của đức từ bi, chớ không phải nhờ phép thần thông chế ngự thú dữ. Nhưng người đời không rõ, tưởng ngài Đại Bửu có phép lạ, nên đến xin quy y mỗi ngày một đông.

Quả hồng chung trong chùa cũng là một vật duy trì đức tin của bốn đạo. Nguyên thời nhà Nguyễn gia Miêu cùng nhà Tây Sơn tranh hùng, các chuông chùa đều bị tịch thu để đúc súng đạn.



Cây cổ thụ (cây kén) trên 300 tuổi, trước khi lập chùa lão tổ Đại Bửu ngồi tu dưới gốc cây này, lúc ấy đã là cổ thụ rồi.

Dem chuông ra đúc súng đạn thật chẳng khác bắt các vị tu hành tòng chinh. Để cho chuông khỏi “phạm giới sát sanh”, nhiều chùa ở Khánh Hòa đem giấu nơi vực sâu hố thẳm. Nhưng đến khi yên giặc già, thì phần nhiều không tìm lại được, bởi lớp bị kẻ gian lấy trộm, lớp bị nước lụt trôi. Quả hồng chung chùa Linh Sơn tìm lại được do một sự tình cờ đượm vẻ huyền bí: Một bà lão đi mò ốc phát kiến tại cửa sông Hiền Lương, sợ quá tri hô lên.

Cửa sông Hiền Lương vốn nằm giữa sông Hiền Lương và Tân Đức. Biết hồng chung là vật xưa quý giá, làng Hiền Lương và làng Tân Đức tranh nhau chiếm hữu, việc phải đưa cửa quan. Quan xử:

- Làng nào có chùa, chuông về làng ấy.

Hiền Lương có chùa Linh Sơn, Tân Đức không có Chùa, nên Hiền Lương được kiện. Làng khiêng chuông về đem đến cúng chùa Linh Sơn. Việc giấu chuông của Chùa Linh Sơn, nhiều vị phụ lão thường nghe nói đến. Lại thêm nơi thành

hồng chung có ghi rõ năm tháng chú tạo: “Cảnh Hưng Nhị Thập Nhị Niên, Tân Ty, Bát Nguyệt” đúng vào năm Tổ Đại Bửu khai sơn. Nên ai nấy đều mừng “Châu về hợp phố”. Quả chuông tìm lại được đó là quả chuông thuộc hạng “Tiểu hồng chung”. Chùa còn một đại hồng chung không biết còn vùi lấp nơi đâu hay đã hóa kiếp. Những đêm trời trong gió lộng người quanh vùng thỉnh thoảng nghe tiếng chuông ngân nơi hồ sen trước chùa. Nhiều người tin chắc rằng quả đại hồng chung còn ẩn náu trong hồ, và sẽ trở về chùa một ngày nào đó.

Chùa Linh Sơn có tiếng linh thiêng. Việc quả hồng chung trở về chùa làm cho các tín đồ thêm vững lòng tin mộ đạo. Lại một sự kiện nữa xảy ra thời tiền chiến, khiến người kém đức tin cũng phải tin rằng chùa linh thiêng thật sự. Lúc bấy giờ Nhật đóng quân khắp lãnh thổ Việt Nam. Tàu bay Mỹ ngày nào cũng đến oanh tạc. Khánh Hòa cũng không thoát khỏi nạn bom rơi. Năm 1944, một quả bom hạng nặng rơi ngay trên nóc chùa.

Nhưng không nổ và cũng không lăn xuống đất. Ai cũng thấy làm lạ. Vì quả bom này nếu nổ thì chùa bị tan tành, không nổ thì sức nặng cũng đủ chọc thủng nóc chùa hoặc lăn theo mái chùa để xuống đất bằng cho hợp lý. Cớ chi lại nằm chình ình trên nóc, mà tứ bề không có vật gì cản ngăn? Người Nhật nghe tin bom nằm trên nóc chùa thì đến mang đi, không một lời giải thích. Các ông già bà cả bảo rằng: Các vị thần giữ chùa làm cho quả bom tắt ngòi. Rồi để cho người đời tin sự linh thiêng, các Ngài đem bom đặt trên nóc Chùa và giữ không cho rơi xuống đất. Người đã tin thêm tin, người không tin không biết sao mà cãi.

Chùa Linh Sơn là Tổ đình của hầu hết các chùa quận Vạn Ninh.

Trích tác phẩm “Xứ Trầm Hương” của Quách Tấn, nhà xuất bản Lá Bối in lần thứ nhất năm 1970, Sài Gòn - Việt Nam

(*) Thời gian Tổ trú trì 1740 - 1765



CÂY XOÀI CỔ THỤ VÀ CỔNG TAM QUAN XƯA



- Tiền đường chánh điện hướng chánh Bắc, tả hữu là điện Hộ Pháp
- Hàng trụ biểu, dựng theo mẫu cũ của Bồ tát Quảng Đức
- Quán Âm các dựng phía Đông bên hữu chánh điện
- Tháp chuông dựng phía Tây bên tả chánh điện



- Mặt trước của nhà hậu Tổ
- Mái cong của tháp chuông
- Cổ lầu đại điện và cổ lầu bài đường chánh điện
- Rồng lượn trên cổ lầu đại điện





CẢNH TỔNG THỂ BÊN TRONG CHÁNH ĐIỆN



- 1. Đại diện Như Lai sở đồ. - 2. Bên trong cổ lầu đại diện. - 3. Phù điêu (chính giữa) minh họa Ngũ thời thuyết giáo của đức Thế Tôn.
- 4. Phù điêu (bên trái) bồ tát Phổ Hiền, bồ tát Thế Chí và bồ tát Di lặc. - 5. Phù điêu (bên phải) bồ tát Văn Thù, bồ tát Quán Âm, bồ tát Địa Tạng





- Bên trong nhà thờ Tổ (hậu Tổ)
- Tôn tượng Phật Di Lạc trước trụ biểu
- Bên trong phương trượng Huyền Quang
- Vườn bảo tháp chư vị Tổ sư khai sơn, truyền thừa trú trì Tổ đình



佛越多增護而寺脫全靈池不喜記擔社尤異亦之殺被攝祖穩慈往木賢樹堅之致深樹三建始老寺
 曆南佛益法四當落土異中知相云鐘有物物是時業收持師過力師營良幹韌側矣廣木間後建祖栖
 二詩寺世鎮無頹于美而有潛謂景歸寺故大一或也用本有活善邊事之高臂此寺之之正乃寺師慶
 五壇之人山障毀寺國馳鐘在珠興置鐘賢驚段奸哉鑄道法皆根而時一聳向芒垣蓮蔭殿改鑄元和
 四老祖信之物若屋飛名鳴何還二靈歸良便玄非欲作信術由依生弟方而天果中池涼東為鐘貫省
 六前庭心顯日不頂機又之處合十山其新喚妙盜令軍心因慈定子子以歲齊是有賢寺西靈以廣萬
 年輩也已靈人爆上日以聲或浦二寺社德賢之去寺器之此悲而傍眾前有舉有大良之有山為南寧
 信遂聞破而夜鐘信已此年靈賢兩良故或鐘以法投之發若留是三葉脂樹河前僧寺延拔縣
 者令之其且盡歸為羽再新山良社河事洪遠寺器師力遂無之稠百色之兩之按房迄世涉萬
 更炸遣可不擊本洪化獲已藏有相口矣水離鐘元歸非令事以林餘青一株屈有淨今之山良
 信彈卒穿爆慶寺鐘焉之八鐘寺諍從時泛殺作來依有此師為野年潤種一曲石室多傳溪社
 不啞往寺炸和之猶天鐘月之日以來有濫業為嘉之任虎亦紀獸建樹年是緬灰蓮次遂至賢
 信之寺屋亦亦故潛明乃此事靈為流一而慶凶苗眾何安如念窠寺皮有芒邈垣臺重名于良
 者又運或不不而在風是與耆山已過老數和器阮日伏心然傳穴之稍餘果之及香修沙賢村
 無繫去隨墮免村池靜小大年而屬賢母多若豈福盛虎而坐云暨前白百樹重古篆有隆良大
 以結並屋地爆民底夜洪寶多新諍良因無干異氏寺法理觀和師大微樹一宵老清古寺而寶
 非于無頂人炸固他間鐘祖聞德事新於由佛乎與之術已功尚至寶灰幹是疊三簡樸嗣卓和
 難屋一當皆之篤日鄰而師之無引德賢尋寺要西洪也務夫樹此祖且高繭翠關而之德錫尚
 焉頂釋滾奇禍信必邑已創又之到之良免藏戒山鐘然真傍下繭嘗奇聳樹可而致像二弘之
 靈持村下之甲焉還諸寺寺鐘故訟間河靈之殺爭一而修若坐樹於且枝芒謂迎誠純十化創
 山之中來倘申時故人猶之郭賢庭知摸山深頭雄鏗世之無觀已此古條果光面焉越一迨基
 寺不耆何或年日寺隨有年有良吏此索寺淵陀之亦人碩事時成樹繭伸樹亮是寺之年景也
 乃令老故此有軍靈時一有鑄獲官洪田鐘辟役時是不德此有一下樹出在且浩園風寺興師
 萬脫皆安炸一占山間鏗契造勝斷鐘螺再壑兵諸鎮知於無一株坐站好寺靜汗廣瓦遭二號
 寧落謂臥彈顛踞寺寺大眾年社事是而合暨卒寺山謂高他条大觀立像前間之關頂失十金
 縣以此頂爆炸越本前洪人月民云古觸因治而鐘寶大山師雌樹功寺好大之稻多磚火二剛
 眾為乃上破彈南以蓮鐘大詳乃任貴之緣世行多物寶安之虎伐夫後多門景田有墻重年大

歲郭
次進
壬先
午生
年撰
後
迦
提
月

慧
士

恭
錄



Hồ sen bên phải hàng trụ biểu và trước vườn bảo tháp của chùa Tổ



Chương II

Chư vị Tổ sư khai sơn, truyền thừa
qua các đời trú trì





LINH SƠN CHÓN TỐ NGUỒN TÂM



Tảo tháp Tổ

BI KÝ

TỔ ĐÌNH LINH SƠN

Đương buổi Đàng Trong chính sự nhiều vương, năm Tân Ty PL 2305 – DL 1761, niên hiệu Cảnh Hưng thứ XXII, đời vua Hiến Tông nhà Hậu Lê, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà, có Tổ ĐẠI BẢO, Pháp hiệu KIM CƯƠNG, đặc đạo dưới gốc cây đại thụ (cây kén), nổi truyền mỗi đạo của đức Thế Tôn, đại phá ma quân; Tổ là bậc Thánh Tăng đã dựng lên ngôi đạo tràng này để phụng sự Tam Bảo, làm chốn hoàng Pháp độ sinh, và cũng để trấn áp yêu khí từ biển Đông... Nên nơi đây thực là một thắng địa hội tụ được khí thiêng sông núi để Phật tử bốn phương quy ngưỡng.

Tiếp sau Tổ Đại Bảo, kế thừa truyền đăng tục diệm là các Ngài:

- Thích NGỘ THUẬN, Pháp hiệu PHƯỚC MINH
- Thích AN CHÁNH, Pháp hiệu HUỆ MINH
- Thích CHƠN HƯƠNG, Pháp hiệu THIÊN QUANG
- Thích CHƠN CÔNG, Pháp hiệu VIÊN GIÁC
- Thích THỊ THỦY, Pháp hiệu QUẢNG ĐỨC
- Thích TÂM THANH, Pháp hiệu TỊCH TRÀNG

Hai trăm năm sau, cảnh chùa Linh Sơn này lại là nơi dừng chân trên bước đường du hóa của Bồ tát Thích Quảng Đức, trước khi Ngài vị pháp thiêu thân để thức tỉnh lương tri nhân loại; giữa lúc miền Nam sôi sục khí thế phục hưng chánh giáo, nhờ sự hy sinh cao cả ấy mà lịch sử đạo pháp có bước chuyển biến đi lên, thoát khỏi cảnh trăm năm bị tà giáo áp bức. Trước đó, Ngài đã phó chúc cho Pháp đệ là Hoà thượng Thích TÂM THANH pháp hiệu TỊCH TRÀNG, lo việc tái thiết ngôi đạo tràng và chấn hưng Phật giáo tại vùng này. Tới nay, Pháp tử là Thượng tọa Thích THIÊN DƯƠNG phát tâm trùng tu, xây dựng lại toàn cảnh chánh điện và hậu Tổ, một công trình to lớn, xứng đáng là tùng lâm ở chốn Nha thành.

Tổ Tổ truyền thừa và chánh Pháp được phát huy là do công đức của chư liệt vị Tổ sư và nguyện lực của các Phật tử gần xa, cùng sự gia trì của già lam chân tế.

Từ núi rừng xưa, (nơi đây) nay trở thành thắng tích, Sa Long hay Linh Sơn vẫn

ghi dấu «địa linh nhân kiệt» vậy.

*“Hơn hai thế kỷ sen thơm ngát
Trải mấy mươi đời Tổ đạo... Thiêng
Pháp tử nổi dòng hương khói tỏa
Ngàn năm thanh sử đất Nha Trang!”*

Bia lập tháng mạnh thu, Vu Lan, PL
2541 - DL 1997

Sa môn THÍCH TRÍ TẠNG
hiệu ĐỨC NHUẬN

Kính soạn



Tôn tượng tổ Bồ đề Đạt Ma
và Long vị chư Tổ khai sơn truyền thừa trú trì



Long vị Tổ khai sơn:
Tự Lâm Tế chánh tông tam thập thất thế khai sơn Cổ tích Linh Sơn
tự húy Đại Bửu hiệu Kim Cang hòa thượng tổ sư giác linh

Khai sơn, đệ nhất đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn TỔ ĐẠI BỬU - KIM CANG

Khai sơn chùa Cổ tích Sa Long hay chùa Sắc tứ
Linh Sơn – Khánh Hòa.

Tổ Đại Bửu, còn được gọi là Kim Cang Đại lão Tổ sư. Ngài thuộc thiền phái Lâm Tế - Liễu Quán đời thứ 37, húy thượng Đại hạ Bửu Pháp hiệu Kim Cang. Ngài quê ở Quảng Nam băng ngàn vào hoàng hóa độ sanh ở Khánh Hòa. Ngài chấn tích khai sơn chùa Sa Long ở thôn Hiền Lương, huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa vào đầu thế kỷ XVIII. Năm Tự Đức thứ 21 (1868), chùa Sa Long bị thất hỏa, sau khi được xây cất lại, đổi tên là chùa Linh Sơn.

Hiện nay trong vườn chùa có cây đại cổ thụ (cây kén) hơn 300 năm tuổi. Theo lược sử của chùa Linh Sơn kể lại là: Khi xưa lúc chưa lập chùa, Tổ Đại Bửu đến ngồi

tu thiên ở gốc cây kén đó. Khu rừng này rất rậm rạp và có nhiều ác thú. Trong thời gian Tổ ngồi thiền định ở gốc cây kén, lại có một con cọp đến bên cạnh, không quấy phá gì mà còn sanh nở một cách tự nhiên.

Trên quả hồng chung của chùa có ghi rõ ngày đúc chuông là “Cảnh Hưng Nhị thập nhị niên, Tân Ty, bát nguyệt...” tức là tháng 8 năm Tân Ty, niên hiệu Cảnh Hưng 22 (1761). Và chứng minh là Đại lão Hòa thượng Đại Bửu - Kim Cang.

Tổ Đại Bửu, viên tịch vào ngày mồng một tháng Giêng năm Ất Dậu tức năm 1765 dương lịch.

Ngôi Cổ tháp tổ khai sơn Đại Bửu Kim Cang nằm về phía Đông của chùa cách chừng 150 mét, trước đây thuộc trong khuôn viên chùa nhưng nay đã bị vườn nhà của dân chen lấn. Do vậy, vào ngày mùng 10 tháng Giêng năm Nhâm Thìn (nhằm ngày 01/02/2012), tứ chúng tổ đình Linh Sơn trang nghiêm tổ chức lễ cung nghinh xá lợi của Tổ từ nơi Cổ tháp về nhập bảo tháp trong vườn Bảo tháp tại Tổ đình. Tổ đã viên tịch cách nay gần 300 năm nhưng nhục thân - xá lợi của Tổ vẫn còn nguyên vẹn. Thật là một điều quý báu vô cùng, Tổ đã lưu lại ẩn tích cho hậu thế tôn thờ.

Nam mô Tự Lâm Tế Chánh Tông Tam thập Thất thế Khai sơn cổ tích Sa Long - Sắc tứ Linh Sơn tự Tổ đình húy thượng Đại hạ Bảo hiệu Kim Cang Đại lão Hòa thượng Tổ Sư giác linh tác đại chứng minh.





Cổ tháp tổ Đại Bửu - Kim Cang, khai sơn Cổ tích Sa Long (Di táng cung thỉnh xá lợi Tổ nhập bảo tháp tại Tổ đình)



Bảo tháp tổ Đại Bửu - Kim Cang, khai sơn Cổ tích Sa Long hay Sắc tứ Linh Sơn tự tổ đình



Long vị Tổ đệ nhị đại trú trì:
Tự Lâm Tế chánh tông tam thập cửu thế Linh Sơn đường thượng
húy thượng Ngô hạ Thuận hiệu Phước Minh hòa thượng giác linh.
(ky ngày mùng 3 tháng 12)

Đệ nhị đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn **TỔ NGỘ THUẬN - PHƯỚC MINH**

Tổ Ngô Thuận Phước Minh nổi pháp đời 39 dòng Lâm Tế. Tổ là vị trú trì đời thứ 2 của tổ đình Linh Sơn, nhưng không ghi rõ năm trụ trì và năm viên tịch. Tổ viên tịch vào ngày mùng 03 tháng 12. Bảo tháp của Tổ được phụng thờ trong khuôn viên của tổ đình và được trùng tu mới.



Bức bình phong giữa cửa khuôn viên vườn tháp, chữ Di của câu Hóa Di Thời



Bảo tháp tổ Ngô Thuận - Phước Minh - đệ nhị đại trú trì



**Đệ Tam đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn
 TỔ ẤN CHÁNH - TỔ TÔNG - HUỆ MINH**

Tổ Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh nói pháp đời 39 dòng Lâm Tế, thế hệ thứ 6 thiền pháp phái của tổ Minh Hải Pháp Bảo. Tổ Ấn Chánh (?-1904) tại chùa Bảo Sơn ở Phú Yên. Tổ là một những vị cao tăng nổi tiếng của tỉnh Phú Yên vào những thập niên cuối thế kỷ XIX. Tổ vân du hoằng hóa và làm trú trì chùa Linh Sơn, Vạn Ninh – Khánh Hòa. Về sau, Tổ truyền thừa cho đệ tử là ngài Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang làm trú trì chùa Linh Sơn rồi Tổ về lại chùa Bảo Sơn – Phú Yên. Theo sự truyền thừa, Tổ là vị trú trì đời thứ

3 của tổ đình Linh Sơn, nhưng không ghi rõ năm nào. Tổ Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh viên tịch vào ngày mồng 10 tháng Giêng năm Giáp Thìn (1904), tứ chúng đệ tử lập tháp phụng thờ tại khuôn viên chùa Bảo Sơn- Phú Yên.

... Tổ Ấn Chánh có nhiều đệ tử kế thừa, mà một trong số đó ta hiện có tư liệu phú pháp là thiền sư Chân Tâm Đạo Tánh Pháp Thân với bài kệ:

Chánh pháp trung diệu lạc

Vật trọc tà kiến mê

Cổ kim đa hiền thánh

Giải liễu tức bồ đề

(Vui mầu trong chánh pháp

Thấy bậy chớ theo mê

Xưa nay nhiều hiền thánh

Hiểu được tức bồ đề)

Tổ Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh lại là đệ tử của tổ Chương Như Tông Chí Từ Ý tại chùa Thiên Hưng thôn Hội Phú, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Và tổ Chương Như lại là đệ tử của tổ Toàn Thể Vi Lương Linh Nguyên. Toàn Thể là tác giả của *Từ Quang tự sa môn Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm nhân do sự tích chí* viết vào năm Giáp Tý của vua Gia Long (1804) và là anh em đồng sư với một tác giả nổi tiếng của lịch sử văn học và Phật giáo Việt Nam là Toàn Nhật

Vi Bảo Quang Đài (1757-1834). Những tác giả này đều là học trò của một tác giả nổi tiếng khác là Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm (1726-1798). Đây là lý do giải thích tại sao *Hứa sử truyện văn của Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài* lại xuất hiện tại chùa Long Sơn của bồ tát Quảng Đức. Tổ Pháp Chuyên lại là đệ tử của tổ Thiệt Dinh Chánh Hiến Ân Triêm (1712-1796). Tổ Thiệt Dinh là cao đệ của tổ Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo (1670-1746), người đã khai sáng ra dòng thiền Chúc Thánh tại nước ta. Cây thiền phả của bồ tát Quảng Đức do thế có thể vẽ lại như sau:

Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo

Thiệt Dinh Chánh Hiến Ân Triêm

Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm

Toàn Thể Vi Lương Linh Nguyên

Chương Như Tông Chí Từ Ý

Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh

Chơn Hương (?) Thiên Quang

Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Tâm

Thị Thủy Hạnh Pháp Quảng Đức

(Lê Mạnh Thát – *Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*)

咸泰五年五月十五日
 富安省
 寶山寺 續出
 嗣臨濟正譜三十九世尊之印下正統
 慧明和尚 付授弟子
 嗣臨濟正譜四十二世真香號天光大師
 正法眼藏 涅槃妙心

正法眼藏

本師得法承先師
 第一祖摩訶迦葉尊者
 第二祖阿難陀尊者
 第三祖商那和修尊者 乃五
 第二十八祖菩提達磨大師
 第二祖慧可大師
 第三祖僧粲大師
 第四祖道信大師
 第五祖慧能大師
 第六祖慧覺大師
 第七祖南嶽懷讓大師 乃五
 第三十二世天童新住持
 第三十三世歸元大師 乃五
 第三十四世歸元大師 乃五
 第三十五世歸元大師 乃五
 第三十六世歸元大師 乃五
 第三十七世歸元大師 乃五
 第三十八世歸元大師 乃五
 第三十九世歸元大師 乃五

此如來特出世時以此法眼藏妙心
 付授阿難尊者乃第一祖隨佛覺悟化度
 群生接引大乘佛妙道其教外別傳雖下
 正當見性成佛代代相承法眼自化
 此以隨佛體乃至於天 覺承
 祖道示言真心實相隨透性相無礙特許此道
 法法則立合法其有心無心大覺道是佛正
 因當求覺界化而度生同為佛種廣利人天
 寶貴 正覺 是法眼以此法付傳無法
 諸題 乃曰 持法本來如 知如如法
 去來生成空 了悟即菩提
 法今受持此法則成佛果成道發大菩提心
 此法眼上來佛道下已有持法眼行前地
 風流 以辨
 佛眼深恩不忘法眼 護持
 正有持法眼心世世生來如佛祖學如法持
 佛眼發菩提心世世生來如佛祖學如法持
 嗣臨濟正譜四十二世真香號天光大師 依法正行

咸泰五年五月十五日
 寶山 敬記

Chánh Pháp Nhân Tạng của tổ Ấn Chánh Huệ Minh phó thụ cho đệ tử là tổ Chơn Hương Thiên Quang
 Niên hiệu Thành Thái thứ 5, ngày 15 tháng 5 năm Giáp Ngọ (1894).

Phiên âm:

CHÁNH PHÁP NHÂN TẠNG

Thành Thái ngũ niên ngũ nguyệt thập ngũ nhật

Phú Yên tỉnh Bảo Sơn tự

Tục xuất

Từ Lâm Tế chánh phổ tam thập cửu thế húy thượng Ấn hạ

Chánh hiệu Huệ Minh hòa thượng

Phó thụ đệ tử

Từ Lâm Tế chánh phổ tứ thập thế húy Chơn Hương hiệu Thiên

Quang đại sư

BỐN SỰ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Đệ nhất tổ Ma-ha Ca-diếp tôn giả

Đệ nhị tổ A-nan tôn giả

Đệ tam tổ Thương-na Hòa-tu tôn giả... *nãi chí...*

Đệ nhị thập bát tổ Bồ-đề Đạt-ma tôn giả thử độ vi sơ tổ

Đệ nhị tổ Huệ Khả đại sư

Đệ tam tổ Tăng Xán đại sư

Đệ tứ tổ Đạo Tín đại sư

Đệ ngũ tổ Hoằng Nhãn đại sư

Đệ lục tổ Huệ Năng đại sư

Đệ thất tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng thiên sư... *nãi chí...*

Đệ thập nhất thế Lâm Tế Nghĩa Huyền thiên sư... *nãi chí...*

Đệ tam thập nhị thế Thiên Đồng Viên Ngộ thiên sư

Đệ tam thập tam thế húy Siêu Bạch thượng Hoán hạ Bích
hiệu Thọ Tôn hòa thượng

Đệ tam thập tứ thế húy Minh Hải hiệu Đắc Trí Pháp Bảo
hòa thượng

Đệ tam thập ngũ thế húy Thật Dinh hiệu Chánh Hiển Ân
Triêm hòa thượng

Đệ tam thập lục thế húy Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu
Nghiêm hòa thượng

Đệ tam thập thất thế húy Toàn Thể hiệu Vi Lương Linh
Nguyên hòa thượng

Đệ tam thập bát thế húy Chương Như hiệu Từ Ý hòa thượng

Đệ tam thập cửu thế húy Ấn Chánh hiệu Huệ Minh hòa
thượng

Thị viết:

Tích ngã Phật Thích-ca Như Lai tương niết-bàn thời, dĩ chánh
pháp nhân tạng Niết-bàn diệu tâm, phó Ma-ha Ca-diếp tôn
giả vi đệ nhất tổ, tục Phật huệ mạng, hóa độ quần sanh, tiếp
dẫn đại thừa, truyền Phật diệu đạo.

Vi giáo ngoại biệt truyền, trực hạ thừa đương, kiến tánh
thành Phật, đại đại tương thừa, truyền đăng pháp nhân, tự
hành hóa tha, thiệu long Phật chủng, nãi chí ư ngã, thân thừa
Tổ đạo, tông chỉ chân tâm, sự lý dung thông, tánh tướng vô
ngại, truyền trì thử đạo, hoằng pháp lợi sanh.

Kim nhữ cụ hữu thử tâm, bội đại thừa đạo, cầu Phật chánh
nhân, đương lai giác quả, hóa vật độ sanh, đồng vi Phật
chủng, quang lợi nhân thiên, tế thành chánh giác.

Thị cố ngã dĩ thử pháp phó chúc dữ nhữ.

Đế thính

Kệ viết:

Chư pháp bốn lai như

Như như như thị pháp

Khứ lai sanh diệt tận

Liễu ngộ tức bồ đề.

Nhữ kim thọ trì thử pháp, tất thành Phật quả phi điều, phát đại thừa tâm tứ hoàng thể nguyện, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa hữu tình, bi trí vận hành tự tha thành mãn.

Dĩ huấn:

Phật tổ thâm ân bất vong pháp nhũ

Hộ trì tam bảo truyền Phật chân tâm

Thể thể sanh sanh như Phật Tổ học

Như thị tôn trọng như thị hành trì

Truyền Lâm Tế chánh tông, tam thập cửu thể húy thượng Ấn hạ Chánh hiệu Tổ

Tông Huệ Minh Bốn sư phó thọ.

Tự Lâm Tế chánh tông tứ thập thể, húy thượng Chơn hạ Hương hiệu Thiên Quang đại sư y giáo phụng hành.

Dịch Việt:

CHÁNH PHÁP NHÂN TẠNG

Triều vua Thành Thái năm thứ 5, tháng 5, ngày 25.

Tỉnh Phú Yên, Chùa Bảo Sơn, nổi dòng.

(Nay) Hòa thượng Huệ Minh, húy thượng Ấn hạ Chánh.

Nổi dòng Lâm Tế Chánh phổ đời thứ ba mươi chín

Truyền thụ cho đệ tử

Húy Chơn Hương hiệu Thiên Quang đại sư

Nổi dòng Lâm Tế chánh phổ đời thứ bốn mươi

CHÁNH PHÁP NHÂN TẠNG NIẾT-BÀN DIỆU TÂM

ĐỨC BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Truyền thừa

Ngài Ma-ha Ca-diếp Tôn giả là sơ Tổ

Ngài A-nan Tôn giả là Tổ thứ hai

Ngài Thương-na Hòa-tu Tôn giả là Tổ thứ ba
cho đến...

Ngài Bồ-đề Đạt-ma là Tổ thứ 28, đến Trung Hoa là sơ Tổ (Thiên tông).

Ngài Huệ Khả đại sư là Tổ thứ hai

Ngài Tăng Xán đại sư là Tổ thứ ba

Ngài Đạo Tín đại sư là Tổ thứ tư

Ngài Hoằng Nhẫn đại sư là Tổ thứ năm

Ngài Huệ Năng đại sư là Tổ thứ sáu

Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng thiên sư là Tổ thứ bảy
cho đến...

Lâm Tế Nghĩa Huyền thiên sư đời thứ mười một...

cho đến...

Ngài Thiên Đông Viên Ngô thiên sư đời thứ ba mươi hai
Ngài Siêu Bạch thượng Hoán hạ Bích hiệu Thọ Tôn hòa thượng đời thứ
ba mươi ba

Ngài Minh Hải hiệu Đắc Trí Pháp Bảo hòa thượng đời thứ ba mươi bốn
Ngài Thật Dinh hiệu Chánh Hiển Ân Triêm hòa thượng đời thứ ba
mười lăm

Ngài Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm hòa thượng đời thứ ba
mười sáu

Ngài Toàn Thể hiệu Vi Lương Linh Nguyên hòa thượng đời thứ ba
mười bảy

Ngài Chương Như hiệu Từ Ý hòa thượng đời thứ ba mươi tám

Ngài Ấn Chánh hiệu Huệ Minh hòa thượng đời thứ ba mươi chín

Dạy rằng:

Xưa Đức Phật Thích-ca Như Lai của chúng ta khi sắp nhập niết-bàn,
đem chánh pháp nhân tạng, niết-bàn diệu tâm phó chúc cho Tôn giả
Ma-ha Ca-diếp làm sơ tổ, tiếp tục huệ mạng của chư Phật, hóa độ
chúng sanh, tiếp dẫn đại thừa, hoằng truyền đạo vi diệu của chư Phật.
Là truyền riêng ngoài giáo, trực hạ thừa đương, kiến tánh thành Phật.
Đời đời trao nhau, truyền đèn pháp nhãn, tự mình tu hành, giáo hóa
quần sanh, nối thạnh dòng Phật.

Cho đến đời của ta¹ nương đạo chư Tổ, lấy chân tâm làm tông chỉ, dung
thông sự lý, tánh tướng không ngại, gìn giữ và truyền bá đạo mầu,
hoằng pháp lợi sanh.

Nay ông² tròn đủ tâm này, kham đạo đại thừa để cầu chánh nhân Phật
tánh, tương lai sẽ thành tựu quả vị giác ngộ, giáo hóa cho quần sanh
cùng nhận ra mình có chủng tánh Phật. Làm lợi lạc khắp cõi nhân
thiên, khiến cho (tất cả) đều thành chánh giác.

Hãy lắng nghe kệ truyền thừa:

Pháp xưa nay vốn Như

Như như pháp như thị

Bật đến đi, sanh diệt

Liễu ngộ tức bồ đề.

Ông nay hãy thọ trì pháp này, ắt sẽ thành quả vị
Phật không xa. Hãy phát tâm đại thừa, trên cầu
Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh. Hãy vận hành
từ bi và trí tuệ, để lợi mình, lợi người đều được tựu
thành viên mãn.

Lấy đó mà thuận nghe:

Thọ ân sâu Phật tổ, không quên dòng sữa pháp.

Hộ trì Tam bảo, truyền thừa Phật tánh chân tâm

Đời đời kiếp kiếp học hạnh Phật tổ

Như thế mà tôn trọng, như thế mà hành trì.

Truyền thừa dòng Lâm Tế chánh tông, đời thứ ba
mười chín, húy thượng Ấn hạ Chánh hiệu Tổ Tông
Huệ Minh Bốn sư.

Trao cho

Nói pháp dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ bốn
mười, húy thượng Chơn hạ Hương hiệu Thiên
Quang đại sư

Y giáo phụng hành.

1. Ngài Ấn Chánh, 2. Ngài Chơn Hương.





Long vị Tổ đệ tử đại trú trì:
Tự Lâm Tế chánh tông tứ thập thế Linh Sơn đường thượng
húy thượng Chơn hạ Hương hiệu Thiên Quang hòa thượng giác linh tọa vị
Sanh ư Nhâm tuất niên thập nhị nguyệt, nhị thập bát nhật, Dần khắc nhị sanh.
Tịch vu Mậu dần niên, thập nhị nguyệt, nhị thập lục nhật, Dần khắc.

Đệ tử đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn

TỔ CHƠN HƯƠNG - HUYỀN TỨC - THIÊN QUANG (1862 - 1939)

Thiền sư Thiên Quang sinh giờ Dần ngày 28 tháng 12 năm Nhâm Tuất (1863) và mất vào giờ Dần ngày 26 tháng 12 năm Mậu Dần (1939), thế danh là Phạm Huyền Túc, tại làng Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Cha là cụ Phạm Dĩ mẹ là bà Nguyễn Thị Điền. Lớn lên, thiền sư đến xuất gia với tổ Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh, nên có Pháp danh là Chơn Hương hiệu Thiên Quang. Ta hiện chưa truy ra pháp tự của thiền sư. Những người đồng hàng và đệ tử của thiền sư Ấn Chánh đều bắt đầu bằng chữ đạo như Chơn Chánh Đạo Tâm Pháp Tạng, người đã chép bản *Hứa sử truyền văn* vào năm Thành Thái Ất Mùi (1895), Chơn Tâm Đạo Tánh Pháp Thân, người đã khai sơn chùa Phước Huệ tại Huế và chú giải *Tam bảo biện hoặc luận* v.v...

Thiền sư Chơn Hương Thiên Quang lớn lên thì đất nước đang bị nạn ngoại xâm do giặc Pháp gây ra. Chính tại quê hương Phú Yên của mình, những người Phật tử yêu nước đã anh dũng đứng lên dưới sự lãnh đạo của các thiền sư Võ Trứ và Trần Cao Vân, quyết liệt chống trả với kẻ thù vào những năm 1893. Đây hẳn là thời điểm thiền sư Thiên Quang đã vào vùng Vạn Ninh lánh nạn để tránh sự trả thù đê hèn của giặc, sau khi cuộc khởi nghĩa Võ Trứ – Trần Cao Vân thất bại. Dù với thời điểm nào, ta cũng có thể chắc chắn là thiền sư vào trú trì chùa Linh Sơn vào khoảng thời gian ấy.

Lý do suy nghĩ như vậy xuất phát từ chỗ tổ Thiên Quang có người đệ tử là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm, mà ta biết đã khai sơn chùa Long Sơn vào năm Thành Thái thứ 10 (1899) và trước khi khai sơn, đã đến ở chùa làng Phú Cang. Việc khai sơn chùa ấy vào năm đó chứng tỏ thiền sư phải xuất gia cũng trên dưới 10 năm, một khoảng thời gian cần thiết để một người xuất gia có thể rời thầy mình, để đi hành hoá ở một trú xứ mới. Cần nhớ rằng khi cuộc khởi nghĩa Võ Trứ – Trần Cao Vân xảy ra, thiền sư Thiên Quang mới 30 tuổi, tức về mặt đời sống đạo vẫn còn trẻ lắm. Dầu thế, tuy ta không biết thiền sư Hoàng Thâm xuất gia vào lúc nào, nhưng điều chắc chắn là phải xuất gia vào khoảng 1893, nếu không là trước đó... (Lê Mạnh Thát – *Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*)



Tổ Chơn Hương Thiên Quang
(1863 - 1939)

Văn kiện ngày 10 tháng 4 năm Ất Ty (1905)

Nội dung kêu gọi quyền góp để đúc lại tượng Phật cho tổ đình Linh Sơn do thiền sư Chơn Hương Thiên Quang thực hiện, văn kiện bằng chữ Hán, được dịch như sau:

Yết ma hòa thượng chùa Linh Sơn xã Hiền Lương tổng Phước Tường nội huyện Quảng Phước phủ Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa hiệu Thiên Quang xin lập tờ thiện khuyến:

Hưởng ơn lành của Phật tổ thì bước nền cũ ở gò cao, qua chỗ yên của người xưa thì cõi lấy nhà trên núi. Đã trải mười năm ngóng trông, được lấy nền hư tại Hiền Lương. Thấy nền đó gặp buổi tranh giành, nhân lúc gần trưa, trời hè khí hun, về nam gió tạt. Than ôi, ruộng cột điện Phật, thầy giao cho một môi lửa. Cơ đồ thê thảm, hình tượng cũng trở thành rụi tàn.

Bản tảng há ngồi nhìn, há yên lòng ư? Do thế, đã nhọc mình đầu óc, hết sức chạy lui chạy tới, dựng lấy một am chùa, vẽ mấy

tượng Phật. Thế mà đã một kỷ, trước mây che khỏi gió mưa. Thế mà đã mười năm, nhờ đó mà công phu nổi lại.

Nay một gian chùa am sắp đổ, mỗi nghĩ một mình khó kham. Mấy tượng Phật chưa đúc, thâm tâm nguyện lớn sao đáp, nên lòng mãi lo âu, chí mãi trông ngóng. Cho nên, trình bày cầu xin bố thí, khuyên lành phương xa. Kính mong thạc đức hiền nhân ban ơn, giúp cho cơ đồ sắp đổ trở lại như xưa.

Kính nghĩ người nhân quân tử ban ơn, xót những hình tượng đã hư nát, phải phục hồi lại cho rực rỡ sáng tươi. Như thế thì dòng thơm mãi chảy, phúc lớn vô cùng. Trên bản ghi tên cùng với tháng năm bất tuyệt. Trong bản lưu chiếu cũng đời đời chẳng thể quên mất. Đại nguyện lòng này đâu phải trộm thôi, há dám dông dài. Vậy thôi, xin trước bản xem xét.

Ngày 10 tháng 4 năm Ất Ty (1905)

Yết Ma hòa thượng hiệu Thiên Quang ấn ký.

(Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)

Tổ Chơn Hương – Huyền Túc – Thiên Quang, nổi pháp đời 40 dòng Lâm Tế, thế hệ thứ 7 của thiền phái Chúc Thánh. Tổ là vị trú trì đời thứ 4 Tổ đình Linh Sơn (1895 – 1939). Năm Duy Tân nguyên niên (1907), Tổ đã đặt móng khai sơn chùa Báo Ân tại xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa ngày nay. Ngoài ra, Tổ còn kiêm nhiệm trú trì chùa Hội Phước – Nha Trang. Khi làm trú trì chùa Hội Phước – Nha Trang, Tổ trùng tu lại cổng Tam quan và ghi lại câu đối trong đó có chữ “*Hội Phước Thiên Môn*”: Hội Tấn Nhân Duyên Phước; Thiên khai Tế Độ Môn”.

Căn cứ vào các văn kiện còn lưu lại tổ đình Linh Sơn, tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang trú trì chùa Linh Sơn đã trùng tu xây dựng cơ sở lớn lao, chú tạo nhiều pháp khí cũng như tôn tượng Phật và tiếp nhận nhiều ruộng đất của bốn đạo hiến cúng. Vào năm Đinh Sửu (1937) Tổ khai mở Đại giới đàn tại chùa

Linh Sơn và được chử sơn trong tỉnh nhà cung thỉnh Tổ làm Đường đầu Hòa thượng. Trụ thế 77 tuổi, sau khi viên tịch đồ chúng cung thỉnh nhục thân Tổ nhập bảo tháp (tháp được lập sẵn) và phụng thờ trong khuôn viên tổ đình Linh Sơn. Đệ tử đặc pháp với Tổ như các ngài: Hòa thượng Hoằng Thâm, Hoằng Nguyên, Hoằng Chất, Hoằng Thọ, Hoằng Đạo...

Việc lập bảo tháp Tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang tại tổ đình Linh Sơn có lưu lại văn kiện ngày 09 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 5 (1930) như sau:

Đệ tử chùa Linh Sơn xã Hiền Lương tổng Phước Tường nội phủ Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa hiệu Hoằng Nguyên cùng chúng lục hòa vái trình sự việc xin phát tâm sùng tu bảo tháp như sau:

Mãng nghe bốn đại đều không, bỏ trí tuệ vô tư của Phật ta thì sáu căn muốn dứt, không Bồ đề thì thiếu sự tu trì đó. Kính nghĩ bốn sư của chúng đệ tử là hòa thượng chùa Linh Sơn hiệu Thiên Quang thượng nhân



Bảo tháp tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang, trú trì đời thứ 4 tổ đình Linh Sơn, lập năm 1930

lúc thiếu thời mộ đạo xuất gia, tham thiền nhập định, giới nhận sa môn, thành chánh quả Phật, trong có đức trí nuôi chứa, ngoài có hạnh đẹp rõ ràng. Cửa mở trí thông, bàn cơ huyền của đạo tối thượng, nhà vào từ bi giảng pháp diệu của dụng vô vi. Không biết trải qua bao bể dâu mới có ngày hôm nay.

Chúng tôi những nghĩ đời người như sương xuân mọc thu, chốc lát thì tan, như cây bờ dây giếng, há được dài lâu, nếu không lo việc từ trước, e lại phải hối về sau. Cho nên, nay bốn sư của chúng đệ tử, tuổi quá sáu mươi, mình đã run rẩy, tuy mang sắc vẻ của từng bách không sợ gì nương dâu cảnh

xế, nhưng một mai bông phải viên tịch, cả thế giới còn có hạt cải để dẫu bao thì việc nghìn thu nhất định phải có nơi bằng cứ để vùi lấy kiếp trần vào chốn tam muội diệt tận. Chúng đệ tử thấy đều thấy tu nghèo, rất sợ điều đó.

Thiết nghĩ dựng nhà lớn không phải một cây mà làm được, dệt áo cừu chẳng phải lông của một con cáo mà thành ra, bèn dám tập hợp vái xin, lập làm một tờ quyên góp, nói rõ cùng lý hào sớ tại cho họ chứng ký. Rồi riêng đi khắp mười phương, kính trình các thiện nam tín nữ, ánh tuệ duỗi

soi, lượng biển rộng mở, cùng trồng ruộng phước, ít nhiều dự vào, để giúp bảo tháp nơi tàng chứa chân thân ngàn ức năm của bốn sư chúng đệ tử, hầu được tháp nền vút cao, cây báu um tốt, hoa diêm lành nở đẹp, đất Hiền lương ánh tươi. Ấy sắc ấy không, ngộ được bỏ để không cây. Bất sanh bất diệt, hiểu rõ gương sáng chẳng đài. Về sau, chúng đệ tử và thiện tín, một là y bát chân truyền, hai là đàn na chứng quả, cùng gọi mưa pháp, khí thiêng sông Lê mãi xuôi, cùng trồng mây từ, màu núi non Trì tự tại.

Có bao nhiêu thiện tín ban ơn, xin đem què

quán tự hiệu, ghi vào sổ quyên, đợi khi việc xây tháp xong xuôi, xin chép vào bảng để truyền bất hủ. Đây là lời kính quyên góp để xây tháp.

Mồng mười tháng ba năm nay khởi công

Ngày mồng 9 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 5 (1930)

Đệ tử chùa Linh sơn hiệu Hoằng Nguyễn vâng vái ký. (Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)



Bảng gỗ khắc Pháp hiệu chư Tăng và phương danh bốn đạo cúng dường tịnh tài trùng tu chánh điện chùa Linh Sơn, chứng minh là Yết ma hòa thượng hiệu Thiên Quang.

Niên hiệu Thành Thái thứ 16, năm Giáp Thìn (1904), tháng cuối Hạ, ngày lành dựng bảng.



Long vị tổ Hoàng Thâm:
Tự Lâm Tế chánh tông tứ thập nhất thế húy thượng Như hạ Đạt
hiệu Hoàng Thâm giáo thụ hòa thượng giác linh tọa vị.
*Sanh ư Đinh Tỵ niên, cúng điền tam mẫu
Tịch Tân Tỵ niên, thập nhất nguyện, nhị thập tam nhật*

TỔ NHƯ ĐẠT - GIẢI NGHĨA - HOÀNG THÂM

Thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm. Vì là cậu ruột của bồ tát Quảng Đức, nên thiền sư cũng sinh ra và lớn lên tại cùng quê là làng Hội Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Thiền sư là người con thứ ba trong gia đình, sinh năm Đinh Tỵ (1857), tên đời là Nguyễn Giá, anh ruột của bà Nguyễn Thị Nương là mẹ của bồ tát Quảng Đức.

Thiền sư xuất gia muộn, lớn hơn vị thầy của mình là thiền sư Chơn Hương - Huyền Túc - Thiên Quang đến cả 6 tuổi. Thiền sư sinh ngày 1 tháng 5 năm Đinh Tỵ (1857) và cũng mất trước thầy mình 18 năm vào ngày 23 tháng 11 năm Tân Dậu (1921), thọ 67 tuổi. Tương truyền trước khi xuất gia, thiền sư đã luyện tập các môn huyền học. Dân

vùng Vạn Ninh còn kể chuyện thấy thiên sư cỡi cọp từ trong núi đi ra. Cọp vùng này thuộc loại dữ nhất nước, như ca dao đã từng ghi nhận: *cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận*.

Sau khi xuất gia, học tập và thọ giới với bốn sư của mình tại tổ đình Linh Sơn, thiên sư đã đến làng Phú Cang ở tại chùa Long Hòa của làng này cho đến lúc khai sơn chùa Long Sơn vào năm Thành Thái thứ 10 (1899). Chính tại ngôi chùa này vào cuối năm 1976, chúng tôi đã phát hiện ra bản in xưa nhất của tác phẩm dài nhất của văn học quốc âm Việt Nam là *Hứa sử truyện văn* do chính tác giả là thiên sư Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài (1757- 1834) đứng in. Văn bản này đã trở thành tư liệu cơ sở cho công tác nghiên cứu và công bố các thơ văn mà chúng tôi tập hợp được thành *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài*. Căn cứ vào bản kê khai pháp bảo tự khí của tổ đình Linh Sơn do Hoàng Chất thiết lập vào năm Bảo Đại 15 (1940) ở trên ta không thấy có văn bản ấy. Điều này chứng tỏ nó phải được chính thiên sư Như Đạt Giải Nghĩa

Hoàng Thâm đã thỉnh ở đâu đó về chùa Long Sơn của mình, nếu không nữa thì các đệ tử, trong đó có khả năng là Bồ tát Quảng Đức của chúng ta đã làm việc ấy...

Bản thân thiên sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm thông qua lời lẽ trong văn kiện cúng ruộng ngày 12 tháng chạp năm Duy Tân thứ hai (1907) cho tổ đình Linh Sơn, Long Hòa và Long Sơn cho ta thấy một phần nào tâm nguyện hộ đạo của Người. Bản thân chùa Long Sơn là do chính thiên sư Hoàng Thâm khai sơn vào năm Thành Thái thứ 10 (1899). Điều này chứng tỏ thiên sư đã xuất gia và theo học với thầy mình tại tổ đình Linh Sơn một thời gian. Rồi sau đó, căn cứ vào văn kiện cúng ruộng cho chùa Linh Sơn và Long Hòa, ta biết thiên sư đã ra ở chùa Long Hòa. Chùa này là ngôi chùa do dân làng Phú Cang dựng nên. Cho nên, đến năm 1899, thiên sư đã khai sơn chùa Long Sơn cũng tại làng ấy. Việc xây dựng chùa Long Sơn kéo dài trong một thời gian dài, cho đến ngày 28 tháng 2 năm Duy Tân thứ 2 (1907) thì hoàn tất

việc đúc đại hồng chung cho chùa, hiện vẫn còn. Cùng năm với việc đúc chuông, đến tháng chạp thì thiên sư đã đem ruộng cúng cúng cho ba chùa Long Sơn, Linh Sơn và Long Hòa.

Tổ Hoàng Thâm làm xong những việc đó thì đến ngày 23 tháng 11 năm Tân Dậu (1921) thiên sư đã vĩnh viễn ra đi. Các đệ tử của thiên sư, trong đó có bồ tát Quảng Đức lúc ấy đang làm tri sự chùa, đã cùng nhau đưa tiễn vị thầy mình đến nơi an nghỉ cuối cùng và xây tháp ở bên trái phía trước chùa. Trong số các văn kiện liên hệ đến tổ Hoàng Thâm, ta hiện chỉ mới phát hiện được hai. Đó là bài minh khắc trên chuông chùa Long Sơn ghi tên những vị chứng minh và cúng tiền đúc nên quả chuông đó vào ngày 28 tháng 2 năm Duy Tân thứ 2 và văn kiện cúng ruộng cho chùa Long Sơn, Linh Sơn và Long Hòa vào ngày 12 tháng 12 năm Duy Tân thứ 2 (1907).

(Lê Mạnh Thát – *Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*)



Tổ Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm
(1857 - 1921)

Văn kiện này ngày 12 tháng 12 năm Duy Tân thứ 2 (1907)

Văn kiện này hiện chỉ có 2 tờ giấy bồi láng, khổ 14x20 cm, đóng chung với bản sao 6 văn kiện cúng ruộng đất khác của chùa Linh Sơn và được Đại diện hội

đồng xã Vạn Lương chứng thực vào cùng một ngày. Nội dung viết bằng chữ Hán được dịch như sau:

Đệ tử Nguyễn Như Đạt, tự Giải Nghĩa, hiệu Hoằng Thâm chùa cổ tích Long Sơn xã Phú Cang tổng Phước Tường nội phủ Ninh Hoà trăm lạy xin thưa về việc phụng cúng tự điền cùng trần tình sự duyên:

Đạt từ lúc nhận giới điệp của bốn sư tới nay, vui thấy mây từ, mừng gọi mưa pháp, bốn ân tưởng đến, thường quán tác lòng, nhưng không biết làm sao. Lòng trái với việc, tình bị cảnh trở đến nổi ngổn ngang chưa định, mịt mờ không thông. Những đêm thanh vắng lúc tham thiền tưởng nhớ, thì lòng trần vút hết, bèn may mắn mở được một con đường giác ngộ.

Vì thế, Đạt không tiếc những gì mình có, chỉ muốn dùng đem để trả ơn. Đạt xin đem những pháp khí, tự sản cùng tự điền của Đạt (16 mẫu) đưa vào chùa cổ tích Long Sơn để tiện về một mối. Còn ba mẫu thì xin dâng cúng cho chùa Linh Sơn của bốn sư để biểu nghĩa thầy trò, ba mẫu thì đem

dâng cúng cho chùa Long Hòa nơi mình ở để đáp lại ơn đất nước.

Cúi mong hòa thượng bốn sư treo cao trời tuệ, tác đại chứng minh, duỗi lòng xét nhận hầu giúp tâm thành của Đạt vươn thấu tới hư không, để cho một tấm hạ tình của Đạt chóng tiêu hết những lo lắng trần tục. Đạt khôn xiết cảm tạ đội ơn.

Nay ruộng ba mẫu đem dâng cúng có gì cũng đem nơi chốn kê ra dưới đây. Nay lời dâng cúng ruộng xin kê:

Dâng cúng ruộng 3 mẫu tọa lạc tại xứ Đồng Bé (đông giáp ruộng chùa và sông, tây giáp ruộng chùa, nam giáp đường sông và bắc giáp ruộng chùa).

Sở ruộng 3 mẫu (hạng nhất 7 sào, hạng nhì 8 sào, hạng ba một mẫu và hạng tư 5 sào)

Ngày 12 tháng 12 năm Duy Tân thứ 2 (1907).

Đệ tử hiệu Hoằng Thâm tự ký. (Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)



Bàn giữa thờ Long vị và di ảnh chư vị Tổ sư khai sơn truyền thừa trú trì



Bàn bên hữu thờ Long vị chung của chư Tăng môn phong viên tịch



Bàn bên tả thờ di ảnh chư Tăng môn phong viên tịch



Long vị Tổ trú trì đời thứ 5:
 Tự Lâm Tế chánh tông tứ thập thế Linh Sơn tự húy Chơn Công
 tự Đạo Mậu hiệu Viên Giác Tổ sư.

Đệ ngũ đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn TỔ CHƠN CÔNG - ĐẠO MẬU - VIÊN GIÁC

Ngài thế danh là Phạm Quân, sanh năm Mậu Thân (1908), thân phụ là cụ Phạm Ngũ, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Sử, sanh tại Hiến Lương, tỉnh Khánh Hòa. Ngài thuở nhỏ được song thân cho quy y xuất gia với tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang thuộc dòng Lâm Tế 40, thế hệ thứ 7 pháp phái Chúc Thánh. Ngài là cháu bác ruột của tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang, dị tình thân quyến nên Tổ không cho pháp danh đệ tử truyền theo dòng kệ trực hệ mà cho Ngài pháp danh đồng hàng là Chơn Công tự Đạo Mậu hiệu Viên Giác.

Năm Bính Tý (1936), tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang, tuổi về già sức yếu nên cử Ngài làm chức Giám tự tổ đình Linh Sơn phụ giúp công việc chùa với Tổ.



Tổ Chơn Công Đạo Mậu Viên Giác
(1908 - 1952)

Ngày 26 tháng 12 năm Mậu Dần (đầu năm 1939), tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang viên tịch, chư tăng môn phong tổ đình đề cử Ngài làm trú trì tổ đình Linh Sơn.

Đầu năm Canh Thìn (1940), Ngài thỉnh cử hòa thượng Quảng Đức làm trú trì tổ đình Linh Sơn và Ngài vẫn tiếp tục làm Giám tự tổ đình. Cuối năm 1944 hòa thượng Quảng Đức lại mời hòa thượng Tịch Tràng đảm nhận trọng trách trú trì tổ đình Linh Sơn, lúc ấy vì bệnh duyên nên Ngài xin nghỉ chức Giám tự tổ đình để tịnh dưỡng. Ngày 28 tháng 5 năm Nhâm Thìn (1952) thì Ngài viên tịch, thọ 44 tuổi, hòa thượng Tịch Tràng và môn đồ lập tháp thờ trong khuôn viên tổ đình.

Trong thời gian 2 năm trú trì tổ đình Ngài đã giáo hóa và truyền trao tam quy ngũ giới cho Phật tử tại gia rất đông, về sau một số Phật tử ấy trở thành cận sự hộ trì tam bảo đặc lực tại tổ đình.

Văn kiện ngày 13 tháng 3 năm Bảo Đại thứ 15 (1940)

Gồm 12 tờ giấy bồi, khổ 15 x 26.5 cm, mỗi tờ 2 trang a và b. Giữa các trang 1b và 2a và 2b và 3a có đóng dấu giáp lai của xã Hiền Lương. Chữ viết bằng bút lông mực tàu, nhưng trong phần phương danh những người cúng thì có chỗ viết bằng mực xanh hay mực tím của bút sắt. Chỗ thị thực của chánh tổng Phạm Minh ở tờ 1b1 cũng viết bằng bút sắt mực xanh.

Trú trì chùa Sắc tứ Linh Sơn hiệu Quảng Đức (và giám tự) Viên Giác của xã Hiền Lương tổng Phước Tường nội huyện Vạn Ninh vì xin báo cáo, lập lời công việc như sau:

Điện Phật của bốn chùa đã trải nhiều năm. Nay bản tăng thấy điều đó đau lòng, khiến bèn thành tâm phát nguyện trùng tu phạm vũ. Nhưng bốn chùa không có tiền bạc của cải xuất ra. Vì thế, nay báo rõ cùng với chư sơn thiên đức cùng bốn đạo thiện nam tín nữ người hiền con Phật rộng phát lòng từ,

giúp cúng tiền bạc nhiều ít, nhân đó mà sửa sang việc Phật. Bởi đó, tôi trình bày đây đủ cho lý hào trong tổng sở tại chứng nhận sự thật, có bao nhiêu thiện tín viên chức giúp cúng, đều liệt kê phương danh vào sau đây, để ghi bằng lưu truyền. Xin chúc hiện tiền phước thọ tăng long, ngày sau cùng lên nước Phật. Nay xin có lời báo cáo.

Ngày 13 tháng 3 năm Bảo Đại 15 (1940)
Trú trì chùa Sắc Tứ Linh Sơn hiệu Quảng Đức tự ký
Giám tự hiệu Viên Giác thủ ký.

Ngày mồng một tháng năm chứng thực: Chánh tổng
Phạm Minh ký (có đóng dấu của tổng Phước Tường
nội)

Bổn xã đồng ký (có đóng dấu của xã Hiền Lương)
Sở tại lý trưởng Trần Ứng Long ký
Chánh cứu phẩm đội trưởng Nguyễn Phương thủ ký
Cửu phẩm Nguyễn Trọng Hào thủ ký
Đại hào mục Nguyễn Công thủ ký
Phó tổng dụng Tạ Văn Khuyển thủ ký.

(Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)



Bửu tháp tổ Chơn Công Đạo Mậu Viên Giác



LƯU HƯƠNG TRƯỚC VƯỜN BẢO THÁP CHƯ TỔ



Long vị Tổ trú trì đời thứ 6:
 Tụ Lâm Tế chánh tông tứ thập nhị thế Linh Sơn Tự
 húy Thị Thủy hiệu Quảng Đức hòa thượng giác linh

Đệ lục đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn

TỔ THỊ THỦY - HẠNH PHÁP - QUẢNG ĐỨC

Tổ Thị Thủy Hạnh Pháp Quảng Đức nổi pháp dòng Lâm Tế đời 42, thế hệ thứ 9 thiên phái Chúc Thánh, và trú trì đời thứ 6 Tổ đình Linh Sơn (1940 - 1944). Ngài thế danh Lâm Văn Tuất, sinh năm 1897 (Đinh Dậu) tại thôn Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Ngài viên tịch (tự thiêu) ngày 20 tháng 4 nhuận năm Quý Mão, tức ngày 11/06/1963 tại Sài Gòn. Ngài sinh trong một gia đình có bảy anh chị em, thân sinh là cụ ông Lâm Hữu Ứng và cụ bà Nguyễn Thị Nương.

Niên hiệu Thành Thái thứ 16, năm Giáp Thìn (1904), vừa lên bảy tuổi, Ngài được song thân cho đi xuất gia thụ giáo với Tổ Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm, trụ trì chùa Long Sơn, thuộc dòng Thiên Chúc Thánh là đệ tử đặc pháp với Tổ Chơn Hương Thiên Quang ở chùa Linh Sơn. Tổ Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm là cậu ruột của ngài Lâm Văn Tuất, nên được Tổ nhận làm con nuôi và chính thức đổi tên họ là Nguyễn Văn Khiết.

Năm 15 tuổi, Ngài thọ giới Sa di, năm 20 tuổi thọ giới Tỳ kheo và Bồ tát được pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hạnh Pháp, pháp hiệu Quảng Đức. Khi thọ giới xong, Ngài phụ trách nhiệm vụ tri sự chùa Long Sơn, để giúp cho Bốn sư của mình lúc ấy đã già.

Năm Tân Dậu (1921), Tổ Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm là bốn sư của Ngài viên tịch tại chùa Long Sơn. Khi ấy chùa Long Sơn được truyền thừa cho hòa thượng Thị Thanh Hành Thái Vô Vi trụ trì, nên Ngài vào chùa Linh Sơn tu học dưới sự giáo dưỡng của Tổ Chơn Hương Huyền Túc Thiên Quang.

Năm 1927, Ngài phát nguyện nhập thất ba năm trên ngọn Núi Đất ở Ninh Hòa. Đến năm Bảo Đại thứ 8 (1933), Ngài về trụ trì chùa Thiên Ân, xã Phước Thuận, phủ Ninh Hòa.

Năm 1936, Hội An Nam Phật học ra đời, Đại lão hòa thượng Hải Đức mời Ngài nhận chức Chứng minh Đạo sư cho Chi hội Phật học Ninh Hòa. Về sau, ngài được thỉnh cử giữ chức Kiểm Tăng cho Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa.

Năm Mậu Dần (1938), Ngài vân du vào Nam hành đạo khắp các tỉnh Sài Gòn, Gia Định, Định Tường, Tây Ninh, Bà Rịa xuống đến Hà Tiên. Ngài cũng đã từng sang Cao Miên (Campuchia) để

giáo hóa các Phật tử kiều bào, và học hỏi nghiên cứu kinh điển Pāli của Phật giáo Nam Tông. Tại Cao miên Ngài đã gặp hòa thượng Tịch Tràng trên đường tầm sư học đạo.

Năm Bảo Đại thứ 15 (1940), Ngài về đảm nhận trụ trì tổ đình Linh Sơn xã Hiến Lương tổng Phước Tường nội huyện Vạn Ninh (nay thuộc thôn Hiến Lương, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa). Năm 1941, Ngài nghe tin thiền sư Chơn Phổ Nhãn Tế Minh Tịnh đi tham học ở Ấn Độ, Tây Tạng trở về và lập chùa Thiên Chơn, nên Ngài vào Chợ Búng, Thủ Dầu Một tại chùa Thiên Chơn thăm viếng và đàm đạo với Thiền sư Chơn Phổ Nhãn Tế Minh Tịnh. Tại đây, Ngài gặp lại hòa thượng Tịch Tràng, biết là pháp khí có thể làm rường cột cho Phật Pháp mai sau, nên Ngài mời hòa thượng Tịch Tràng về tổ đình Linh Sơn tu học để tương lai có thể đảm nhận trọng trách trụ trì ngôi tổ đình Linh Sơn.

Cuối năm 1944 Ngài chính thức truyền thừa trụ trì tổ đình Linh Sơn cho hòa

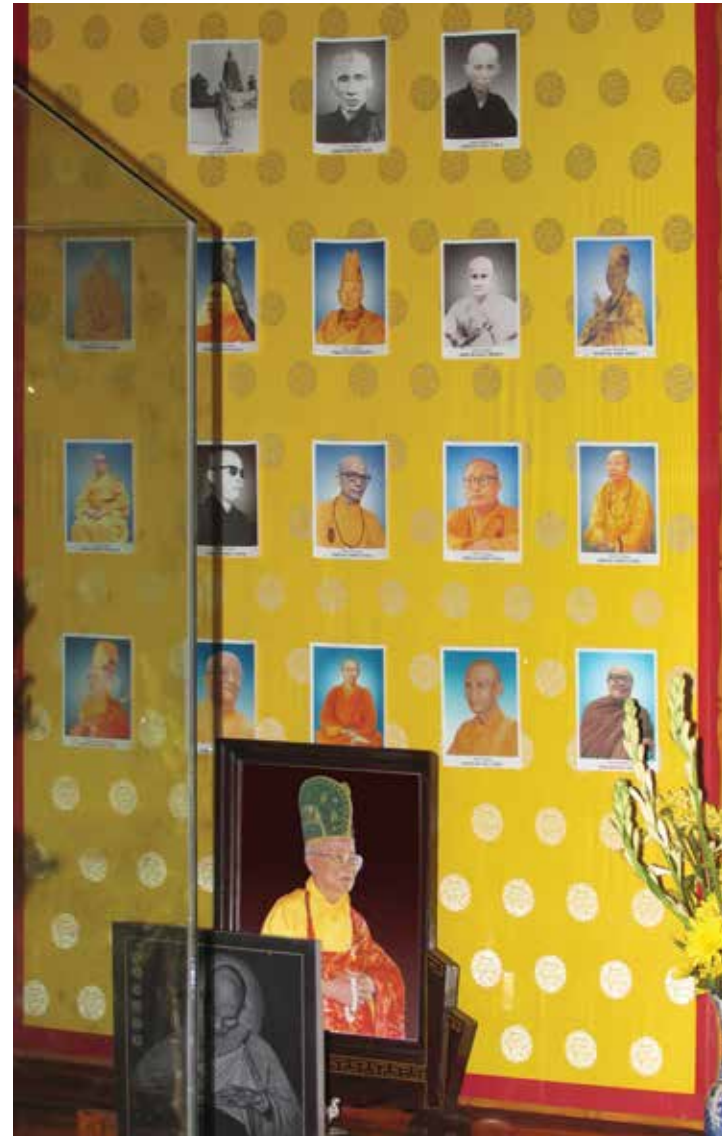


Tổ Thị Thủy Hạnh Pháp Quảng Đức
(1897 - 1963)

thượng Thích Tịch Tràng. Thời gian 5 năm đảm nhận trọng trách trụ trì tổ đình Linh Sơn Ngài đã đóng góp nhiều Phật sự lớn lao, cũng như việc đón nhận Sắc tứ, xác nhận bằng khoán đất đai và trùng tu tái thiết ngôi Tổ đình, hiện còn lưu lại nhiều di tích rất đáng kể.



Thiền sư Chơn Phổ - Nhẫn Tế - Minh Tịnh (1889 - 1952)
Khai sơn chùa Thiên Chơn - Bình Dương



Bàn thờ di ảnh chư tôn Hòa Thượng Danh Tăng cận đại



SẠP GỤ VÀ TRƯỜNG KỶ THỜ TẠI TỔ ĐƯỜNG



Long vị Tổ trú trì chùa Long Sơn (1921-1926):
 Tụ Lâm Tế chánh tông tứ thập nhị thế
 húy thượng Thị hạ Thanh tự Hành Thái
 hiệu Vô Vi hòa thượng giác linh.
*Nguyên sanh vu Nhâm Ngọ niên, hưởng dương (thọ)
 lục thập bát tuế.
 Viên tịch ư Kỷ Sửu niên, tam nguyệt thập tam nhật,
 Ngọ thời.*

TỔ THỊ THANH - HÀNH THÁI - VÔ VI

Ngài đặc pháp với tổ Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm, trụ trì chùa Long Sơn, thuộc dòng Lâm Tế đời 42, thế hệ thứ 9 thiền phái Chúc Thánh, nên có Pháp danh là Thị Thanh tự Hành Thái hiệu Vô Vi. Ngài sanh năm Nhâm Ngọ (1882), hưởng thọ 68 tuổi và viên tịch năm Kỷ Sửu (1949). Năm Tân Dậu (1921), tổ Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm viên tịch và Ngài được truyền thừa y bát trú trì chùa Long Sơn. Long vị của Ngài được thờ tại tổ đình Linh Sơn.

Căn cứ Văn kiện ngày 15 tháng 4 năm Bảo Đại thứ 1 (1926)

Gồm ba tờ, khổ 29x14cm. Mỗi tờ hai trang a và b, mỗi trang 8 dòng, mỗi dòng trung bình từ 30 đến 32 chữ, trừ những dòng kê khai tài sản đồ đạc của chùa và ghi ngày tháng niên hiệu. Nội dung là văn bản của vị trú trì kế thế thiền sư Hoằng Thâm tại chùa Long Sơn trả chùa cho viên chức hào lý của làng Phú Cang. Vị trú trì này ký tên là Vô Vi. Nếu căn cứ vào Văn kiện ngày 12 tháng 11 năm Khải Định thứ 6 (1921), vị trú trì chùa Long Sơn vào năm ấy là Nguyễn Thị Thanh (Nguyễn là họ, Thị

Thanh là Pháp danh). Hơn nữa căn cứ vào Văn kiện ngày 6 tháng 6 năm Khải Định thứ 2 (1917) thì năm 1917 Nguyễn Vô Vi (Nguyễn là họ, Vô Vi là hiệu) đã làm giám tự chùa Long Sơn. Vậy Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Vô Vi là một người. Từ đó, ta biết thêm một cao đệ của Tổ Hoàng Thâm và là sư huynh của bổ tát Quảng Đức là Thị Thanh Vô Vi, một thời là trú trì chùa cổ tích Long Sơn. Mười lăm năm sau, trong văn kiện ngày 13 tháng 3 năm Bảo Đại thứ 15 (1940) ghi phương danh những tăng ni Phật tử đóng góp vào việc trùng tu tổ đình Linh Sơn, bổ tát Quảng Đức lúc bấy giờ là trú trì tổ đình có ghi tên của “Đệ tử chùa sắc tứ cổ tích Long Sơn là hòa thượng giáo thọ hiệu Vô Vi hộ niệm cúng tiền 2 đồng hiện đã giao”. Nội dung văn kiện ấy như sau:

Tăng Vô Vi chùa cổ tích Long Sơn xã Phú Cang tổng Phước Tường nội phủ Ninh Hòa xin làm biên kê ruộng đất cùng vật hạng trong chùa đệ trình xét, sự việc như sau:

Tăng tôi từ xuất gia đầu Phật theo thầy học

đạo, trải qua nhiều năm. Đến ngày 23 tháng 11 năm Tân Dậu là ngày bốn sư hiệu Hoàng Thâm viên tịch truyền trao y bát cho tăng tôi nay đã sáu năm rồi. Phàm hết thầy Phật tượng Pháp bảo tự khí vật hạng trong chùa và ruộng đất thuộc chỗ nào, mẫu sào bao nhiêu, đều có đủ văn khế, mỗi mỗi kê biên do đơn xin quan lưu chiếu. Cùng bốn sư của tăng tôi và hào lý của bốn xã, đều có lời cử tăng tôi kế tiếp trú trì ở nơi chùa này tu hành. Tự khí ruộng đất của chùa này, mỗi hạng đều giao cho tăng tôi nhận giữ.

Từ đó đến nay, tăng tôi ở đó, một lòng thờ Phật cùng giữ gìn các vật hạng ấy, để làm tài sản của thường trụ. Nhưng tăng tôi từ khi nhận ở để thờ phụng, mỗi mỗi cần kiệm cùng tăng tôi ngày thường đem nghề thầy thuốc cùng khách thập phương đến mời thỉnh tụng kinh, may mắn có chút tiền dư, đến nỗi có tạo thêm vật hạng thường dùng và tậu mãi ruộng tư bấy mẫu.

Bắt ngờ vào ngày 15 tháng 2 năm này viên chức hào lý của xã đây có sự bất hòa với tăng tôi. Tăng tôi bất đắc dĩ phải đến cửa quan trình kêu để được giải quyết thỏa đáng. Tăng

tôi thiết nghĩ hào lý xã này đã bất hòa với tăng tôi, thì việc ở đây tu hành là không tiện. Tăng tôi xin đi chỗ khác để ở. Còn trước đây bốn sư của tăng tôi để lại pháp bảo tự khí vật dụng mỗi thứ bao nhiêu cùng ruộng đất văn khế giấy tờ mỗi thứ bao nhiêu và tăng tôi từ khi kế thế trú trì đến nay tạo mới được vật hạng cùng ruộng tư bao nhiêu, nhất nhất đều kê ra bốn bản để trình xét, cũng mong xét tuyển tăng chúng các chùa lân cận hễ ai có lòng tu hành, kinh luật chút thông thì chọn lấy một người mãi ở chùa đó trì kinh thờ Phật nhận giữ tự khí vật hạng, để dâng cúng hương đèn, giúp cho được bền lâu. Còn bốn sư của tăng tôi để lại nguyên văn khế ước đơn bằng giấy tờ về ruộng đất cùng giấy tờ của bốn sư tăng tôi và bốn xã cử thầy về trú trì chùa ấy, xin đem nạp tới ngưỡng mong làm bằng chứng để chấp chiếu hậu tránh việc ngại về sau.

Nay vàng biên kê: ...

Ngày 15 tháng 4 năm Bảo Đại thứ nhất (1926)

Tăng hiệu Vô Vi thủ ký. (Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bổ tát Quảng Đức)



Long vị của Tố (1909-1976):
 Từ Lâm Tế chánh tông tứ thập tam thế húy thượng Tâm
 hạ Thanh Tịch Tràng hòa thượng giác linh chi liên tọa
 Ất Dậu niên bát nguyệt thập lục nhật sanh
 Bính Thìn niên ngũ nguyệt nhị thập tứ nhật khứ

Đệ thất đại Trú trì - Tổ đình Linh Sơn TỔ TÂM THANH - TỊCH TRÀNG

Tố Tâm Thanh Tịch Tràng, thế danh là Hồ Thăng, sanh ngày 16 tháng 8 năm Kỷ Dậu (1909), tại làng Lỗ Giáng, xã Cẩm Lệ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Thân phụ là cụ Hồ Tường và thân mẫu là cụ Phạm Thị Liên.

Năm Bảo đại thứ 10 (1935), Quốc sư Phước Huệ khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Trung đang dâng cao, Ngài ra chùa Trúc Lâm cổ đô Huế xin thọ tam quy ngũ giới với hòa thượng Giác Tiên có pháp danh là Tâm Thanh. Năm Mậu Dần (1938), Ngài quyết chí du phương xuất gia tầm sư học đạo.

Năm 1939, Ngài được thiên sư Chơn Phổ Nhãn Tế Minh Tịnh thế độ phú

pháp ban cho pháp hiệu là Tịch Tràng.

Năm 1941, Hòa thượng Quảng Đức trú trì tổ đình Linh Sơn mời Ngài về Vạn Giã, tỉnh Khánh Hòa để tương lai đảm nhận trọng trách trú trì ngôi tổ đình Linh Sơn. Đến cuối năm Bảo Đại thứ 19 (1944) hòa thượng Quảng Đức chính thức truyền trao cho Ngài ngôi vị trú trì tổ đình Linh Sơn.

Ngài viên tịch vào lúc 12 giờ, ngày 24 tháng 5 năm Bính Thìn (1976), hưởng thọ 68 tuổi. Môn đồ tứ chúng lập tháp Ngài phụng thờ trong khuôn viên chùa. Trước khi viên tịch Ngài đã để lại di chúc truyền thừa trú trì ngôi tổ đình Linh Sơn cho đệ tử đặc pháp là Nguyên Hoằng Thiện Dương Thanh Huy.



Tổ Tâm Thanh Tịch Tràng
(1909 - 1976)



Bảo tháp tổ Tâm Thanh Tịch Tràng, trú trì đời thứ 7 Tổ đình Linh Sơn

Văn kiện ngày 7 tháng 4 năm Canh Dần (1950)

Khổ 21 x 27 cm. Chỉ một bản sao trên 2 tờ giấy manh bằng chữ quốc ngữ do thiền sư Tâm Thanh Tịch Tràng thực hiện vào ngày 15 tháng 5 năm 1958, rồi được Đại diện Hội đồng xã Vạn Lương chứng thực vào ngày mồng 3 tháng 6 cùng năm và kháng duyệt của Ban trị sự tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa ngày 30 tháng 9 năm đó. Nội dung đề cập đến việc cúng cho tổ đình Linh Sơn sáu mẫu ruộng, mà bà Nguyễn Thị Thành cùng chồng là ông Phan Quang Đức mua lại của bà Huỳnh Thị Diệu trong văn kiện số 8 trên. Khi cho đánh máy lại văn kiện này, chúng tôi vẫn giữ nguyên cách viết chữ quốc ngữ của nó. Những chữ cần phải sửa lại cho đúng cách viết chuẩn ngày nay, chúng tôi để những chữ ấy vào trong ngoặc đơn. Thí dụ, chữ điều thì ngày nay phải viết điều, chúng tôi để chữ điều trong ngoặc ().

Nam mô Thập phương Thường trú Tam Bảo
Kính bạch Bốn Sư Đại Đức trú trì chùa Linh Sơn
Kính bạch hiện tiền đại chúng

Đệ tử là Nguyễn Thị Thành thọ ưu bà di giới, pháp danh Như Trung,
bốn đạo chùa Linh Sơn.

Nhờ ơn Thập phương thường trú Tam Bảo, hiện tiền Bốn sư trú trì và
đại chúng từ bi chứng minh có đệ tử những lời nguyện vọng như sau:

Thân người khó đặng, pháp Phật khó nghe, đệ tử trước đã sẵn gieo



Bàn thờ tổ Bồ đề Đạt Ma và Long vị chư Tổ

căn lành phước đức chút ít nay mới được làm người mà lại
nhờ thầy truyền thọ cho pháp Tam quy, Ngũ giới và thiện trí
thức điều (điều) dẫn cho theo con đường sáng suốt của Phật là
nơi an nhàn giải thoát, thiệt là hạnh phúc biết bao nhiêu. Đệ
tử hằng đội tứ ân không biết lấy gì đền đáp trong muôn một,
trộm nghĩ rằng:

Chùa là nơi phụng sự Tam bảo, là nơi tiếp tăng độ chúng,
là cơ quan hoằng hoá đạo đức, nếu của thường trú không có
được cho dồi dào thì sự duy trì khó được trang nghiêm bền bỉ
mà phần đạo đức khó bề phát triển cho phổ thông. Ngôi Tam
Bảo không bền bỉ, đạo đức không phổ thông thì chúng sanh



Sạp gu, kỷ trà thờ Tổ

*mãi mãi về sau trong đêm trường tăm tối biết làm sao thấy
đặng ánh quang minh của Phật, biết do đâu mà tìm nơi giải
thoát, nên đệ tử trước kia cùng chồng là Phan Quang Đức
có tạo được một sở ruộng tục danh là Bầu Vịt rộng được sáu
mẫu, thuộc về địa phận làng Phước Thủy, nay đồng lòng với
con trai là Phan Vu Huột nguyện đem cúng vào chùa Linh
Sơn làm ruộng Tam bảo đời đời thường trụ.*

*Sau đây nguyện nhờ ơn thầy và đại chúng từ bi cho đệ tử qui
bài vị quyền thuộc quá vãng của đệ tử trí đời đời tại chùa
Linh Sơn để nhờ ơn chú nguyện của Tam Bảo trong những
ngày húy kỵ của tiên linh có tên trong ấy.*

*Phật pháp còn thì chùa còn, chùa còn thì ruộng đất còn, ruộng đất
còn thì tăng chúng còn có chỗ tu học; Tăng chúng có tu học thì còn có
người ra đảm đương hoằng pháp lợi sanh.*

*Đệ tử nguyện cùng pháp giới hữu tình nhờ duyên lành này ai nấy đều
đặng vãng sanh Tây phương, đồng thành chánh giác.*

Nam mô Thập phương thường trú Tam Bảo tát (tác) đại chứng minh.

Linh Sơn tự Đại đức trú trì chứng minh

Tân Đức ngày mồng 7 tháng 4 năm Canh Dần (1950)

Đệ tử thọ Ưu bà di giới Nguyễn Thị Thành pháp danh Như Trung
kính bạch*

Con trai là Phan Vu Huột tùy hỷ tự ký

Tân Đức xã lý trưởng nhận thiết ký

*Lý trưởng vắng mặt, hương bộ được quyền chứng. Tên ký không rõ, đóng
dấu*

*Lý trưởng Hiền Lương nhận thiết cho bà Nguyễn Thị Thành hảo tâm
phụng cúng cấp sở ruộng cho chùa Linh Sơn duy (đĩ) hưởng dũy (đĩ) tự
chư linh*

Ký tên không rõ, đóng dấu

(Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)

() Đệ tử tại gia của Tổ Chơn Công Đạo Mậu Viên Giác*



BÊN TRONG VƯỜN THÁP CHƯ TỐ

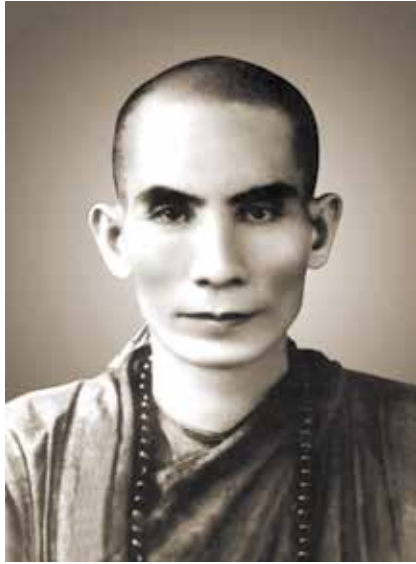


Chương III
Ấn tích của Bồ tát Quảng Đức
tại Tổ đình





CỔNG TAM QUAN - DO BỔ TÁT QUẢNG ĐỨC KIẾN TẠO TẠI TỔ ĐÌNH



Chân dung Bồ tát Thích Quảng Đức
(1897 - 1963)

Công Hạnh của Bồ Tát Quảng Đức

A (tiếp theo trang 49, chương II)

Năm 1948, Ngài (Bồ tát Quảng Đức) rời Khánh Hòa vào Nam. Trong thời gian hành đạo tại miền Trung, Ngài đã kiến tạo và trùng tu tất cả 14 ngôi chùa. Khi mới vào Nam, Ngài đã lưu trú tại chùa Long Vĩnh (Quận 3-Sài Gòn) một thời gian dài, nên dân chúng quen gọi Ngài là Hòa thượng Long Vĩnh. Năm 1953, ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Trị sự và Trưởng ban Nghi lễ Giáo hội Tăng già Nam Việt, đồng thời lãnh nhiệm vụ trú trì chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ, là nơi đặt trụ sở đầu tiên của Hội Phật học Nam Việt.

Năm 1958, khi trụ sở của Hội dời về chùa Xá Lợi, Ngài nhận thấy tuổi già sức yếu, và với bản nguyện: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, Ngài xin thôi mọi chức vụ để có đủ thì giờ an tâm tu niệm. Năm 1959 Ngài dừng chân tại chùa Quán thế Âm ở Gia Định, Sài Gòn.

Năm 1963, trong phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam, đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, tuy tuổi đã già, Ngài vẫn tích cực tham gia. Chính sách kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật tử của Ngô Đình Diệm ngày một nặng nề và khốc liệt. Máu Phật tử đã đổ ở Đài Phát thanh Huế. Chùa chiền bị phong tỏa, Phật tử bị bắt bớ khắp

nơi. Để thức tỉnh ông Ngô Đình Diệm và tập đoàn của ông đang đắm chìm trong vô minh sớm thỏa mãn 5 nguyện vọng của Phật giáo đồ, đồng thời để cho thế giới nhận thấy cuộc đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng của Phật tử Việt Nam là chính đáng. Ngài đã quyết định thực hiện tâm nguyện của mình là được thiêu đốt nhục thân để cúng dường chư Phật và bảo vệ đạo Pháp, bởi vì Ngài nhận ra rằng thân ngũ uẩn này chỉ là giả tạm, chỉ có làm sao cho Chánh pháp được trường tồn mới là hạnh nguyện cao cả để Ngài phục vụ chân lý bất diệt.

Ngày 20 tháng 4 nhuận năm Quý Mão, tức ngày 11/06/1963, cuộc diễu hành rước di ảnh các Thánh tử đạo của trên 800 vị Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và Phật tử từ chùa Phật Bửu đến chùa Xá Lợi, khi đoàn diễu hành tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt. Ngài từ xe hơi bước xuống, tự tắm xăng thấm ướt mấy lớp cà sa, ngồi kiết già trên mặt đường, tự châm lửa giữa hàng mấy trăm Tăng Ni đang vây quanh chấp tay cầu nguyện. Ngọn lửa

bốc cao, phủ kín thân mình, Ngài vẫn an nhiên chấp tay tĩnh tọa.

Gần 15 phút sau, lửa tàn và Ngài ngã xuống, tay vẫn còn quyết ấn Tam muội.

Nhục thân của Ngài được rước về quàn tại chùa Xá Lợi hơn một tuần lễ. Đến ngày 20/06/1963, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, cùng tất cả chư Tăng Ni và Phật tử tổ chức lễ đưa rước về An dưỡng địa, cử hành trọng thể lễ Trà tỳ.

Sau khi hỏa thiêu suốt ngày, trong lò thiêu đến 4.000°C, xương thịt cháy tiêu hết. Duy chỉ có trái tim của Ngài vẫn còn nguyên, được thiêu lần thứ hai vẫn không cháy⁽¹⁾.

Trước khi tự thiêu Ngài có để lại một bức thư gọi là *Lời nguyện tâm quyết*, nói rõ chủ định và nguyện vọng của Ngài. Điều đáng ghi nhớ là toàn văn bức thư này đã không chứa đựng một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào, mà trái lại còn toát lên tình thương và hy vọng. Và đây là đoạn cuối bức thư của ngài trước

khi giác linh theo ngọn khói về cùng với Phật:

“Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở”.

“Tôi tha thiết kêu gọi chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí, hy sinh để bảo tồn Phật giáo”.

Dù ngài đã thị tịch, nhưng hình ảnh của ngài vẫn khắc sâu in đậm vào lòng của người con Phật. Cái chết vô cùng cao quý của ngài đã gây xúc động mạnh trong mọi giới, là một gương sáng cho toàn thể Phật giáo đồ trên khắp thế giới.

Cuộc đời hành đạo của Ngài đã có công xây dựng và trùng tu cả thảy 31 ngôi chùa ở miền Trung và miền Nam Việt Nam.

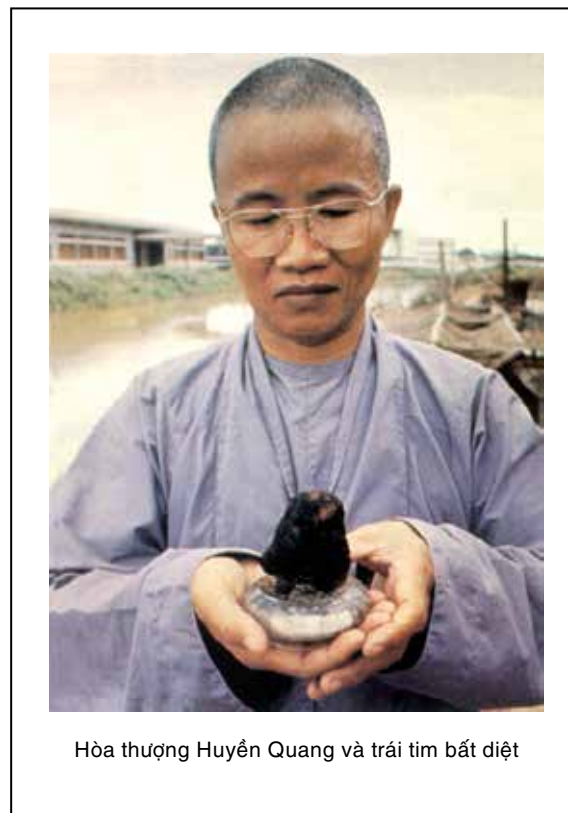
Để ghi nhớ công hạnh của Ngài, sau khi

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời, Hội đồng lương viện Tăng Thống và Hóa Đạo trong một phiên họp trước ngày Phật Đản năm 1964, đã đồng thanh quyết nghị suy tôn Ngài pháp vị Bồ tát.

Quả tim Bồ tát Quảng Đức là một minh chứng cụ thể cho tấm lòng của muôn người con Phật luôn yêu chuộng hòa bình tự do và bình đẳng nhưng cũng bất khuất trước nạn cầm quyền và áp bức. Trái tim ấy trở thành biểu tượng tinh thần của Phật giáo Việt Nam và là trái tim của nhân loại đã và đang đấu tranh mãi cho tự do hòa bình, hạnh phúc nhân sinh⁽²⁾.

Môn Phong tổ đình Linh Sơn phụng soạn

(1) và (2) *Bồ tát Quảng Đức ngọn lửa và trái tim*, Lê Mạnh Thát chủ biên, Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh - 2005



NGỌN LỬA QUẢNG ĐỨC⁽³⁾

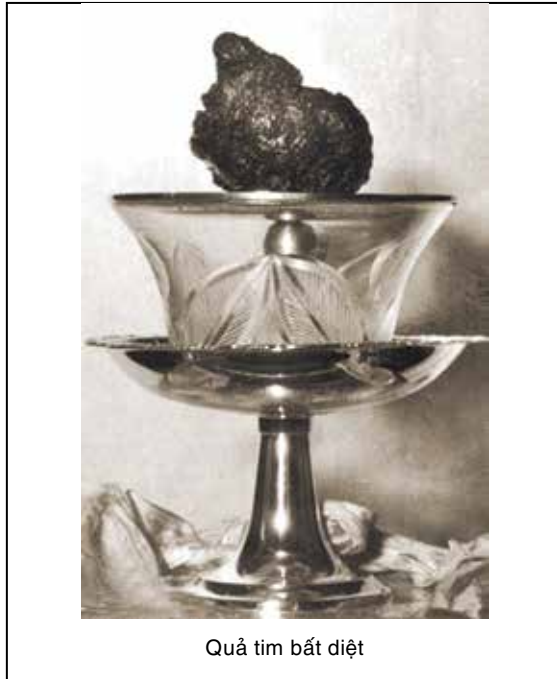
Hòa thượng Thích Trí Quang



Thân người khó được, đó là lời dạy bao quát của Phật giáo. Chỉ trong Phật giáo Đại thừa mới nói đến sự tự thiêu. Nói ít nhưng trang trọng là Pháp Hoa. Đặc biệt Bồ tát giới Phạm Võng cấm đi và ở những nơi nguy hiểm, tai nạn, nhưng cũng nói đến sự tự thiêu. Cả hai xuất xứ trên đây đều nói tự thiêu là khổ hạnh. Khổ hạnh này xuất từ ý thức và tâm nguyện có hai đặc thái: xót xa

Phật pháp điêu đứng và xót thương quần chúng đau khổ. Khổ hạnh tự thiêu tuyệt đối không phải là tự sát. Khổ hạnh tự thiêu cũng không phải chỉ tự đốt thân thể, mà phụ thuộc việc này còn có những sự tự đốt một phần thân thể. Sự tự đốt một phần thân thể là vì muốn tự thử nghiệm nội lực, thử chịu khổ hạnh.

Phía người ngoài thì không ai được yêu cầu hay khuyến khích sự tự thiêu, có chăng chỉ là sự không gây trở ngại mà thôi. Chỉ có vị thầy truyền thọ Bồ tát giới mới có thể có lúc nói đến sự tự thiêu một phần thân thể để xét nghiệm người xin thọ Bồ tát giới có thể hay không thể có cái chí nguyện dũng mãnh. Không thể có thì vị Thầy phải đào luyện cho họ có thể có cái chí nguyện ấy mới truyền thọ Bồ tát giới. Tự thiêu



Quả tim bất diệt

một phần hay toàn thân thể, như vậy, là xuất từ nguyện lực, một trong những sức mạnh mà Phật giáo nói đến...

Nay nói về ngài Quảng Đức.

Chính trong những ngày quyết liệt nhất mà tôi nhận được thư của Ngài. Thư viết trên miếng giấy nhỏ, dĩ nhiên để dễ mang đi cho kín đáo. Thư do một ký

giả người Việt làm cho một hãng thông tấn ngoại quốc cẩn trọng đưa tận tay tôi. Thư viết chữ nghiêm trang. Rằng đạo pháp trong cơn nguy khốn mà tôi tuổi già sức mọn, không làm gì được. Nên tôi xin học đức Dược Vương, nguyện thiêu thân mình để cầu cho đạo pháp trường tồn. Ngưỡng mong liệt vị trưởng thượng tôn túc từ bi hứa khả, và quyết định cho lúc nào thực hiện. Xét đây là việc trọng đại nên tôi không dám quyết định. Một cuộc họp được mở ra khẩn cấp, với sự hiện diện của ngài Hội chủ, các thầy Trí Thủ, Thiện Siêu, Thiện Minh và tôi.

Ai cũng xúc động nhưng không quyết định gì, chỉ giao cho tôi xét kỹ nên chấp nhận ý nguyện của Ngài hay không, chấp nhận thì nên thực hiện vào lúc nào, dĩ nhiên là ở Sài Gòn. Được giao như vậy, nhưng tôi trang trọng cất giữ trong người bức thư của Ngài mà chưa quyết định gì, kể cả việc phúc đáp cho Ngài. Thế rồi trong lúc Từ Đàm bị bao vây dữ dần thì tin Ngài tự thiêu được ông Đăng mật báo liền cho tôi. Liên hôm sau, ông Diệm mời Phật giáo thương thuyết. Sự tự thiêu

của Ngài như vậy là cái mốc của giai đoạn mới trong cuộc Vận động 1963.

Trước đây tôi không quen biết với Ngài, chỉ gặp một lần khi Ngài trú trì chùa Phước Hòa, biết Ngài chuyên tâm trì tụng và lễ bái Pháp Hoa. Giai đoạn trước khi Ngài tự thiêu tôi cũng chỉ biết mỗi một bức thư nói trên. Sau này mới biết, trước khi tự thiêu, Ngài chuẩn bị một cách chân thành, bình dị và kín đáo. Vẫn trì tụng lễ bái Pháp Hoa hằng ngày. Vẫn sinh hoạt bình thường. Tế nhị lắm mới thấy Ngài có vẻ như người sắp đi xa. Quan trọng nhất là di chúc của Ngài. Một vị tân Tỳ kheo gần Ngài mà đến hôm Ngài sắp tự thiêu mới biết được ý nguyện và bản di chúc ấy.

Bản di chúc ấy bình dị, chân thành, quan trọng nhất là ý thức chứa đựng bên trong. Chính ý thức này chứa đựng tâm nguyện Bồ tát của Ngài. Không oán trách đến cả ông Diệm, Ngài chỉ nói tự đốt thân mình để cầu cho ông sáng suốt... Ngoài di chúc, Ngài còn một tấm ảnh và một quả tim. Về tấm ảnh, một ký giả chụp được

lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gần một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút ráng sức. Bức ảnh này được giải thưởng quốc tế. Lại nghe nói lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an tọa. Cho đến lửa tắt, một tấm hình khác cho thấy Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc Ngài mới gật đầu xuống như thể cúi chào Tăng Ni Phật tử, rồi nhẹ nhàng bật ngửa người ra. Ngài tự thiêu mấy hôm rồi tôi mới vào Sài Gòn. Tình trạng khi Ngài tự thiêu, nghe nói cực kỳ bi tráng, cho đến nay vẫn là không tiền khoáng hậu.

Về đám tang của Ngài, tôi sẽ nói đến sau. Nay hãy nói đến sự kiện quan trọng nhất là quả tim của Ngài, “quả tim Quảng Đức”. Việc hỏa thiêu nhục thân của Ngài là do thầy Thiện Hòa chủ trì. Thiêu rồi lấy ra, trong đồng tro tàn còn một khối thịt mà vị trí cho biết đó là quả tim. Thầy Thiện Hòa cho vào lò thiêu lại cũng vẫn

không cháy. Lại thiêu nữa nhưng xăng hết. Bảy giờ rất đông ký giả hiện diện. Họ chạy kiếm xăng giúp. Bảy giờ chỉ họ mới đi lại được dễ dàng. Họ kiếm được mấy can xăng super, đem thiêu kỹ, nhưng lấy ra vẫn không cháy. Việc này làm cho tôi tin, xưa, ngài La Thập sau khi hỏa thiêu cái lưỡi vẫn còn. Nhưng ở đây mọi thắc mắc dị nghị hoàn toàn không có được nữa. Vì đây là việc mà trên dưới 50 ký giả, đa số là ký giả quốc tế, không những cũng chứng kiến mà còn dự vào.

Về quả tim của Ngài, tôi vẫn nói đến vào gần cuối bài viết này. Ở đây chỉ nói khi hỏa thiêu Ngài rồi, tôi thảo để ngài Hội chủ ký một thông bạch. Cuối thông bạch ấy tôi viết “câu nguyện vị nhục thân Bồ tát gia hộ cho cuộc vận động của Phật giáo được thành tựu”. Và niệm “Nam mô đại hùng đại lực Quảng Đức bồ tát”; Hồng danh Bồ tát Quảng Đức khởi đầu từ đó. Hồng danh ấy và bồ tát Quảng Đức, cho đến nay chính những người duy vật cũng không thể không công nhận. Một trong những sự bất diệt của cuộc vận động 1963 là sản sinh một

vị Bồ tát.

Sự tự thiêu của bồ tát Quảng Đức ngay khi mới xảy ra đã làm cho ông Diệm rụng rời. Rồi mấy giờ sau, cả thế giới, nhất là ở Mỹ, ngọn lửa tự thiêu của Ngài rực lên trên máy truyền hình, đốt cháy tan tành hình ảnh ông Diệm và chế độ của ông. Ngọn lửa Quảng Đức chung đúc và làm sáng lên cái khí thế cao độ mà ông Diệm với thái độ và chính sách của ông không còn giữ được gì.

Dân tộc Việt Nam có lắm vĩ nhân, nhưng bồ tát Quảng Đức không chỉ là vĩ nhân mà còn là siêu nhân.

(3) *Bồ tát Quảng Đức ngọn lửa và trái tim*, Lê Mạnh Thát chủ biên, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
 (*) Lửa Từ Bi, thơ Vũ Hoàng Chương



Tam quan - cổng bên hữu

MẤY NHẬN XÉT

(Lê Mạnh Thát - Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)

Thông qua 27 văn kiện vừa công bố trên, trong đó có 14 văn kiện trực tiếp liên hệ đến Bồ tát Quảng Đức, chúng ta rút ra mấy nhận xét sau:

Thứ nhất, đối với Bồ tát Quảng Đức, kể từ lúc xuất gia vào khoảng năm 1904 cho đến trước năm 1945, trong hơn 40 năm này, ngoài thời gian còn nhỏ, Bồ tát đã có những hoạt động Phật sự rất sớm. Chẳng hạn, Văn kiện ngày mồng 6 tháng 6 năm Khải Định thứ 2 (1917), tức Văn kiện số 20 của Chương III, đã ghi nhận vào thời điểm ấy, lúc mới 20 tuổi, Bồ tát đã giữ chức tri sự của tổ đình Long Sơn. Tri sự là một chức vụ tương đối quan trọng trong chùa, chỉ đứng sau vị trụ trì hay giám tự, lo quán xuyên đời sống

kinh tế của chùa từ việc ăn uống hằng ngày của tăng chúng cho đến ký giỗ tu sửa xây cất chùa.

Chùa Long Sơn lúc ấy không phải ngôi chùa nhỏ nằm trong một vùng heo hút không có người ở. Trái lại, bấy giờ, cũng từ Văn kiện số 20 vừa nêu, ta biết bổn sư của Bồ tát là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm đang làm giáo thọ, còn giám tự chùa là thiền sư Vô Vi. Ngoài ra, căn cứ vào Văn kiện ngày 12 tháng 12 năm Duy Tân thứ 2 (1907) về việc cúng ruộng của thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm công bố ở chương II trên, ta biết tối thiểu chùa Long Sơn có tới 16 mẫu ruộng phải quản lý. Chắc chắn Bồ tát Quảng Đức với tư cách tri sự của

chùa phải trực tiếp coi sóc 16 mẫu ruộng vừa nêu, ngay cả khi ta giả thiết Bồ tát đem ruộng cho người làm mướn.

Sự thật thì việc đem ruộng chùa cho mướn tại vùng Vạn Ninh vào thời điểm ấy không xảy ra phổ biến, như ta tưởng. Chỉ cần đọc lại Văn kiện ngày 10 tháng Giêng Bảo Đại 16 (1941), tức Văn kiện số 5, ta thấy vào thời điểm ấy việc trùng tu tổ đình Linh Sơn thiếu tiền, Bồ tát Quảng Đức muốn cho mướn ruộng, để lấy thêm tiền chi trả việc trùng tu, Bồ tát phải viết văn kiện ấy để xin quan huyện Vạn Ninh cho phép. Điều này chứng tỏ việc cho mướn để lấy tiền thu tô không đơn giản chút nào, chùa phải trình cho chính quyền huyện cho phép mới thực hiện được. Và đó là chưa kể phải thông qua sự cho phép của chính quyền sở tại là lý hào xã Hiền Lương. Vì thế, mười sáu mẫu ruộng của chùa Long Sơn thời đó phải được tri sự chùa Long Sơn là Bồ tát Quảng Đức trực tiếp canh tác.

Sau thời gian làm tri sự chùa Long Sơn, và khi bốn sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng

Thâm viên tịch vào năm 1921, Bồ tát Quảng Đức thọ tang thầy mình xong, đã đến cầu pháp với thiền sư Thanh Chánh Quảng Đạt Phước Tường (1867-1932) tại chùa Thiên Bửu (thượng) xã Diêm Tịnh ở Ninh Hòa khoảng những năm 1925 về sau nếu kể luôn 3 năm nhập thất tại hòn Núi Đất, thôn Mỹ Trạch, xã Ninh Hà, huyện Ninh Hòa. Chính vì cầu pháp với thiền sư Thanh Chánh Quảng Đạt Phước Tường, nên Bồ tát mới có thêm pháp hiệu Nhơn Tri. Nhân đây, cần nói thêm là sau khi thiền sư Hoàng Thâm viên tịch, một số đệ tử đã đến cầu pháp với thiền sư Phước Tường, nên có các pháp hiệu Nhơn Thọ, Nhơn Hoàng, Nhơn Sanh, Nhơn Duệ, v.v...

Đến năm 1933, Bồ tát đã đến trùng tu lại chùa Thiên Ân xã Phước Thuận nay là xã Ninh Đông, huyện Ninh Hòa, rồi đến năm 1937 đã làm đơn xin sắc tứ cho chùa Thiên Ân. Trước đó, năm 1935, Bồ tát đã đến khai sơn chùa Thiên Lộc trên đỉnh đôi Núi Đất, như biển chùa Thiên Lộc đã ghi (hiện đang treo tại chùa Thiên Tứ). Tiếp theo, sau khi tổ Thiên

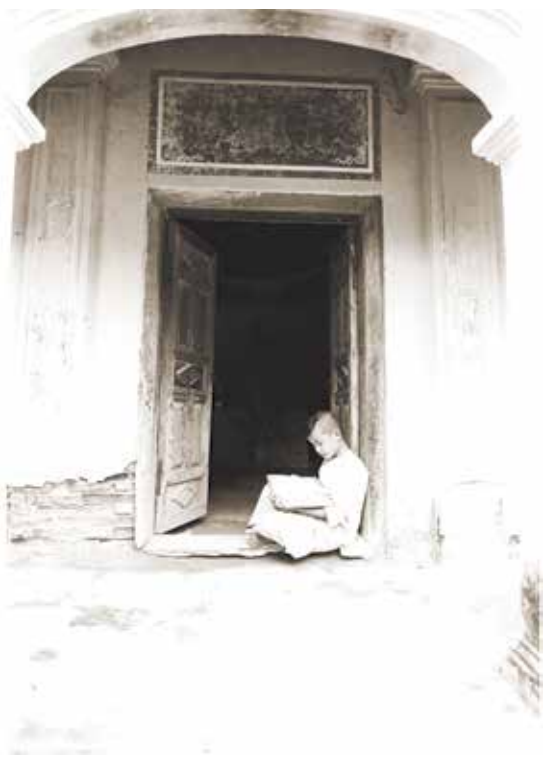
Hương viên tịch vào đầu năm 1939, Bồ tát Quảng Đức đã được mời về làm trụ trì tổ đình Linh sơn. Một loạt văn kiện do Bồ tát Quảng Đức viết để quyên góp cho việc trùng tu tổ đình Linh Sơn cùng việc xin sắc tứ cho tổ đình đã xuất hiện từ những năm 1940 đến năm 1944. Không những thế, Bồ tát còn đứng ra mở rộng



Điệu tảo tháp Tổ

đất đai của chùa.

Như vậy, thông qua số văn kiện liên hệ đến Bồ tát Quảng Đức, ta có nhận thức rõ hơn về các hoạt động Phật sự của Bồ tát trong nửa đầu thế kỷ XX. Đây là giai đoạn hoạt động hết sức tích cực của Bồ tát Quảng Đức tại vùng Vạn Ninh cũng



Điệu học kinh tại nơi di tích Bồ tát Quảng Đức hành đạo

như tỉnh Khánh Hòa, mà kết quả là 14 ngôi chùa đã có những gắn kết với Bồ tát. Theo thống kê thì trong đời của Bồ tát đã trùng tu và khai sơn 31 ngôi chùa, trong đó 17 ngôi ở miền Nam và 14 ngôi ở miền Trung. Về 14 ngôi ở miền Trung này, ta hiện đã xác minh được.

Có một chi tiết mà Văn kiện ngày 12 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 12 (1937), tức Văn kiện số 2 ở trên đề cập tới là việc Bồ tát Quảng Đức có gốc gác là “nguyên từng cứu phẩm bá hộ cổ tích Thiên Ân tự yết ma”. Thế thì, tại sao vị Yết ma Quảng Đức của chùa Thiên Ân lại có chức từng cứu phẩm bá hộ. Phải chăng để hợp thức hóa việc xuất gia của Bồ tát Quảng Đức nên thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm đã mua cho Bồ tát 1 hàm từng cứu phẩm văn giai và chức bá hộ, để khỏi bị sưu dịch ở quê nhà, khi Bồ tát đã đến tuổi trưởng thành? Điều này còn cần làm rõ thêm trong tương lai.

Để có một quá trình hoạt động Phật sự tích cực, dẫn cuối cùng đến sự kiện lịch sử vị pháp thiêu thân ngày 11 tháng 6

năm 1963, tức ngày 20 tháng 4 nhuận năm Quý Mão, Bồ tát đã có sự giáo dưỡng tác thành của thầy tổ, đặc biệt là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm chùa Long Sơn và tổ Chơn Hương Thiên Quang của tổ đình Linh Sơn. Qua các văn kiện, từ số 15 đến số 27 công bố trên, ta thấy các vị thầy tổ này đã có những hoạt động Phật sự tích cực không kém trong sự nghiệp hoàng pháp lợi sanh bảo vệ Phật giáo trong giai đoạn đất nước đang trải qua cuộc đấu tranh để phục hồi chủ quyền của đất nước. Những văn kiện vừa nêu từ đó đã cho ta một cái nhìn khá rõ nét không chỉ về Bồ tát Quảng Đức cùng thầy tổ, mà còn cả về một giai đoạn Phật giáo và đất nước đầy những biến cố bi hùng.

Thứ hai, về thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm, với văn kiện cúng 22 mẫu ruộng cho ba chùa là Long Sơn, Linh Sơn và Long Hòa vào năm Duy Tân thứ hai, ta biết thiền sư chắc chắn xuất thân từ một gia đình tương đối khá giả. Chỉ có vấn đề là trong văn kiện cúng ruộng ấy, thiền sư đã nói chuyện đem “pháp

khí tự sản tinh tự điền”, tức pháp khí, tài sản của chùa cùng ruộng chùa, để đem cúng cho ba chùa vừa nói. Vậy, phải chăng ruộng mà thiền sư đem cúng cho các chùa, là ruộng thuộc ngôi chùa tư của cha mẹ thiền sư?

Sự thật tên chùa Long Sơn xuất hiện từ việc đúc chuông vào tháng 2 và cúng ruộng vào tháng Chạp của năm Duy Tân thứ 2 (1907). Trước đó ngôi chùa này có tên là Thánh Kinh, mà ta còn thấy xuất hiện trong bài minh chùa Long Sơn. Nói rằng năm Thành Thái thứ 10 (1899) tổ Hoằng Thâm dựng chùa Long Sơn, thực ra là dựng chùa Thánh Kinh này. Cho nên, khi văn kiện cúng ruộng cho chùa Long Sơn, Linh Sơn và Long Hòa ghi là đem “tự điền và tự khí” để cúng, thì thực chất là đồ dùng và ruộng đất của chùa Thánh Kinh vừa nói.

Theo lời truyền lại của các vị bô lão làng Phú Cang, thì vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thiền sư Hoằng Thâm đã phát canh nhiều ruộng đất tại làng ấy. Làng này là một làng tiếp giáp với rừng, có

một cánh đồng khá rộng dưới chân núi. Số ruộng, mà thiền sư Hoằng Thâm đem cúng cho ba chùa, phải chăng là số ruộng phát canh mà dân làng nói tới? Đây là một vấn đề cần nghiên cứu thêm, mới có thể làm rõ được.

Thứ ba, về tổ Chơn Hương Thiên Quang, dù gốc gác từ Phú Yên vào hoằng hóa tại vùng Vạn Ninh, tổ đã có một ảnh hưởng

rất lớn lên người dân vùng này. Nhờ thế, tổ đã huy động được sự đóng góp của nhiều giới Phật tử vào các Phật sự khác nhau từ việc xây chùa đúc tượng cho đến việc mở rộng đời sống hoạt động kinh tế của chùa. Đặc biệt là tổ đã thành công đào tạo được một lớp đệ tử mà sau này đủ khả năng và đức độ để giáo dưỡng và tác thành nên Bồ tát Quảng Đức...



Bảo tháp Sư ông hòa thượng Thiên Quang

B**Phật tượng, Pháp khí từ sư ông Thiên Quang
truyền thừa đến Bồ tát Quảng Đức**

(được kê khai vào văn kiện ngày 17 tháng 3
năm Bảo Đại thứ 15(1940) lưu tại tổ đình
Linh Sơn)

**Văn kiện ngày 20 tháng Giêng năm
Khải Định thứ 5 (1920)**

Khổ 19 x 24 cm. Gồm 8 tờ giấy bồi trắng
đóng lại bằng chỉ giấy bồi với 2 bìa màu
gạch trước sau. Mỗi tờ 2 trang a và b. Từ
trang 2b cho đến trang 8a đều có đóng
dấu giáp lai của xã Hiền Lương, dù có
những trang không viết chữ nào như 2 tờ
7 và 8. Đây là một quyển sổ quyền tiền
để đúc tượng Tam thế cho tổ đình Linh
Sơn do tổ Thiên Quang thực hiện.

*Thiền hòa chùa Linh Sơn xã Hiền Lương
tổng Phước Tường nội phủ Ninh Hòa tỉnh
Khánh Hòa hiệu Thiên Quang cúi trình
khuyến phát tâm trùng tu việc Phật như
sau:*

*Ở chùa của thiền hòa, chùa này tương đối
mười phần đầy đủ, chỉ trên điện bái vàng
chưa có Tam thế từ tôn mấy tượng thánh*

*ông còn thiếu. Tâm tâm đại nguyện là
muốn làm sao để đáp đền trong khám
ngọc vẫn còn thiếu diệu tướng. Đem thanh
bái sám, trông lên không có chỗ làm bằng.
Ngày sáng đốt hương nghĩ hào quang mà
cảm vắng.*

*Nay điều khắc đúc tô hình tượng Phật
thánh, mà bốn chùa đáp ứng rất thiếu. Hễ
một tay thì khó mà làm nổi. Vì thế, lòng
mãi lo âu, chí lâu nhắm tới, chỉ mong giải
bày tìm lấy bổ thí, khuyên lành phương xa.
Kính mong người nhân quân tử ban ơn
thương hình tượng Phật thánh ấy, muốn
thấy rục rờ lại để tươi sáng thêm. Đó tức
là thơm lâu mãi mãi, phước lớn vô cùng.
Xin xét lời này thì khôn xiết mong đáp đại
nguyện.*

Nay kính

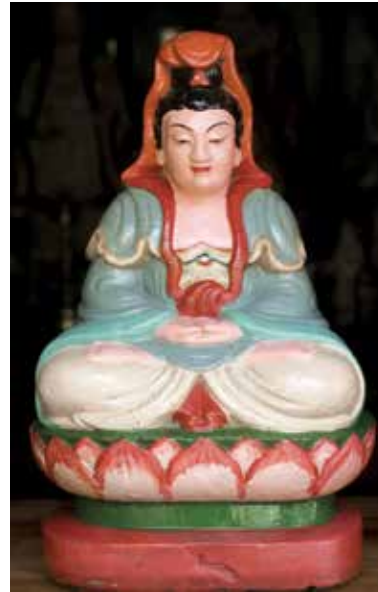
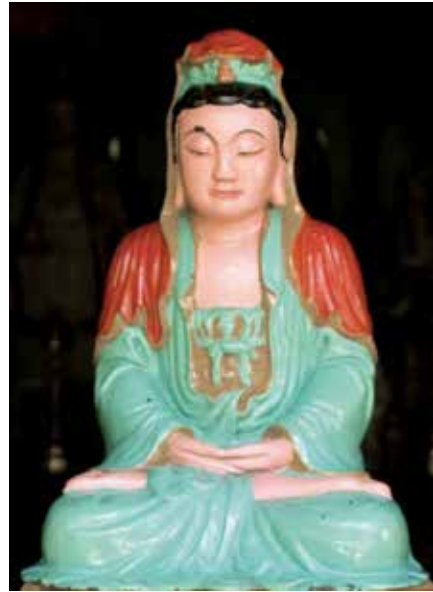
*Ngày 20 tháng Giêng năm Khải Định thứ 5
(1920)*

Bốn xã đồng ký (có dấu của xã Hiền Lương)

*(Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát
Quảng Đức)*



Tôn tượng bồ tát Quán Thế Âm
và bồ tát Đại Thế Chí
tạc bằng gỗ mít



Tôn tượng Phật Thích Ca thành đạo và đản sanh, 3 pho Bồ tát Quán Thế Âm, 2 pho Bồ tát Địa Tạng và 2 pho Hộ Pháp. Chủ tạo tất cả đều bằng đồng.



- Tiểu Chung: Linh Sơn tự Yết ma hòa thượng hiệu Thiên Quang chứng minh. Duy Tân nhị niên, cửu nguyệt, nhị thập lục nhật. (Chuông bảo chứng chú tạo niên hiệu Duy Tân thứ 2 (1908), ngày 26 tháng 9 năm Mậu Thân. Chùa Linh Sơn chứng minh là hòa thượng Yết ma hiệu Thiên Quang)

- Bảo Linh và khoa nghi Du già - Nghi thức Mông sơn, Thiên vận Giáp Dần niên, thất nguyệt sơ tam nhật. Linh Sơn tự Điện Tòa tự Giải Vi thừa ký (Ngày mùng 3 tháng 7 năm Giáp Dần - 1914, Điện Tòa chùa Linh Sơn hòa thượng tự Giải Vi - đệ tử của Tổ Thiên Quang, vâng ghi).

- Giếng nước phía Đông trước sân chùa, ghế gỗ, ghế mây, cán kiệu là đồ dùng của tổ Thiên Quang.
- Kỳ tam san cần ốc thờ Tổ



Cây hoa sứ tiêu biểu cho nhiều cây sứ trong vườn chùa.
do tổ Thiên Quang chiết nhánh từ chùa Hải Đức - Huế về trồng.

Văn kiện ngày 12 tháng 7 năm Thành Thái thứ 15 (1903)

Khổ 14 x 21 cm, gồm 2 tờ giấy bồi láng, đóng chung với 6 văn kiện khác có chứng thực của Đại diện Hội đồng xã Vạn Lương ngày 3 tháng 6 năm 1958. Đây là một bản sao do thượng tọa trú trì chùa Linh Sơn là thiền sư Tâm Thanh Tịch Trảng thực hiện vào ngày 15 tháng 5 năm 1958, có chứng thực của Đại diện Hội đồng xã Vạn Lương vào ngày 3 tháng 6 năm 1958 và khán duyệt của Ban Trị sự tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa ngày 30 tháng 9 năm 1958. Nội dung viết bằng chữ nho mực Tàu, đề cập đến việc cúng ruộng cho chùa Linh Sơn của bà Trần Thị Từ.

Trần Thị Từ pháp danh Như Chí và con ruột Nguyễn Tấn Khoa thôn Hội Khánh tổng Phước Tường ngoại huyện Quảng Phước phủ Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa xin lập tờ cúng ruộng sự việc như sau:

Nguyên trước song thân thị sinh hạ chỉ được hai người. Anh ruột thị trước đã qua đời. Tiếp đó, cha mẹ thị cũng đã đi chơi cõi tiên. Chỉ còn mình thị. Hễ là con gái sinh ra là nhắm nhà khác, cô quả một thân, sợ trăm năm sau không người nối thờ. Lòng mong báo đáp, còn thẹn phận gái thiếu sót nhiều. Nghĩ kể muốn lâu dài, phải nhắm tới cửa thiền mà gởi dẫu.

Nay thị tình nguyện xuất tiền của, mua đứt chủ ruộng một thửa tọa lạc tại xứ Cầu Cau xã Hiền Lương, giá tiền một ngàn bốn trăm quan, đông tây bốn bên đứng như trong khế. Nay đem dâng cúng cho Hòa thượng bốn sư Thiên Quang chùa Linh Sơn vâng giữ để làm ruộng chùa và trả phí hương hỏa cho cha mẹ thị, để cúng để kỵ, đời đời nối nhau, ngõ hầu lâu dài cùng trời đất, trái bể dâu mà không nát. Trước đi sau tiếp, theo thứ lớp mà mãi truyền. Được như vậy thì song thân thị thỏa niềm an ủi ở dưới đất, mà mẹ con thị cũng nhận ơn tế độ tại bến mê.

Do thế, lập tờ đơn này cùng bản khế gốc, vói giao cho bốn sư chấp chiếu, lưu làm khoán sắc ngàn muôn năm của bốn chùa, ngày sau con cháu thị không được nói trái lẽ gì. Nay dâng tờ cúng ruộng, do ruộng một thửa lớn nhỏ hai mươi bốn hạng. Nay do.

Ngày 12 tháng 7 năm Thành Thái thứ 15 (1903)
Trần Thị Từ pháp danh Như Chí điểm chỉ
Con ruột Nguyễn Tấn Khoa thủ ký
Người làm đơn: Phạm Ngũ Giáo tự ký
(Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)



Tam quan - Cổng chính giữa

Di tích của Bồ tát Quảng Đức lưu lại tổ đình Linh Sơn

C

Văn kiện ngày 13 tháng giêng năm Bảo Đại 16 (1941)

Gồm 18 tờ giấy bồi đóng lại bằng chỉ giấy bồi, khổ 14.5 x 26 cm. Trong số 18 tờ này, có đến 5 tờ để trống cả mặt không có viết chữ, tức các tờ 5, 7, 8, 9 và 11, nhưng lại có khuôn dấu xā Hiền Lương đóng dấu giáp lai, chứng tỏ các tờ này đã xuất hiện ngay từ đầu, lúc văn kiện mới ra đời. Chữ viết dễ đọc bằng bút lông mực Tàu, nhưng thỉnh thoảng có hai dòng viết bằng bút sắt. Văn kiện đây đề cập đến việc quyền tiền cho công tác trùng tu chánh điện tổ đình Linh Sơn.

Yết ma tông phái chùa sắc tứ cổ tích Linh Sơn xā Hiền Lương tổng Phước Tường nội huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa hiệu Quảng Đức viết lời báo cáo sự việc sau:

Trải trước đây, cổ Hòa thượng hiệu Thiên Quang xây dựng chánh điện Linh Sơn của bốn chùa. Lại lịch trải qua nhiều năm, đến nay cây gỗ ngói gạch phần lớn bị giộp hư phải nên sửa lại mới một phen. Vì thế, bản tăng vâng nhận tông phái này, trùng tu dựng lại, kính



Cổng Tam quan do Bồ tát Quảng Đức kiến tạo năm 1941

cáo chư sơn thiên đức và An nam Phật học hội cùng bốn đạo con Phật, thiện tín viện chủ các lớp người phát lòng từ tế lớn vui giúp của cải ít nhiều, xưng dương giúp nghi, mãi lưu ơn miên viễn, ghi bảng lưu truyền quý tính phương danh đều thắm nhuần quả phúc. Nay có lời kính cáo. Lại chúc hiện tiền phước thọ tăng long, ngày sau đều lên cảnh Phật.

Ngày 13 tháng Giêng năm Bảo Đại 16 (1941)

Chứng thực: Chánh tổng Phạm Minh ký (có đóng dấu tổng Phước Tường nội)

Yết ma chùa sắc tứ cổ tích Linh Sơn hiệu Quảng Đức thủ ký

Lý trưởng sở tại cửu phẩm Trần Ứng Long chứng ký

Bốn xā đồng ký (có đóng dấu xā Hiền Lương)

(Lê Mạnh Thát – Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)

Hàng trụ biểu do Bồ tát Quảng Đức kiến tạo năm 1941



Nhà Tổ phía Tây chánh điện do Bồ tát kiến tạo năm 1941 (2 ảnh là mặt tiền, phía hông và mặt hậu)



Một gian bên trái nhà thờ Tổ do Bồ tát kiến tạo
 Ba bức hoành viết trên cửa của 3 gian:
 Gian giữa : THỪA TỐ ĐỨC
 Gian trái : THIÊN LÂM LONG TƯỢNG
 Gian phải : THÍCH HẢI CÔN BẰNG





Biển ngạch: **Sắc Tứ LINH SƠN TỰ**
Bảo Đại thập ngũ niên kiết nguyệt nhật tạo
Lễ Công Bộ đại thần Tôn Thất Quảng cung lục
(Bức hoành : Vua ban cho chùa Linh Sơn
Triều vua Bảo Đại thứ 15, tạo vào ngày lành tháng tốt
Do Bộ Lễ Công đại thần Tôn Thất Thuyết kính ghi)



Bảng gỗ nội dung in thiệp mời chư vị tôn túc và Phật tử tham dự Lễ đón bằng Sắc tứ của chùa Linh Sơn

Văn kiện ngày mồng 1 tháng 7 năm Nhâm Ngọ (1942)

Khổ 21 x 29 cm gồm 1 tờ giấy trắng A4 in từ bản khắc gỗ của chính bồ tát Quảng Đức. Đây là một thư gửi mời chư vị tôn túc và Phật tử tham dự lễ đón bằng sắc tứ của chùa Linh Sơn.

Nam mô A Di Đà Phật
Phật lịch năm 2505

Mãng nghe Phật do tâm tạo, đạo dùng tăng hoằng. Nay có trú trì chùa cổ tích Linh Sơn xã Hiền Lương tổng Phước Tường nội huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa hiệu Quảng Đức và giám tự Viên Giác cùng bốn đạo của bốn xã được ơn hoàng thượng sắc tứ bốn chùa, chọn được buổi sáng ngày 16 tháng 7 để đánh chuông cung nghinh sắc tứ, lại đón nghinh Bà miếu, vốn đã xin phép thiết đại trai đàn nhằm từ ngày 16 đến ngày 19 tháng 7, có đầy đủ thuyết pháp, chẩn tế, trai tăng, tụng kinh, lục cúng, trên để báo ơn Phật tổ, tiếp nữa là đáp lại ơn đức của giác linh cố hòa thượng. Kính mong các viên chức cùng quý quyến ngày đó quang lâm để nghe kinh lễ Phật.

Trên đây là thiệp mời. (...)

Quang lâm, lòng đạo tâm vui lành. (...) mong vậy

Ngày mồng 1 tháng 7 năm Nhâm Ngọ

Yết ma Hòa thượng chùa Linh Sơn cùng môn đồ bốn đạo đồng kính thỉnh

Bốn xã xã Hiền Lương đồng kính thỉnh.

(Lê Mạnh Thát - Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)



Bức liễn: LINH SƠN KHÁNH VẠN
 Phật Tổ giáng dân: 2505 (1942)
 Mùa Thu tháng 7, ngày Tăng tứ tử
 - Chúc mừng lễ đón nhận bằng Sắc tứ Chùa Linh Sơn
 - Hội Phật học Đà Thành, chùa Sắc tứ Phổ Thiên
 - Tăng cang Thích Tôn Thắng
 - Trụ trì Thích Bích Không
 Hòa nam (Kính tặng)



Hiệp chướng, Tỳ Lư và Y gấm
 25 điều của bổ tát Quảng Đức
 lưu tại tổ đình Linh Sơn





Miếu Bà (thờ Chúa Bà hoàng cô - 5 tượng) do bổ tát Quảng Đức lập năm 1942



Pho tượng Tiêu Diện đại sĩ, bằng đồng



Ranh giới đất chùa phía Tây giáp ruộng Đồng Bè gần đường xe lửa.
Nhìn về phía Tây nam là núi Phổ Đà.



Phía Bắc giáp sông Hiền Lương, thượng nguồn là núi Hòn Chảo
(núi duy nhất ở Khánh Hòa có rừng cây Huỳnh đàn)



SÔNG HIỀN LƯƠNG

Văn kiện ngày 8 tháng 12 năm Bảo Đại (1944)

Gồm 1 tờ giấy A4, chữ viết tay bằng quốc ngữ của Hội đồng hào mục làng Hiền Lương thuận nhượng đất công hoang của làng cho tổ đình Linh Sơn để làm nghĩa địa chùa theo yêu cầu của Bồ tát Quảng Đức. Tờ thuận nhượng này viết vào ngày 8 tháng 4 năm 1944, có chữ ký của lý trưởng xã Hiền Lương cùng hội đồng hào mục làng ký tên và đóng dấu. Văn bản viết bằng chữ quốc ngữ, nhưng lý trưởng lại ký bằng chữ Nho.

Tờ thuận nhượng đất công hoang

Chúng tôi là ban Hội đồng Hào mục làng Hiền Lương, tổng Phước Tường nội, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa,

Đồng ứng thuận nhượng đất công hoang như sau nầy:

Cứ theo lời tường của ngài Lâm Văn Tuất, Yết ma Hòa thượng hiệu Quảng Đức, trụ trì chùa Sắc tứ Linh Sơn rằng:

Nguyên cảnh chùa Linh Sơn hiện nay nội cuộc chánh điện, nhà đông, nhà tây, Miếu bà, Tam quan và bảo tháp rộng chừng 2 mẫu, đã thành tụ nguy nga rồi, nay ngài lại tường xin thêm đất công hoang chung quanh cảnh chùa, ước hơn hai mẫu, tục danh là gò gia để làm nghĩa địa.

Đất ấy đồng giáp đình làng, lại gần viên gia cữu phẩm Trần Ứng Long, viên gia Nguyễn Trục và viên gia Trùm Mạnh;

Tây giáp công điền Đồng Bé lại gần đường xe lửa;

Nam giáp viên gia Nguyễn Địch, lấy 2 cây trụ cửa ngõ chùa làm giới hạn,

Bắc giáp sông.

Ngài tường xin khai phá làm nghĩa địa để ngày sau mai táng những người thiện tín, Thích tử thiện môn khi lâm chung.

Còn tất cả người trong làng, ai có từ trần thì được mai táng nơi vạt đất từ bảo tháp giọc đến Miếu bà, nhưng phải do chủ chùa

chỉ định cho có trật tự, không được tự tiện.

Cứ lời tường như vậy, làng chúng tôi xét lại chỗ đất ấy quả là một khoảnh đất công hoang chứ không xâm phạm công tư điền thổ nào cả, nên làng chúng tôi cũng đồng ứng thuận nhượng khoảnh đất công hoang ấy lại cho chùa Sắc tứ Linh Sơn để làm nghĩa địa.

Nay thuận nhượng

Làm tại thôn Hiền Lương ngày 8 tháng 4 năm 1944

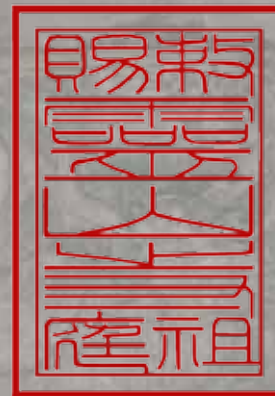
(Lê Mạnh Thát - Tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức)



NHÀ HẬU TỔ

Chương IV

Tượng niệm cố Hòa thượng Bổn sư Thích Tịch Tràng





CHÂN DUNG HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH TRÀNG

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH TRÀNG

Trú trì đời thứ 7 tổ đình Linh Sơn

Tổ Tâm Thanh Tịnh Tràng, thế danh là Hồ Thăng, sanh ngày 16 tháng 8 năm Kỷ Dậu (1909), tại làng Lỗ Giáng, xã Cẩm Lệ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Thân phụ là cụ Hồ Tường - thường gọi là cụ Cửu Đầu, tinh thông nho học, làm quan Cửu phẩm Văn Giai; thân mẫu là cụ Phạm Thị Liên.

Thời thơ ấu, Ngài được song chăm lo giáo dưỡng rất chu đáo, đặc biệt là quan tâm đến vấn đề học vấn, nhờ vậy năm 20 tuổi Ngài thi đỗ bằng Thành Chung và được bổ nhiệm dạy học tại trường Pháp-Việt ở Tây Hồ (nay là trường PTCS Trưng Vương, Tp. Đà Nẵng). Ngoài thời giờ dạy học ra, Ngài còn tinh chuyên nghiên cứu giáo lý nhà Phật và am hiểu một cách tường tận. Khi phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Trung do Quốc sư Phước Huệ khởi xướng, Ngài ra chùa Trúc Lâm cố đô Huế xin thọ tam quy ngũ giới với hòa thượng Giác Tiên, được Hòa thượng cho pháp danh là Tâm Thanh. Vốn được thấm nhuần giáo lý nhà Phật, vì nhận thức được sự mong manh giả tạm của kiếp nhân sinh... nên đến năm Mậu Dần (1938), Ngài lặng lẽ từ già gia đình,

quyết chí xuất gia cầu Đạo. Trên đường du phương tầm sư học đạo, Ngài qua Cao Miên (Campuchia), tại đây Ngài được hội kiến Hòa thượng Thích Quảng Đức, thật là một cơ duyên hy hữu khiến Ngài hoan hỷ phấn chấn vô cùng.

Năm 1939, khi nghe tin thiền sư Chơn Phổ Nhân Tế Minh Tịnh vừa tham học ở Ấn Độ và từ Tây Tạng về, Ngài liền tìm đến chùa Thiên Chơn tại Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để xin thọ giáo với Thiền sư, được Thiền sư ấn chứng và ban cho Ngài pháp hiệu là Tịch Tràng. Đồng liêu với Ngài là 3 vị sư huynh: Viên Chiếu, Tịch Chiếu và Thường Chiếu.

Năm 1941, hòa thượng Quảng Đức đang trú trì tổ đình Linh Sơn vào chùa Thiên Chơn thăm viếng, đàm đạo với thiền sư Chơn Phổ Nhân Tế Minh Tịnh. Tại đây hòa thượng Quảng Đức gặp lại Ngài, biết là pháp khí có thể làm rường cột cho Phật Pháp mai sau nên mời Ngài về Vạn Giã, tỉnh Khánh Hòa để tương lai đảm nhận trọng trách trú trì ngôi tổ đình Linh Sơn. Nhận lời của hòa thượng

Quảng Đức, Ngài liền về Vạn Giã để chu toàn sứ mệnh “Thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh” và tiếp nối ngọn đèn chánh pháp tại tổ đình Linh Sơn.

Khi Ngài mới về tổ đình Linh sơn, nơi đây non nước hữu tình, cảnh Phật trang nghiêm khiến lòng xúc động nên Ngài cảm khái bài thơ sau đây:

*“Ngàn năm mới gặp cảnh chùa này,
Cây che tàng lọng giữa trời xây.
Cảm ứng Từ Bi thương mấy độ,
Thỏa lòng mong ước bấy lâu nay.
Am tranh khuya sớm nhang đèn, lay,
Dưa muối chiều hôm dạ thảo ngay.
Kinh Kha sông Dịch không quay lại,
Phăng dẫu tìm trâu đáp nghĩa Thầy”.*

Đến cuối năm Bảo Đại thứ 19 (1944) hòa thượng Quảng Đức chính thức truyền trao cho Ngài ngôi vị trú trì tổ đình Linh Sơn.

Năm 1954, Ngài khởi công xây dựng ngôi chánh điện (trên nền móng xây sẵn của Quảng Đức). Năm 1956 công trình

xây dựng ngôi chánh điện được hoàn thành và Ngài đã tổ chức lễ khánh thành rất trọng thể. Sau đó, Ngài tiếp tục xây dựng nhà Tây, nhà Đông đều có đồng lang tây phòng. Công cuộc kiến thiết ngôi Tổ đình tạm hoàn tất. Từ đó, Ngài tập trung vào vấn đề tu tập và tiếp Tăng độ Chúng. Hằng ngày ngoài sáu thời lễ bái ra, Ngài còn dạy cho Tăng chúng tu học. Mỗi năm đến mùa An cư - Kiết hạ, chư Tăng khắp nơi quy tụ về trụ xứ tổ đình Linh Sơn tu học rất đông và dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Ngài. Cuối thập niên 40 và thập niên 50 của thế kỷ XX có chư vị hòa thượng Thích Hưng Từ, hòa thượng Thích Viên Giác, hòa thượng Thích Chơn Không, hòa thượng Giải An, hòa thượng Thích Trí Châu... ở các tỉnh, miền của đất nước về an trụ tại tổ đình Linh Sơn để cùng Ngài hoằng dương Phật pháp ở vùng này.

Năm 1960, sự kỳ thị Tôn giáo của chế độ Ngô Đình Diệm khiến cho tăng ni và tín đồ vô cùng điêu đứng khổ sở. Bản thân ngài cũng bị tay sai của nhà cầm quyền đương thời đe dọa, ám hại... nhưng đức

độ của Ngài không những tự mình tránh khỏi tai họa, ngược lại còn cảm hóa họ trở về quy hướng Tam bảo.

Năm 1964, khi GHPGVNTN ra đời Ngài được cử làm Chánh Đại Diện GHPHVNTN quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, và được lưu nhiệm cho đến ngày Ngài viên tịch.

Năm 1970, Ngài được Hòa thượng Thích Trí Thủ mời thỉnh giảng lớp chuyên khoa Phật học tại Phật học Viện Trung Phần Hải Đức - Nha Trang.

Năm 1972, Ngài mở Giới đàn Sa di, Bồ tát tại gia và Thập Thiện, dưới sự chứng minh kiêm Hòa thượng Đường đầu là thượng Trí hạ Thủ.

Năm 1973, Đại Giới Đàn Phước Huệ tại Chùa Hải Đức - Nha Trang, Ngài được cung thỉnh làm Đệ Tam Tôn Chứng.

Về sau, tuy tuổi già sức yếu nhưng hằng ngày Ngài vẫn hướng dẫn cho Tăng chúng hành trì trong các thời khóa lễ.

Ngoài ra, mỗi ngày Ngài còn lễ sám Hồng Danh Vạn Phật và luôn luôn khi đi đứng, lúc nằm ngồi Ngài đều niệm Phật, tràng hạt không rời tay.

Sứ mệnh thành, hạnh nguyện mãn. Trước khi từ biệt cõi trần để vào cõi Niết Bàn tịch tịnh, Ngài gọi đồ chúng lại dạy lời cuối cùng được thể hiện bằng bài kệ như sau:

*“Hơn, thua, phải, trái biết bao là!
Xét nét tu hành giữ lấy ta,
Tâm để rộng không, thường nhân nhục,
Muôn phiền não chướng cũng tiêu ma”.*

Sau đó, Ngài an nhiên thân thần thị tịch. Thượng tọa Tuệ Sỹ cảm kích ân đức của Ngài mà viết câu đối kính điệu đầy thiên vị như sau:

仰之高奚生歎滅歎彷彿空堂瘦鶴

“Ngưỡng chi cao hê sanh dư diệt dư phướng phát không đương sáu hạc”;

垂之切矣戒也訓也徘徊暮影遺音

“Thùy chi thiết hỷ giới dã huấn dã bồi hồi mộ ảnh di âm”.

Tạm dịch:

*Trông lên cao hê! Sống ư, chết ư? Thấp thoáng hạc gầy nơi cửa Phật.
Nhìn lại gần hê! Răn chằng, dạy chằng? Ngậm ngùi giọng cũ lúc hoàng hôn.*

Ngài an nhiên thị tịch vào lúc 12 giờ, ngày 24 tháng 5 năm Bính Thìn (1976), hưởng thọ 68 tuổi.

Nam Mô Tự Lâm Tế Chánh Tôn Tứ Thập Tam Thế, Linh Sơn Đường Thượng Trụ Trì, Húy Thượng Tâm Hạ Thanh Hiệu Tịch Tràng Hòa Thượng Giác Linh Thùy Từ Chứng Giám.



Hòa thượng Viên Giác, Hòa thượng Tịch Tràng - mùa an cư năm 1964



Hòa thượng Tịch Tràng và Tăng chúng - năm 1961



Hòa thượng Tịch Tràng và Tăng chúng - năm 1972



HT. Viên Giác, HT. Tịch Tràng và Tăng chúng - năm 1956



Y VÀ BÁT CỦA HÒA THUỘNG BỔN SƯ TỊCH TRÀNG

*Câu đối Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ kính viếng Giác
linh Hòa thượng Tịch Tràng. Thủ bút thư pháp
Hòa thượng Thích Đức Nhuận, minh họa tranh
họa sĩ Phương Hồng, Thượng tọa Thích Quảng
Hạnh dịch thơ:

*Hạc gầy nơi nhà vắng
Phảng phất bóng hình xưa,
Trông lên càng tôn kính.*

*Dư âm trong bóng chiều
Bồi hồi lời dạy dỗ,
Ban xuống cả công lao.*





Hòa thượng Thích Tịnh Tràng bên hàng trụ biểu do Bồ tát Quảng Đức kiến tạo tại tổ đình Linh Sơn.

CẢM NIỆM ÂN SỰ

(Nhân Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh (1909 – 2009) Hòa thượng bốn sư thượng Tịch hạ Tràng – Trú trì đời thứ 7 Tổ đình Linh Sơn)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Chư Tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa Chư Phật tử cùng chư Thiện hữu tri thức gần xa!

Trong không khí trang trọng và linh thiêng của đêm nay 23/5 âm lịch tại chùa Linh Sơn u nhã mà huy hoàng bởi trùng trùng ngũ phần hương pháp mà Lịch đại Tổ sư đã lưu dấu trên núi cao biển rộng, nắng ngọc mưa thanh, bàng bạc nơi ánh mắt hiền hòa cung bậc chơn chất của dân cư thôn xóm. Chúng tôi bồi hồi đốt nén tâm hương dâng lên Lịch đại Tổ sư và Giác linh Ân sự Cố hòa thượng thượng Tịch hạ Tràng.

Kính bạch Giác linh Thầy!

*Con đường nhỏ đã bao lần thay đổi
Dưới nắng chiều con vẫn cứ nhận ra,
Thân Hạc phiêu diêu trong chiếc áo đà
Màu của đất như lòng Thầy kiên định.*

Thấm thoát đã ba mươi hai mùa sen nở từ ngày Thầy về với Phật – Con, từ một đứa học trò nhỏ của Thầy bây giờ đã đến ngưỡng lão niên... Sự vận hành không ngừng nghỉ của vô thường sinh diệt đã đưa đến và mang đi không ít những hưng thịnh hay suy tàn trong cuộc sống... Chùa Linh Sơn cũng vậy, đã chứng kiến biết bao sự đổi thay!

Kính bạch Giác linh Thầy!

Trải bao năm giữa đạn bom ác liệt, theo vận mệnh thăng trầm của đất nước, giữa những cơn lốc xoáy và sóng ngầm từ thế lực vô minh, cây kén trong vườn chùa dù mang nhiều vết xước đau thương vẫn còn đó trơ gan cùng tuế nguyệt, tiếng đại hồng chung vẫn hôm sớm ngân vang giục người bỏ ác làm lành, thì thân con đâu nệ hao mòn, già cỗi để gìn giữ khói hương và từng bước trang nghiêm Phật địa Linh Sơn qua những công trình lớn nhỏ.

Ngày nhận lãnh trọng trách nối hương tiếp lửa Tổ đình, lòng con nao nao cảm xúc. Lúc nào cũng tự nhủ mình phải làm sao, làm gì để không cô phụ kỳ vọng của Ân sư.

Thế nên đã 32 năm qua con ngày đêm cố gắng, có lắm lúc trời chiều, đường xa, chân mỏi, tâm trí con lại hiển hiện bóng hình Thầy uy nghiêm từ ái. Con lại được tiếp thêm sức mạnh thiêng liêng để lên rừng đẵn gỗ, ra đảo hốt sạn. Dù tứ đại

ủ ê, vẫn không lơ là thời khóa tu niệm, dù lắm lúc ăn ngủ khó khăn vẫn không quên sách tấn, dạy dỗ lớp con em. Chỉ lo rằng chưa đáp được hoài bão của Thầy cho dù nỗ lực trăm lần hơn thế nữa.

Những huynh đệ của con theo sự trưởng thành giới thân tuệ mạng đã ra đi hoằng hóa khắp nơi như lời dạy: “Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng”. Phần con ở lại giữ gìn và tô bồi đất Tổ Linh Sơn với sự hỗ trợ tích cực từ tấm lòng tri ân và bồi đắp tông môn của các sư huynh đệ và Phật tử mọi nơi...

Những chứng tích xa xưa như ngôi nhà của Bồ tát Quảng Đức, cổng Tam quan, cây xoài, cây kén gần ba thế kỷ... chúng tuy vô trí, đơn giản nhưng với chúng con là những vật thiêng mà chúng con quyết gìn giữ để lại cho đời sau... Dòng sông trước chùa bên bồi bên lở, bao lần cạn sâu theo luật vô thường thì hồ sen năm nào vẫn còn đó, để mỗi tiết hạ về ngan ngát mùi hương thanh khiết lan tỏa khắp vùng... Những đóa sen bây giờ không phải là hoa sen năm cũ, nhưng hương

thơm vẫn thế không đổi thay... Như nhục thân của Thầy và chư Tổ đã hòa tan vào tứ đại thì Pháp thân vẫn lồng lộng, miên man để linh hiển chờ che, làm nơi quy hướng của chúng con và Phật tử gần xa.

Pháp thân thường trụ vượt thời gian và không gian chính là tuệ và đức của lịch đại Tổ sư thuở sinh tiền, là chí nguyện cần cầu đạo giác ngộ, là lời thề quyết vĩnh xuất thế gian cho dù đạ mạt nơi am tranh, cô liêu chốn rừng vắng. Chí nguyện cao cả đó còn lưu giữ qua bài thơ cảm khoái của Ân sư:

*“Ngàn năm mới gặp cảnh chùa này
Cây che tàn lọng giữa trời xây,
Cảm ứng từ bi, thương mấy độ
Thỏa lòng mong ước bấy lâu nay,
Am tranh khuya sớm nhang đèn lay
Dưa muối chiều hôm dạ thảo ngay,
Kính Kha sông Dịch không quay lại
Phăng dấu tìm trâu đáp nghĩa Thầy”.*

Hôm nay, sau 32 năm Thầy viên tịch, kỷ niệm 100 năm ngày Thầy xuất hiện giữa thế gian.

Văn viết ngày 10-7-41.
 Kính gửi: Ông - Tô
 Giải - An
 Quy Nhơn

Nam mô A - Di - Đà Phật
 Kính Thượng - Tô

Nghe nói An - cư sông Thượng - Tô
 ra lụt - Sơn tôi mừng và không may
 không ngộ Ông - Tô đã về quê
 ngủ và sẽ vào du giới. Sau 8
 Bính - Tuất. Tôi muốn ra Bình Định
 kỳ này đi thăm thân quý gia đình
 và quy Ông - Tô, chú Đại - Đức
 nhưng vì việc bức bách không ra được
 rất tiếc! Sau đây xin Thượng - Tô
 từ bi giới thiệu đi tu tôi là
 Thiên - Động thọ tại giới Sa - Di Đà
 trong giới Sơn này để tránh chúng
 đớp chấu - thóc của gạo - tôi
 Thiên - Động này do tôi và thầy
 Giải Hải đã thọ Sa - Di cách
 4 năm về trước, nay xét ra phở
 hợp thừa nên không đo bản mà
 xin miễn tích trong tuổi của nó
 hiện nay được. Vậy xin Thượng -
 Tô hoan hỷ chiếu cố cho nó
 thọ giới. Giữa kỳ này tôi xin
 đi ở Ông - Tô và cầu chú
 Ông - Tô, phật thì kính - an,
 chúng ta ở Tô
 Nay kính
 Linh - Sơn

Thích Nhất Hạnh

Bức thư bút hòa thượng Thích Trảng gửi cho hòa thượng Giải An, năm 1968

Kính bạch Giác linh Hòa thượng Ân sư!

Huynh đệ chúng con tất cả là trên 50 vị đã được Thầy nuôi dạy với tấm lòng khoan dung và từ bi như sự kiên định của đất dày... kham khổ sẻ chia, lục hòa cộng trụ. Thầy trò nương tựa nhau để tồn tại nơi quạnh quẽ rừng sâu nhưng luật nghi và thời khóa thì không bao giờ Thầy cho phép chúng con lơ là lơ lửng. Ân đức đó cao vời như sông núi nên chúng con lớn nhỏ đã tuân tự nên người.

Hôm nay chư huynh đệ xa xôi nữa vòng trái đất cùng nhất tề hướng về đất tổ Linh Sơn để tổ chức lễ Hiệp kỳ Lịch đại Tổ sư và tưởng niệm ngày Thầy viên tịch, nguyện được chứng minh tất cả chí thành của chúng con:

Quyết chống chèo con thuyền ngược dòng sông thế tục, cam chịu mọi khó khăn lao nhọc để xương hiển cổ tự Linh Sơn và răn dạy con em không được quay lưng với sự nghiệp huy hoàng của lịch đại Tổ sư...

Dòng sông nọ, chống chèo lên mạn ngược
 Thầy ân cần theo con mãi không thôi
 Với nhành dương phơ phất giữa lưng trời
 Vẫy xuống đời con hạt dài hạt vắn.

Cho dù lúc nào chẳng nữa thì giới thân huệ mạng và công quả kiến thiết già lam của chúng con luôn được sự chở che, gia hộ

của lịch đại Tổ sư hóa thân vào hành dương tịnh thủy.

*Mây lồng lộng giữa mười phương là lời sách tấn
Nắng và mưa đều hiển hiện di huấn của ân sư.*

Kính bạch Giác linh lịch đại Tổ sư!

Cho dù giấy viết ngàn trang vẫn không sao nói hết tâm tư của chúng con đối với ân đức sâu dày... Đêm nay, đêm thiêng liêng với trầm hương quyện tỏa, quỳ dưới đài sen con nguyện thực hiện hoài bão ân sư giao phó để không cô phụ sứ mạng: Tác Như Lai sứ - Hành Như Lai sự.

Một nén hương thơm
Dâng giữa hư không
Năm vóc sát đất
Một dạ chí thành
Con xin đánh lễ
Mười phương chư Phật
Con xin đánh lễ
Chư Tổ - Ân sư

Nam mô Chứng Minh Sư Bồ tát Ma-ha-tát.

Kính bái

Đệ tử Tỳ khưu Thích Thiện Dương

(Trú trì tổ đình Linh Sơn - Khánh Hòa)

Hòa thượng Giải An tại
chùa Linh Sơn - năm
1950



Hòa thượng Viên Giác, hòa thượng Giải An và hòa thượng Tịnh Tràng, trên đồi núi Ông Sư nhìn ra biển đông. Năm 1957 lần đầu tiên 3 vị Hòa thượng đến núi này xem phong thủy chọn đất để xây dựng chùa Giác Hải tại thôn Xuân Tự, xã Vạn Hưng, Vạn Ninh - Khánh Hòa.





NHỚ THẦY

Thích Giác Tâm - Pleiku

Mãn hạ năm ấy, thầy Giác Tuệ an cư ở chùa Linh Sơn (Nha Trang) về. Thầy cho tôi biết: “Chùa Linh Sơn có Thượng tọa trụ trì bao dung đức độ lắm! Và ngoài giờ học phổ thông ra, ở chùa có dạy thêm nội điển nữa, do quý Thầy ở Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức về phụ trách. Tôi đã thưa Thượng tọa xin cho chú ở rồi đấy, nếu thích chú xin thầy mình vô đó học”. Nghe sư huynh nói vậy, dòng máu du tử của tôi lại chạy rần rần trong huyết quản. Và lại, miền thù dương cát trắng ấy có một sức hấp dẫn lạ kỳ. Nơi có không biết bao nhiêu là cảnh tượng kỳ vĩ: Kim thân Phật Tổ trên đôi Trại Thủy, Tháp Bà với Thiên Y A Na nhiều huyền thoại và bãi biển dài thơ mộng đẹp nhất đất nước...

Tôi từ già quê hương sương mù, đến miền thùy dương thơ mộng ấy vào một buổi sáng mùa thu, có chú Giác Viên đi cùng. Tôi cứ ngỡ chùa Linh Sơn tọa lạc tại thành phố Nha Trang, hóa ra không phải, cách Nha Trang trên sáu mươi cây số, thuộc huyện Vạn Ninh. Chùa nằm trên bờ sông Hiền Lương (tên thôn cũng là tên của dòng sông) con sông thật hiền lành bình thản y như cái tên đặt cho nó. Mỗi lúc thủy triều dâng, nước sông trong veo in rõ bóng chùa với hàng cây bạch đàn đứng trầm ngâm bên cạnh. Chùa là ngôi tổ đình, do một vị Hòa thượng người Quảng Nam vào khai sơn, cách đây vào khoảng trên hai trăm năm, rất cổ kính trang nghiêm. Vườn chùa trồng trên trăm cây dừa đã cho trái. Xoài, cam, ổi, mít, me... mỗi loại khoảng năm mươi gốc. Ruộng chùa trên mười mẫu, cho Phật tử làm rẫy, chùa có máy điện, tóm lại ta có thể xếp vào hàng chùa giàu. Tuy nhiên vì chúng Tăng đông quá, nên cháo rau hai buổi mới đủ ăn. Ngày tôi vào đó Tăng chúng đã trên bốn mươi vị rồi, tấm lòng của Thượng tọa trụ trì thật độ lượng vô biên, ai tới xin ở đều chấp

nhận hết, nhưng với điều kiện là phải tu học, không được lơ láo qua ngày đoạn tháng. Ngày đó tôi đang sức lớn, mà ăn cháo ngày hai lần, mỗi lần một lưng bát. Buổi trưa được ăn cơm nhưng với tiêu chuẩn, thành thử đói đập dồn, tay chân cứ bủn rủn hoài. Mỗi khi chùa có kỳ giỗ, ngồi nhìn mâm ăn như mèo nhìn mỡ, nuốt nước miếng ừng ực, rồi đến khi ăn, mạnh điệu nào nấy gắp, chỉ tích tắc là xong. Thì ra, đói ra ma no ra Bụt, đừng đòi hỏi ở người, bao tử lúc nào cũng lép xẹp những từ đẹp để thanh cao.

Thượng tọa ăn ngày chỉ có bữa trưa, nhưng không cho dọn riêng. Người ăn chung với quý thầy Tỳ kheo, cũng chừng ấy thức ăn. Nhà bếp có dọn thêm đĩa thức ăn đặc biệt nào, Thượng tọa cũng chỉ gắp vài miếng rồi chuyển cho quý thầy. Ăn uống đã ít lại đạm bạc, song Thượng tọa tụng kinh bái sám suốt ngày. Người tu theo pháp môn Tịnh độ, lúc nào râu chuôi cũng cầm tay, lâm râm niệm danh hiệu Phật A Di Đà một cách miên mật và Người ngủ nghỉ cũng ít nữa, ba giờ sáng đã thức dậy hành trì. Mỗi lần chúng điệu

cãi cọ xích mích nhau, Thượng tọa nghe được đến hòa giải, quở trách nhẹ nhàng: “Sao không niệm Phật đi? Đời người chỉ trong hơi thở, có gì đâu mà tranh cãi hơn thua. Tư lương của các chú đã có gì chưa? Chỉ có sinh tử là việc lớn, ngoài ra mọi việc đều nhỏ nhen. Đừng để tâm trí ta vướng bận vào những chuyện nhỏ nhen trong cuộc sống hằng ngày”, Thượng tọa ăn mặc rất giản dị, và muốn môn đệ cũng giản dị như mình. Một hôm chiếc áo nhật bình màu khói hương của tôi bị vấy mũ chuối, tôi đem ra giếng ngồi tẩy. Thượng tọa đi ngang qua thấy vậy dừng lại hỏi:

Giác Tâm làm cái chi đó?

Tôi trả lời:

Dạ, bạch Thượng tọa, con tẩy cái áo bị vấy mũ chuối.

- Chi chi kệ nó, tẩy làm gì, mặc vậy quý hơn. Đệ tử Phật vốn xưng là bản đạo mà, mặc đẹp mặc tốt người ta đổi chữ *bản* thành chữ *phú* sao? Thượng tọa nói xong

nở nụ cười y hệt ngài Ca Diếp.

Người luôn lo lắng đến sự học của chúng Tăng, hằng nghĩ đến tương lai đạo pháp, nên sở học của mình có bao nhiêu đem truyền ra trao lại hết. Khi biết đệ tử học đã hết chữ nghĩa của mình rồi thì gởi đến các viện Phật học cao cấp để học thêm. Trước khi đi tu, Thượng tọa là giáo sư dạy Pháp văn nổi tiếng, vậy mà không khi nào nói chuyện xen đẽm tiếng Tây vô. Có một lần thầy Chánh Huệ viết một đoạn Pháp văn trên bảng, Thượng tọa thấy vậy đứng xem, biểu thầy Chánh Huệ đưa viên phấn rồi Thượng tọa sửa lại mấy chữ và giảng giải. Mà thầy Chánh Huệ thuộc vào hạng khá môn Pháp văn nhất trong các thầy ở chùa Linh Sơn, bữa đó ai nấy đều ngạc nhiên thích thú.

Ngoài những giờ dạy cho quý thầy, quý chú lớn Thượng tọa còn dạy một tuần mấy buổi chữ Hán cho mấy đệ tử nhỏ. Tóc Thượng tọa bảy giờ đã bạc nhiều, mắt lại yếu phải mang kính lão, ngồi cầm quill bút lông viết thiệp cho mấy đệ tử, còn đệ tử nào chưa có thiệp thì lại bàn Thầy chớ mắt vào dùm đợi. Sống vào thời buổi viết toàn bút sắt, mà còn có



Cổng chào tổ đình Linh Sơn, xây dựng năm 1960 trên 2 trụ gỗ cũ làm ranh giới phía Nam cho diện tích đất chùa

lớp học bút lông như vậy thấy cũng hay hay, trông giống lớp học thời xưa quá! Có điều lớp học này thoải mái hơn, Thầy không có roi như cụ đồ và trong lớp cũng không có anh trưởng tràng nào để Thầy sai quát mông mấy chú học dốt cả.

Tiền bạc Phật tử cúng dường hoặc bán trái cây trong vườn chùa, Thượng tọa kéo học bàn bỏ vào không hề biết là bao nhiêu, rồi khi có học Tăng ở nơi xa đi lỡ đường ghé lại, lúc ra đi Thượng tọa đều cầm tiền giúi vào tay, cho mà cứ sợ “người” không nhận. Lúc nào cũng nhăn nhủ dặn dò: “Ừ, đi học đâu thì đi, học cho giỏi rồi về đây ở với Thầy cho vui”.

Ngày cuối cùng của cuộc đời, Thầy biết trước, ân cần phó chúc mọi chuyện xong mỉm cười mà hóa. Đệ tử kéo học bàn ra để lấy tiền lo đám, học rộng không chẳng có một đồng. Cuộc đời Thầy thể hiện trọn vẹn nếp sống “bản đạo”, bản thân Thầy thì tam thường bất tức như thế, nhưng tấm lòng vì nhân thế lại hữu dư.

Mùa xuân vừa rồi sư huynh Giác Tuệ và tôi trên đường hành hương có ghé lại tổ đình Linh Sơn, đánh lễ giác linh Thượng tọa. Ngôi Tổ đình vừa mới trùng tu thật nguy nga tráng lệ. Tôi có hỏi thầy trụ trì Thiện Dương: “Tiền ở đâu mà Thầy trùng tu chùa to lớn dữ vậy?”. Thầy mỉm cười trả lời: “Tiền của quý thầy ngày xưa đã từng học nơi đây, giờ tuy tản lạc khắp nơi, có người ở cách xa trọn nửa trái đất như Canada, Washington, Cali... nhưng vẫn luôn hướng về cái nôi êm ái tình thương “Linh Sơn ngày ấy”, nơi mà một thời đã khai tâm mở trí cho họ”. Tôi ra thấp nhang nơi tháp mộ của Người, ngồi bên tháp rêu phong, vôi vữa đã lở ra từng mảng, đường nét đơn sơ giản dị như cuộc đời giản dị của Thầy, lòng chợt băng khuâng nhớ thương thầy vô hạn. Tôi tự hỏi: “Động cơ nào đã thôi thúc Thầy nguyện là một vị giáo sư Pháp văn ưu tú con nhà quý tộc ở xứ Quảng, lại cắt ngang con đường công danh sự nghiệp, để vào đây nối bước theo chân Tổ mà nối đuốc đưa mọi người qua khỏi bóng đêm vô minh dày đặc và biến nơi đây thành một quê hương tâm linh cho

tất cả ngưỡng vọng hướng về”. Câu hỏi tự nêu chưa có câu trả lời, thì không hiểu sao tự dừng tôi lại nhớ đến bàn tay trái của Thầy chỉ còn bốn ngón, một ngón đã đốt cúng dường mười phương chư Phật trong ngày Thầy thọ đại giới, và rõ thêm một chút nữa là vì sao ngày xưa Thầy hay nhắc đến Hòa thượng Quảng Đức cũng đã có những năm tháng Trụ trì ở nơi đây.

Hoà thượng Quảng Đức thung dung bất động ngồi trong lửa đỏ như ngồi trên hoa sen (để bảo vệ chân lý). Còn Thầy điềm nhiên khoái hoạt khi đốt tay cúng dường Tam bảo. Thì ra sức mạnh tinh thần, sự tĩnh tại vô úy ở nội tâm của người trước đã truyền lại cho người sau và đột nhiên tôi tìm ra câu trả lời thích đáng: “Thầy đã nối tiếp một cách rạng rỡ dòng giống của Phật chỉ bằng sức mạnh niềm tin không gì lay chuyển nổi và tình thương vô biên đối với con người – vạn hữu”.



Năm 1954, hòa thượng Tịch Tràng với công trình xây dựng chánh điện trên nền móng đá san hô đặt sẵn của bổ tát Quảng Đức

TÂM TÌNH LINH SƠN

Thích Thiện Hiền

Bạch Thầy!

Cả một thời thơ ấu tu học với hình ảnh lung linh hiện ra trong tâm trí con, con hồi hộp xúc động và niềm xúc động như muốn bóp nghẹt con tim, khiến con không thể nào không viết những điều con biết về thầy, xin Thầy tha thứ cho con, như những ngày xưa, thầy đã từng tha thứ con còn là một chú tiểu tinh nghịch và vụng về. Quê hương Thầy tận miền Trung xa xôi (QNĐN) đó là cửa ngõ Việt Nam đầu tiên tiếp xúc với văn minh Tây phương. Do vậy, thầy là người vừa thâm nho vừa tinh thông Pháp ngữ. Trước khi xuất gia Thầy dạy Pháp văn tại trường trung học Đà Nẵng. Ngoài việc dạy học, Thầy dồn hết tâm trí vào việc nghiên cứu Phật pháp và theo học hàm thụ các lớp Phật học tại Huế.

Thế rồi, nhân duyên đến, Thầy nhất định ra đi, bỏ lại sau lưng công danh sự nghiệp. Thầy băng rừng lội suối vượt đèo sang Lào, trở xuống Cao Miên để tìm thầy học đạo và cuối cùng theo dòng Cửu Long giang xuôi về miền Đông Nam bộ thì gặp được

minh sư, đó là thiền sư Minh Tịnh hiệu Nhân Tế tham học ở Tây Tạng trở về lập chùa Thiên Chơn - Bình Dương. Và Thầy cùng ba huynh đệ được Thiền sư phú pháp cho là: Tịch Chiếu, Viên Chiếu, Thường Chiếu, Tịch Tràng.

Khi ấy Bồ tát Quảng Đức trên đường hoằng hóa vào Nam và thăm viếng thiền sư Minh Tịnh tại chùa Thiên Chơn. Bồ tát Quảng Đức mời Thầy về Vạn Giã, Khánh Hòa để trụ trì ngôi chùa Linh Sơn mà Ngài đương nhiệm trụ trì.

Giữa thời kỳ chiến tranh ác nghiệt nhất, không tha mạng sống của ai, nhưng riêng Thầy đối mặt với bom đạn mà không hề hấn gì. Vào một ngày nọ, khi Thầy đang tụng kinh tại chánh điện, hai vị Phật tử đứng hai bên. Bỗng đâu một trái bom hạng nặng rớt xuống mái chùa, nhưng bom không nổ mà nằm yên trên mái nhà, lính Pháp ngạc nhiên và đã vào lấy trái bom đó mang đi. Sự huyền diệu của phép Phật khiến cho người lính Pháp khiếp vía bái

phục, chúng đã chứng kiến sự việc mâu nhiệm linh thiêng ấy. *(Hiện nay dấu tích vẫn còn trên mái chùa cũ tuy đã được vá lại)*. Chiến tranh Việt Pháp chấm dứt, sự yên lành trả lại cho dân làng và chùa chiền nên chư Tăng và Phật tử rủ nhau về tu học càng ngày càng đông. Vì vậy, thầy mời hòa thượng Viên Giác về làm giáo thọ để dạy Tăng chúng tại tổ đình. Sau đó, Thầy giới thiệu núi Ông Sư (*ông Hai chủ đất núi này là đệ tử của tổ Chơn Hương Thiên Quang, trú trì đời thứ 4 tổ đình Linh Sơn*) cúng cho hòa thượng Viên Giác để khai sơn tạo dựng chùa Giác Hải tại thôn Xuân Tự, cách chùa Linh Sơn 3 km về hướng Nam. Nhờ nhân duyên ấy mà chùa Giác Hải được hình thành và hòa thượng Viên Giác trú trì tiếp tăng độ chúng rất đông.

Đức độ khoan dung của Thầy thật vô biên, tất cả những ai dù quá khứ thế nào, khi muốn quay về tu tập Thầy sẵn sàng dung nạp. Bởi vậy, trước năm 1975, Linh Sơn là nơi quy tụ chư Tăng từ Quảng Trị đến Cà Mau, không phân biệt sơn môn hay địa phương nào, cũng



Hòa thượng Tịch Tràng với bốn đạo trước tiền đường chánh điện - năm 1960



Hòa thượng Thích Trảng với bốn đạo trước sân của tiền đường chánh điện - năm 1960

có thể ở để tu học được. Khi Thầy dạy một chú tiểu có lỗi, không bao giờ dùng roi vọt hay nặng lời, Thầy chỉ nhìn với nét mặt đầy từ bi nhân hậu khả kính là các chú tiểu ăn năn hối cải. Lúc tôi còn là chú tiểu chưa bao giờ bị Thầy quở trách khi có lỗi lầm. Một buổi sáng nọ, tôi bung mâm cơm lên hầu Thầy, bị vướng chân vấp té, mâm cơm hất tung xuống đất; sự sợ hãi khiến tôi không nhúc nhích được. Thầy đang ngồi bên trong nhìn ra thấy, liền vội đứng lên đến đỡ tôi dậy, xoa dầu và hỏi: “Con có sao không? Có bị đau chỗ nào không?”. Nghe những lời này nỗi sợ hãi và đau đớn của tôi tan biến, ngược lên nhìn Thầy: Ôi một gương mặt triu mến đầy tình thương và nhân hậu! Thầy dạy: “Lần sau đi cẩn thận từng bước nghe con!”.

Lòng từ bi không chỉ đối với loài người mà là với tất cả chúng sanh. Có lần, Thầy cầm con dao cắt cành cây sứ, trên cành cao có tổ kiến vàng, vỡ rơi xuống khắp người Thầy, tôi vội vàng chạy lại hai tay phủ lia lia, nhưng

Thầy quay lại bảo: “Con đừng phủ mạnh nó chết”. Rồi Thầy cởi áo treo trên cành cây, nhẹ tay bắt từng con thả lại trên cành, nhưng kiến nhiều quá nên bị chúng cắn khắp thân người, Thầy vẫn đứng yên và quay lại nói: “Đó là lỗi tại mình, vì Thầy vô tình phá nhà của chúng mà!”. Cuộc sống của Thầy thật giản dị, từ ăn mặc đến giao tế, thầy tiếp đãi mọi người đều bình đẳng, không phân biệt sang hèn. Thầy lo đời sống của chúng tăng từng bữa ăn, giấc ngủ. Thầy cùng ăn cơm với chúng, trong bữa ăn thật trang nghiêm, chánh niệm, không nói chuyện, không có tiếng khua nhẹ của chén đũa. Nhất là, thầy rất quan tâm lo lắng việc tu học của các chú tiểu. Thầy trực tiếp hướng dẫn dạy các chú vào mỗi chiều.

Về phần tu tập, thầy hướng dẫn đại chúng các khóa lễ tu theo Pháp môn Tịnh độ. Nhằm ngày vía Phật và Bồ tát, Thầy hướng dẫn chúng tưởng niệm và đánh lễ 100 lần danh hiệu nhân ngày vía ấy. Mỗi năm đến ngày

vía Phật A Di Đà, lễ vía vào buổi khuya xong, Thầy cho chúng luân phiên niệm danh hiệu Phật A Di Đà cho đến giờ khóa lễ Tịnh độ buổi tối. Mỗi ngày Thầy đều thọ trì kinh Hoa Nghiêm – Phẩm Hạnh Nguyên Phổ Hiền. Với sức khỏe tuổi gần 70, nhưng thầy hành trì miên mật và tinh tấn đến nỗi chúng tăng trẻ tuổi ít ai làm theo nổi. Ngoài ra, Thầy còn lạy Vạn Phật vào buổi sáng, thì giờ còn lại Thầy luôn luôn niệm Phật, tràng hạt không rời khỏi tay.

Thầy đã hoàn thành trọng trách “tác Như Lai sứ hành Như Lai sự”. Hạnh nguyện đã mãn, với sức khỏe ngày càng yếu dần Thầy biết sẽ ra đi, nên gọi đồ chúng lại và giao phó trách nhiệm cho từng vị. Và lời giáo huấn cuối cùng của Thầy cho chúng đệ tử là:

*“Hơn thua phải trái biết bao là
Xét nét tu hành giữ lấy ta
Tâm để rộng không thường nhân nhục
Muôn phiên nào chướng cũng tiêu ma.”*

Bạch Thầy! Viết về những dòng này, cả

khung trời cũ hiện ra trước mắt con. Ngôi chùa cổ kính hùng vĩ bên bờ sông Hiền Lương với vườn cây ăn trái rung rinh, bởi những tiếng xịch xịch vọng tới từ phía xe lửa Nam Bắc. Cánh đồng lúa bát ngát còn đọng sương trên lá trải dài theo mãi tận ánh hoàng hôn tắt nắng sau dãy núi xa xa. Những hàng dừa cằn cỗi cao vút trơ gan cùng tuế nguyệt, nghiêng mình dưới ao sen như chờ đợi Người về. Vào mùa sen nở rộ, thoang thoang xa bay mùi hương quyến theo gió tràn ngập cả lòng người. Nhất là, hình ảnh của Thầy lúc nào cũng in mãi trong tâm con, đức hạnh của Thầy soi sáng khắp nẻo đường, hướng dẫn con tìm về bến giác.

Như vậy, tổ đình Linh Sơn là nơi hun đúc những bậc chân tu thạch đức, nối tiếp nhau làm vẻ vang cho đạo pháp và dân tộc. Vạn Ninh là quê hương của Bồ tát Quảng Đức, tổ đình Linh Sơn là nơi xuất thân tu học của Bồ tát. Ngài đã trầm mình trong ngọn lửa bảo vệ Phật pháp trường tồn cho đến hôm nay và mãi mãi... Người được truyền đăng tục diệm tổ đình Linh Sơn từ Bồ tát Quảng Đức là

hòa thượng Bốn sư Thích Tịch Tràng. Và bốn sư Tịch Tràng đã nối theo tinh thần vô úy xả thân của Bồ tát Quảng Đức mà phát nguyện đốt ngón tay út cúng dường chư Phật.

Hiện nay, sư huynh Thiện Dương đang trụ trì Tổ đình với tinh thần kế thừa đã phát nguyện trùng tu ngôi Tổ đình ngày càng trang nghiêm hơn. Với ý chí sắt đá và sức người, từ hai bàn tay trắng sư huynh không ngại gian lao để vượt rừng đốn cây xẻ gỗ, xuống biển hốt đá về xây chùa. Nơi đây, dân quê nghèo chất phác hiền lương, họ đóng góp hết sức mình cho chùa cho đạo. Đứng trước ngôi Tam Bảo trang nghiêm rộng lớn, ai cũng ngạc nhiên với sự thành tựu ngoài khả năng ấy, đó chính là *thừa ân Tổ đức*.



Phía sau chánh điện và sân vườn - năm 1960



Bảo Tháp cũ của hòa thượng Bổn sư Tịnh Trạng, lập năm 1976 bị hủy hoại theo thời gian nên đã trùng tu.

大方廣佛華嚴經
 如來大智慧 希有無等倫
 一切諸世間 思惟莫能及
 凡夫妄觀察 取相不如理
 佛離一切相 非彼所能見
 迷惑無知者 妄取五蘊相
 不了復真性 是人不見佛
 了知一切法 自性無所有
 如是解法性 則見盧舍那
 因前五蘊故 後蘊相續起
 於此性了知 見佛難思議
 譬如暗中寶 覺燈不可見
 佛法無人說 雖慧莫能了
 亦如目有翳 不見淨妙色
 如是不淨心 不見諸佛法
 又如明淨日 翳者莫能見
 無有智慧心 終不見諸佛
 若能除眼翳 捨離於色想
 不見於諸法 則得見如來
 一切慧先說 諸佛菩提法
 我從於預聞 得見盧舍那

勝覺菩薩偈頌

大方廣佛華嚴經
 儒哉大光明 勇健無上士
 為利群迷故 而興於世間
 佛以大慈心 普觀諸眾生
 見在三有中 輪迴受眾苦
 唯除等正覺 具德尊導師
 一切諸天人 無能救護者
 若佛菩薩等 不出於世間
 無有一眾生 而能得安樂
 如來等正覺 及諸賢聖眾
 出現於世間 能與眾生樂
 若見如來者 為得大善利
 聞佛名號者 則是世間塔
 我等見此尊 為得大利益
 聞如是妙法 悉當成佛道
 諸菩薩過去 以佛威神力
 得清淨慧眼 了諸佛境界
 今見盧舍那 重增清淨信
 佛智無邊際 須說不可盡
 勝覺等菩薩 及我堅固慧
 無數億劫中 說亦不能盡

堅固慧菩薩說頌

2 bức hoành thủ bút hòa thượng Tịch Tràn, chép kệ tụng của bồ tát Thắng Huệ và bồ tát Kiên Cố Huệ trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

Dịch Việt:

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm¹

1. Thắng Huệ Bồ tát nói kệ rằng:

Như Lai đại trí huệ
Hi hữu không sánh bằng
Tất cả những thế gian
Tư duy chẳng đến được.
Phàm phu vọng quan sát
Chấp tướng chẳng đúng lý
Phật lia tất cả tướng
Chẳng phải họ biết được.
Kẻ vô tri mê lầm
Vọng chấp tướng ngũ uẩn
Chẳng biết chơn tánh kia
Người này chẳng thấy Phật.
Rõ biết tất cả pháp
Đều không có tự tánh
Hiểu pháp tánh như vậy
Thời thấy Lô Xá Na.
Vì do tiền ngũ uẩn
Có hậu uẩn tương tục
Rõ biết nơi tánh này
Thấy Phật khó nghĩ bàn.
Ví như báu trong tối

Không đèn thời chẳng thấy
Phật pháp không người nói
Dầu huệ chẳng biết được.
Cũng như mắt bị lừa
Chẳng thấy màu xinh đẹp
Như vậy tâm bất tịnh
Chẳng thấy các Phật pháp.
Lại như mặt trời sáng
Kẻ mù không thấy được
Tâm không có trí huệ
Trọn chẳng thấy chư Phật.
Nếu chữa hết bệnh lừa
Bỏ lia lòng tương sắc
Chẳng thấy nơi các pháp
Thời thấy được Như Lai.
Nhứt Thiết Huệ đã nói
Chư Phật Bồ Đề pháp
Tôi nghe lời ngài nói
Được thấy Lô Xá Na.

2. Kiên Cố Huệ Bồ tát nói kệ rằng:

Vĩ đại! quang minh lớn
Bực vô thượng dững kiên
Vì lợi ích quần sanh
Mà xuất hiện thế gian.
Phật dùng tâm đại bi
Quan sát khắp chúng sanh
Thấy ở trong ba cõi
Luân hồi thọ nhiều khổ.
Chi trừ đấng Chánh giác
Đấng Đạo sư đủ sức
Tất cả các trời người
Không ai cứu hộ được.
Nếu chư Phật Bồ tát
Chẳng xuất hiện thế gian
Thời không một chúng sanh
Có thể được an lạc.
Như Lai đấng chánh giác
Và các chúng Thánh Hiền
Xuất hiện ở thế gian
Cho chúng sanh được vui.

Nếu ai thấy Như Lai
Vì được lợi hành lớn
Nghe hiệu Phật sanh tin
Thời là pháp thế gian.
Chúng tôi thấy Như Lai
Vì được lợi ích lớn
Nghe diệu pháp như vậy
Đều sẽ thành Phật đạo.
Chư Bồ tát quá khứ
Do thần lực của Phật
Được huệ nhân thanh tịnh
Rõ cảnh giới chư Phật.
Nay thấy Lô Xá Na
Càng thêm thanh tịnh tính
Phật trí không ngần mé
Diễn thuyết chẳng thể hết.
Thắng Huệ Bồ tát thầy
Và tôi Kiên Cố Huệ
Trong vô số ức kiếp
Cũng nói chẳng thể hết.

1. Việt dịch: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

LINH SƠN NGHÌN NĂM VƯỜN MÂY TRẮNG

Nguyễn Đức

Mùa hè 1969, tôi mới học lớp Đệ tứ mà đã bắt đầu tập sống lang thang rồi. Khi cha tôi qua đời thì tôi đang rong rêu ở Nha Trang. Nhận được điện tín của người bạn từ Đà Nẵng gửi vào, tôi vội vã quy hồi cố quận.

Trên đường về, tôi làm một bài thơ, trong đó có mấy câu:

*Ngày cha mất tôi không về kịp
Thấp nén nhang tưởng niệm trước mộ phần
Gẫm một kiếp người như áng phù vân
Không hiểu được đây là hư hay thực?*

Hồi đó, tôi mới 16 tuổi, nên rất dỗi bàng hoàng, thảng thốt trước lẽ sinh và tử, hư và thực, có và không... Vì thế, về quê để tang cha xong, tôi lại lên đường phiêu bạt, không phương hướng.

Đi và đi và đi mãi như một tên cuồng sĩ. Khi thì ở Huế, Quy Nhơn, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Đơn Dương, Đà Lạt, Di Linh, Bảo Lộc, lúc thì ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Long Khánh, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang... Đi đến đâu, tôi cũng xin lưu trú ở chùa vài hôm, có khi cả tuần, nửa tháng, rồi lại lang thang, tiếp tục

cuộc lữ phiêu bồng, vô mục đích.

Chính nhờ ở chùa nhiều mà tôi có dịp tiếp xúc với Thiên học. Tôi đọc miên man, choáng váng, xuất thần theo Bùi Giáng, Tuệ Sỹ, Nhất Hạnh, Thanh Từ, Phạm Công Thiện, Huyền Giác, Hoàng Bá, Lâm Tế, Huệ Năng, Bồ Đề Đạt Ma, Suzuki, Vivekananda, Krishnamurti... và một ngày hốt nhiên, tôi chợt thắp thoáng thấy được một cõi đi về.

Thế là đang chơi giữa vô thường, bất chợt tôi chuyển một hướng say, trút bụi giang hồ xuống bờ biển Nha Trang và dừng gót phiêu linh nơi chùa cổ Linh Sơn, ở Hiền Lương, Vạn Giã.

*Ra đi đã đuổi mộng tình
Chút thân bèo bọt vô minh bênh bồng
Nỗi đời lệ chảy trăm sông
Về đâu giữa chốn bụi hồng hoang mê?*

Mang câu hỏi sinh tử ấy, tôi lặn lội đến gõ cửa thiền. Duyên lành may mắn, nhờ ông anh Thiện Tánh giới thiệu, tôi xin xuất gia với thầy Tịch Tràng. Một vị thầy

đạo cao đức trọng mà ánh mắt, nụ cười bao dung, độ lượng đã âm thầm nhiếp dẫn kẻ phong trần lạc lối này về với bến bờ an vui miên viễn của tâm hồn.

Linh Sơn, chùa nằm yên tĩnh, tịch mịch bên dòng sông bỗng bênh mây nước, soi bóng thùy dương giữa trời thơ đất mộng. Quanh năm rợp bóng dừa xanh ngát và lồng lộng gió nắng ngàn khơi đại hải, từ cửa biển Vạn Giã thổi vào.

Dào dạt lòng thơ lai láng bồi hồi, tôi ném cái ngã điên rồ của mình xuống dòng sông trước cổng tam quan. Tôi bắt đầu thực tập Thiền tông dưới sự hướng dẫn vô vi, vừa đơn sơ giản dị vừa ẩn mật khôn dò của bậc đạo sư thâm hậu. Thực sự Thầy dùng cách mặc như lời, im lặng sấm sét, bằng ánh mắt thấu thị, chan chứa từ bi, để dắt dìu kẻ sơ cơ nhập diệu cõi miên sâu thăm tâm linh, từ từ tự khám phá, tự lãnh hội, tự đáo bỉ ngạn và hoát nhiên thường thức được hương vị cô liêu, thuần nhiên thanh tịnh ở ngay giữa lòng mình.

Hình ảnh thanh thân, đạm bạc, im lặng trầm hùng, cung cách khiêm hạ, từ tốn, rộng lượng, bao dung cùng với nụ cười luôn luôn hoan hỷ là ấn tượng nổi bật nơi vị thầy khả kính mà bất cứ ai cũng đều cảm nhận được như vậy.

Thầy ứng cơ tiếp vật nhẹ nhàng, vô sự như nước chảy mây bay, chẳng có chi là quan trọng cả, chẳng có gì là ghê gớm lắm, chẳng hữu tâm chẳng vô tâm, hòa cùng tất cả bước trầm nhiên qua.

*Trùng trùng duyên khởi thôi mà
Bến bờ tâm ngát trở Hoa Nghiêm vàng
Lý và sự bước hòa chan
Ra vào vô ngại giữa ngàn đục trong.*

Nghìn phương vẫn một phương lòng. Lòng không muôn việc cũng không chi phiền. Đó là bước đi kỳ cùng theo thể diệu tiêu dao, trên cung bậc thượng thừa, niêm hoa vi tiếu của thầy.

Mây trắng nghìn năm còn bàng bạc trên đỉnh núi Linh Sơn, vẫn còn đó muôn thuở, đóa hoa của Đức Phật đưa lên và

Ca Diếp mỉm cười. Ôi từ đình Linh Sơn xưa đến Tổ đình Linh Sơn nay, vẫn con đường Mây Trắng đó, vẫn bất tuyệt thiên thu một nụ cười.

Nụ cười tiếp nối những nụ cười. Mở ra những phương trời bát ngát, những con đường huyền mộng không đến không đi. Không đến chẳng mang theo gì, cũng như vậy đó, ra đi nhẹ nhàng, sá chi đâu chuyện thế gian. Mà lưu dấu vết son vàng viễn vông?

*Mây trôi nước chảy gió lồng
Từ hư không đến thì không hư về
Vạch cho đời thấy lòng quê
Để thênh thang bước vượt lẽ tử sinh*

Cho đến bây giờ, tôi mới thấu hiểu hết nụ cười vô ngã, nụ cười không chấp mà Thầy âm thầm nhiếp dẫn, cảm hóa chúng ta và tôi vội:

*Quy xuống đó với lòng thành chánh niệm
Lạy ơn Thầy một thuở mở khai tâm
Là muôn thuở thấy ra rồi lối ngộ
Bước đi về thanh thân hát nghìn năm.*

Hình ảnh Lễ Hiệp Kỳ và Tưởng Húy Nhật lần thứ 32 của Hòa thượng Bốn sư Thích Tịch Tràng

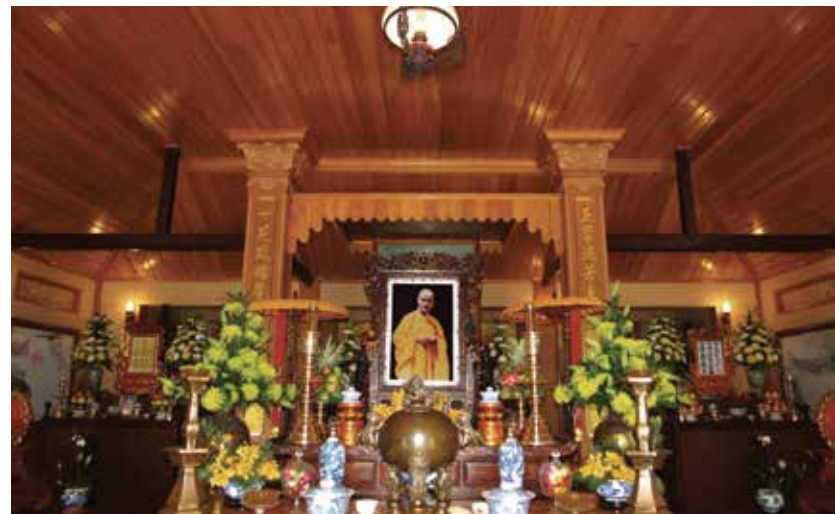
Ngày 24 tháng 5 năm Kỷ Sửu – 2009 (Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hòa thượng Bốn sư Thích Tịch Tràng)



Hương án thờ Long vị chư Tổ



Hòa thượng Thích Đức Chơn và chư Tăng lễ tưởng niệm



Án thờ di ảnh hòa thượng Bốn sư Tịch tràng



Hòa thượng Đức Chơn và HT. Chánh Kế chứng minh



Thắp nến tưởng niệm tại vườn Bảo tháp



Thầy trú trì và thầy phó trú trì đại diện môn phong tác bạch



Thắp nến nhiều tháp Tổ vào tối 23 Âm lịch hằng năm



Tôn tượng hòa thượng Bốn sư Tịch Tràng

VẠN NINH - LINH SƠN - MÁI CHÙA XƯA!

Kính dâng Hòa thượng Bốn sư Tịch Tràng

Thôn Hiền Lương! Chiều nay về thăm lại
Mái chùa xưa yêu dấu ở nơi này
Bao tâm huyết ngỡ như là đã hết
Nhưng mà không tất cả vẫn còn đây

Đây chùa cũ Linh Sơn tình cố xứ
Bên con sông đồng vọng gió thâm thì
Chảy về đâu hồi nguồn kinh xa ngút
Buồn hay vui thôi đừng kể làm chi

Quỳ xuống đó với lòng thành chánh niệm
Lạy ơn Thầy một thuở mở khai tâm
Là muôn thuở thấy ra rồi lối ngộ
Bước đi về thanh thản hát nghìn năm

Linh Sơn ơi! Trời mây vờn đỉnh núi
Bay về đây che chở suốt bốn mùa
Từ đóa hoa xưa nụ cười Ca Diếp
Đến bây giờ vẫn trở ngát hương xưa



Bái vọng hình ảnh khả kính của Bốn sư

Tâm Nhiên

LINH SƠN NGÀY VỀ

Kính tặng chư sư huynh

Có niềm vui lớn quá chẳng nên lời
Hai mươi bảy năm về Linh Sơn tự
Nơi tuổi trẻ nơi vàng son luyện giữ
Nơi dấu yêu nơi hoài vọng chiêm bao
Đây chùa xưa quá đổi ngọt ngào
Đây cây thị cây me cây kén
Hàng xoài xanh trái ươm vàng trong nắng
Cây sứ bạn xưa hương tỏa thơm lừng
Trở lại chùa ta run những bước chân
Bước chẳng nổi tuổi thơ như ủa dầy
Tiếng chuông chùa ôi yêu thương biết mấy
Thuở công phu ngủ gục đánh rơi dùi

Mùa an cư chùa thật đông vui
Có Huế, Quảng, Phú Yên, Bình Định
Dáng Thầy xưa từ hòa nghiêm kính
Bóng chiều nghiêng theo nhịp chuông chùa
Con chừ đây trầm lạc giữa hơn thua
Manh áo miếng cơm chợ đời lặn đạn
Hình bóng Thầy trong trái tim kính cẩn
Không dạy nhiều lời vẫn cứ ngộ ra



Pháp huynh Thiện Đức và Pháp đệ Thiện Dương

Huynh đệ giờ yên ở những phương xa
Đều chung nhớ về Linh Sơn ngày cũ
Mùa xuân ấy chim không còn chốn trú
Chắc Thầy buồn lo số phận chúng con
Nay về đây Thầy đã không còn
Bên tháp cũ hoàng hôn mắt đỏ
Bỗng lặng người nghe trong tiếng gió
Có tiếng Thầy trong tiếng mõ lời kinh

Kỷ niệm ngày 24/05/2002

Hoài Thu Tử - Lê Văn Long

Chương V

Giới thiệu quá trình đại trùng tu Tổ đình





A

Lược trạng về Hòa thượng đương vi trú trì tổ đình Linh Sơn

Hòa thượng Nguyên Hoằng - Thiện Dương - Thanh Huy nối Pháp đời thứ 44 dòng Lâm Tế, thuộc thế hệ thứ 10 pháp phái Liễu Quán, kế thừa trú trì đời thứ 8 tổ đình Linh Sơn. Thầy thế danh là Phạm Văn Khanh, sanh năm Mậu Tý (1948) tại Hiền Lương, Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa. Thân phụ là cụ Phạm Huỳnh Hạp (Hiệp), Pháp danh: Không Sai. Thân mẫu là cụ Trần Thị Hải, Pháp danh: Nguyên Yến. Ông bà cụ có 3 người con trai, Ngài là con thứ 2.

Năm 1961, khi lên 13 tuổi Thầy được song thân cho quy y xuất gia với hòa thượng Thích Tịch Tràng, trú trì đời thứ 7 tổ đình Linh Sơn và được Hòa thượng cho Pháp danh là Nguyên Hoằng. Sau ba năm hành điều tu học tại tổ đình Linh Sơn, đến năm 1964 tại chùa Giác Hải - Xuân Tự Thầy được hòa thượng bốn sư Tịch Tràng và hòa thượng Viên Giác truyền trao Sa



Hòa thượng Thích Thiện Dương
Trú trì tổ đình Linh Sơn



Thầy Mạnh Thát, thầy Tuệ Sỹ và thầy trú trì tổ đình Linh Sơn

di thập giới, có Pháp tự là Thiện Dương.

Năm 1968, ngày mùng 10 tháng 7 năm Mậu Thân, hòa thượng bốn sư Tịch Tràng viết thư giới thiệu gửi hòa thượng Giải An để xin cho Thầy thọ giới Sa di lại tại đại giới đàn Long Khánh – Quy Nhơn.

Năm 1970, được Hòa thượng Bốn sư gửi Ngài vào Phật học viện Trung phần Hải Đức Nha Trang để tham dự các khóa học tại đây, do Cố Đại lão hòa thượng Thích Trí Trụ làm Giám Viện.

Năm 1973, được hòa thượng Bốn sư cho thọ cụ túc giới tại đại giới đàn Phước Huệ - Hải Đức Nha Trang, do Cố Đại lão hòa thượng Thích Phúc Hộ làm Đường đầu hòa thượng, đồng thời Thầy được hòa thượng Bốn sư ban cho Pháp hiệu là Thanh Huy.

Năm 1974, sau khi tốt nghiệp lớp Chuyên khoa Phật học tại Phật học viện Hải Đức thì được tin hòa thượng Bốn sư lâm trọng bệnh, do đó Thầy quyết định

rời Phật học viện về tổ đình Linh Sơn để lo hầu thầy. Khi về Tổ đình, một việc chăm sóc sức khỏe cho Bốn sư, Thầy còn nhận lại ruộng (ruộng chùa trước đó cho thuê) và đảm trách canh tác 24 mẫu ruộng của Tổ đình.

Ngày 24 tháng 5 năm Bính Thìn (1976) hòa thượng bốn sư Tịch Tràng viên tịch, Thầy được Bốn sư di chúc truyền thừa trú trì và pháp huynh Thích Thiện Vinh phó trú trì ngôi Tổ đình Linh Sơn.

Năm 1978, ngày mùng 8 tháng tư năm Mậu Ngọ, tại tổ đình Linh Sơn Thầy tổ chức khóa lễ quy y Tam bảo trên 100 người, cung thỉnh Đại lão hòa thượng Thích Trí Thủ giám viện Phật học viện Hải Đức chứng minh truyền giới và ban Pháp danh cho Phật tử tại gia. Trong khóa lễ này Cố hòa thượng Trừng San được đái lao Đại lão Hòa thượng Giám viện truyền giới. Do vậy, hiện nay tại Tổ đình có một số đệ tử mang Pháp danh chữ “Nguyên” đồng hàng với Thầy. Cũng trong năm này, Thầy tiếp nhận đồ chúng xuất gia tu học tại Tổ đình.

Năm 1987, Thầy khởi công đào giếng để lấy nước tưới và trồng rau xanh khắp cả vườn chùa. Vì cần lượng nước sử dụng nhiều, nên giếng được đào và xây với đường kính 3 mét , độ sâu 9 mét, trong đó có 5 mét chứa nước, tương đương 50 mét khối nước.

Năm 1990, Thầy phát tâm khởi công xây dựng nhà thờ Tổ (hậu tổ).

Năm 1991, Thầy mở rộng chánh điện, xây dựng Phật điện tiếp giáp nền chánh điện cũ.

Năm 1992, Thầy trùng tu chánh điện và lấy chánh điện cũ làm bái điện tiền đường.

Năm 1993, đại giới đàn Trí Thủ tại chùa Long Sơn, theo sự đề cử của Đại lão hòa thượng Trí Nghiêm nên Ban kiến đàn đại giới đàn Trí Thủ cung thỉnh Thầy làm Đệ ngũ Tôn chứng trong hàng Thập Sư - Thất Chứng của giới đàn. Đại giới đàn Trí Thủ này là kế tiếp Đại giới đàn Phước Huệ - Hải Đức năm 1973, sau 20 năm (1973 – 1993) tại Nha Trang Khánh Hòa đây là lần đầu tiên mới được tổ chức lại giới đàn.

Năm 1996, Ngài xây dựng bức tường thành bao bọc khuôn viên đất chùa.



Lân trước tiền đường chánh điện

Năm 1998, vào ngày 24 tháng 5 năm Mậu Dần, nhân lễ Hiệp kỳ chư vị Tổ Sư và Húy Nhật lần thứ 22 của hòa thượng Bốn sư, Thầy long trọng tổ chức lễ Khánh tạ ngôi chánh điện, hậu tổ và các công trình xây dựng khác tại Tổ đình.

Sau lễ Khánh tạ ngôi chánh điện và hậu tổ, từ đó đến nay (1998 – 2013), ngoài việc tiếp tăng độ chúng, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của Phật tử gần xa và mọi Phật sự sinh hoạt hằng ngày trong chùa, Thầy còn tiếp tục trùng tu xây dựng kiến thiết nhiều công trình hạng mục tại Tổ đình.



GÓC NHÌN TỪ TAM QUAN VÀO TIỀN ĐƯỜNG CHÁNH ĐIỆN

B Niên biểu trùng tu xây dựng tại Tổ đình

- Năm 1987, Ngài khởi công đào và xây giếng với đường kính 3 mét.
- Năm 1990, ngày mùng 8 tháng 2 năm Canh Ngọ, lễ đặt đá khởi công xây dựng nhà thờ Tổ (hậu Tổ), dưới sự chứng minh của Cố hòa thượng Thích Hạnh Hải.
- Năm 1991, ngày 15 tháng 2 năm Tân Mùi, lễ đặt móng, mở rộng chánh điện, xây dựng Phật điện tiếp giáp nền chánh điện cũ, dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Tịnh Nghiêm.
- Năm 1992, trùng tu chánh điện và lấy chánh điện cũ làm bái điện tiền đường.
- Năm 1996, ngày 19 tháng 2 Bính Tý, lễ đặt móng xây dựng bức tường thành bao bọc khuôn viên đất chùa, dưới sự chứng minh của Cố hòa thượng Thích Hạnh Hải.
- Năm 1998, hoàn tất các công trình trên và tổ chức lễ Khánh tạ.



Sân gạch trước chánh điện và nhà tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức

- Năm 1999, ngày 17 tháng 8 năm Kỷ Mão (lễ ra lấy ngày 19 tháng 9 nhưng vì thời tiết không thuận) lễ chú nguyện rót đồng chú tạo Đại Hồng Chung tại cố đô Huế, dưới sự chứng minh của Cố hòa thượng Trưởng lão Thích Thiện Siêu, hòa thượng Thích Đức Phương và Cố hòa thượng Thích Đức Trí. Và cũng trong năm này khởi công xây dựng tháp chuông (lâu chuông). Ngoài ra, năm này còn xây dựng trai đường và nhà bếp. Ngày 24 tháng 5 năm Canh Thìn (2000) tổ chức lễ khai Đại Hồng Chung và khánh tạ tháp chuông, dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Như Ý.
- Năm 2000, ngày 15 tháng 7 năm Nhâm Ngọ, phát lời kêu gọi



Mái cong tiền đường chánh điện

đóng góp tinh tài để đúc tôn tượng Phật Bốn sư Thích Ca, lời kêu gọi đó được thông qua *Thư Hóa Duyên* của Thượng tọa trú trì Tổ đình. Đến ngày mùng 1 tháng 8 năm Giáp Thân (2004) lễ chú nguyện đúc đồng tôn tượng Phật Bốn sư tại cố đô Huế, dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Như Đạt. Vào ngày 24 tháng 5 năm Ất Dậu (2005) tổ chức lễ An vị Phật Bốn sư Thích Ca Mâu ni tại Tổ đình, dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Tịnh Nghiêm.

- Năm 2004, khởi công xây dựng nhà Phương trượng và hàng Trụ biểu.

- Năm 2005, ngày 19 tháng 02 năm Ất Dậu, lễ đặt đá khởi công xây dựng Quán Âm các, dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Như Ý. Đến ngày 19 tháng 9 năm Bính Tuất (09/11/2006), tổ chức lễ An vị tôn tượng đức Quán Thế Âm Bồ tát, chứng minh là hòa thượng Thích Đồng Tu. Sau đó, tiếp tục thi công phần đỡ dầm (phần nền sàn, lan can và cầu thang) cho được hoàn thiện Bảo các, đến ngày 24 tháng 5 Đinh Hợi (8/7/2007) long trọng tổ chức lễ khánh tạ Quán Âm các, dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Đức Chơn.

- Năm 2006, mở rộng mặt tiền chùa, hút cát ở sông để san lấp mặt bằng làm sân tiền của tam quan và tu bổ hồ sen.

- Năm 2007, ngày 19 tháng 6 năm Đinh Hợi, lễ đặt đá xây dựng 2 bảo điện Hộ Pháp (2 bên tả hữu tiền đường chánh điện), dưới sự chứng minh của hòa thượng Thích Đồng Tu. Cũng trong năm

này, xây dựng bờ kè bảo vệ đất ở mặt tiền chùa, dọc bờ sông Hiền Lương.

- Năm 2008, ngày 01 tháng 1 Dương lịch gọi *Cáo Bạch Thư* về việc trùng tu và xây dựng quần thể bảo tháp chư vị Tổ sư trú trì. Ngày mùng 6 tháng Giêng năm Mậu Tý, tổ chức lễ đặt đá xây dựng tôn tượng Phật Di Lặc và lễ khởi công xây dựng trùng tu quần thể bảo tháp Tổ, chứng minh là hòa thượng Thích Đồng Tu. Vào ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý, tổ chức lễ Đặt đá xây dựng trùng tu Nhà bảo tàng di tích Bồ tát Quảng Đức, chứng minh là hòa thượng Thích Đức Chơn, đến ngày 16 tháng 10 năm Mậu Tý, làm lễ phạt mộc khởi công làm nhà rường (nhà bảo tàng di tích Bồ tát Quảng Đức) gỗ theo kiểu Huế.

- Năm 2010, ngày 13 tháng Giêng năm Canh Thìn, tổ chức lễ An vị tôn tượng Phật Di Lặc và đặt đá xây dựng Liên đài tưởng niệm chư vị Tiên bối hữu công của Tổ đình, chứng minh là hòa thượng Thích Đồng Tu. Ngày mùng 6 tháng 8 năm Mậu Tý tổ chức lễ thượng Lương

dựng nhà rường (Nhà bảo tàng di tích Bồ tát) dưới sự chứng minh của thượng tọa Thích Tuệ Sỹ. Sau đó công trình nhà bảo tàng di tích này được xuyên suốt thi công đến nay, và dự kiến sẽ hoàn thành trước lễ kỷ niệm 50 năm Bồ tát Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân vào ngày 24 tháng 5 năm Quý Ty.

- Năm 2011, ngày 23 tháng 5 năm Nhâm Ngọ, tổ chức lễ Nhiễm tháp Tổ - hoàn tạ công trình trùng tu quần thể bảo tháp, chứng minh là hòa thượng Thích Nguyên Từ. Cũng trong năm này, đổ bê tông mặt sàn, ốp đá chẻ Garanite làm sân tiền của Tam quan và làm bãi đậu xe. Và xây dựng cửa phía Đông (Đông bình môn). Tiếp theo là mở cổng xây trụ cửa chính dẫn vào sân tiền của tam quan.

- Năm 2012, ngày mùng 10 tháng Giêng năm Nhâm Thìn, tổ chức lễ cung nghinh xá lợi của Tổ khai Sơn về nhập bảo tháp mới. Ngày mùng 10 tháng 7 năm Nhâm Thìn, khởi công xây dựng cổng Tam quan (theo mô hình của tam quan cũ), đến ngày 25 tháng Chạp Nhâm Thìn, lễ hoàn tạ.



Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (giữa), Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi (phải), Bồ-tát Đại Hạnh Phổ Hiền (trái) trong Phật điện.

- Năm 2013, đầu tháng 2 năm Quý Ty, trùng tu sân tiền của chánh điện, ốp bằng gạch đỏ tàu loại Hạ Long. Thời gian này, mời nhà điêu khắc phác thảo chân dung tôn tượng Bồ tát Thích Quảng Đức, dự kiến lễ đúc đồng tôn tượng Bồ tát vào ngày 20 tháng 4 năm nay tại cố đô Huế. Lễ An vị tôn tượng Bồ tát và khánh tạ Nhà bảo tàng di tích Bồ tát Quảng Đức, vào ngày 24 tháng năm Quý Ty.

Tổng lược trong chặng đường trên 20 năm (1990 – 2013) trùng tu tái thiết xây dựng tổ đình Linh Sơn như trên, ngoài ra Hòa thượng đương vi trú trì còn chú tạo, bài trí, điêu khắc nhiều pháp bảo, tự khí... cũng như vật hạng trang trí thờ cúng cho Tổ đình nữa, được thể hiện qua 4 thể loại như: đồng, sành (gốm sứ), gỗ, đá. Đây là điểm đặc trưng trong văn hóa nghệ thuật kiến trúc của Việt Nam.



TAM THẾ PHẬT BÊN TRONG CHÁNH ĐIỆN



HỌA TIẾT HOA VĂN TRÊN TRẦN CHÍNH ĐIỆN



Phù điêu Tây phương Thánh cảnh - Tôn tượng đức Phật A Di Đà và 2 vị Bồ tát Quán Âm, Thế Chí



Hương án tại Tổ đường





Lư đồng, tượng Tổ Đạt-ma và nhà hậu Tổ



CẢNH SÂN VƯỜN NHÀ HẬU TỔ



大雄寶殿

Bài minh khắc trên Đại hồng chung

Phiên âm:

Việt Nam quốc, Khánh Hòa tỉnh, Vạn Ninh huyện, Vạn Lương xã, Hiền Lương thôn.

Sắc tứ Linh Sơn tự tổ đình Trú trì tịnh quốc nội hải ngoại Phật tử chúng đẳng phát nguyện chú tạo hồng chung nhất quả dĩ thử công đức hồi hướng vô thượng bồ đề. Thượng chúc: Phật nhật tăng huy, pháp luân thường chuyển, âm siêu dương thới, hải yến hà thanh, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Minh viết:

*Thao thao đông hải
Nộ khởi kinh đào
Ai thanh trường dạ
Phách ngạn hung triều
Thiên trùng bi nguyện
Phiến phiến từ chu
Trường sơn trạo tích
Huệ nhật luân cao.*

Nam mô thập phương thường trụ Tam bảo tác đại chứng minh.

Khánh Hòa tỉnh Tùng lâm đại thụ hiệu Trí Nghiêm Đại lão hòa thượng chứng minh.



Bài minh khắc trên Đại hồng chung

Bình Định tỉnh Tùng lâm đại thụ hiệu Huyền Quang Đại lão hòa thượng chứng minh.

Thừa Thiên tỉnh Tùng lâm đại thụ hiệu Thiện Siêu Đại lão hòa thượng chứng minh.

Quảng Ngãi tỉnh Tùng lâm đại thụ hiệu Giải An Đại lão hòa thượng chứng minh.

Như Lai khứ thế nhị thiên ngũ bách tứ thập tam niên.

Thiên vận Kỷ Mão niên cửu nguyệt thập cửu nhật,

Quán Thế Âm Bồ tát khánh đản Đệ tử chúng đẳng Hòa nam Cẩn bạch

Thích tử sa môn Tuệ Sỹ phụng đề.

越南國慶和省萬寧縣萬良社賢良村

敕賜靈山寺祖庭住持 並國內海外佛子眾等發願鑄

造洪鐘一鏵以此功德迴向 無上菩提 上祝

佛日增輝法輪常轉陰翳盡陽泰海宴河清世界和平眾

生安樂 銘曰

滔滔東海 怒起驚濤 哀聲長夜 劈岸洶潮

千重悲願 汎汎慈舟 長山卓錫 慧日輪高

南無十方常住三寶 作大證明

慶和省叢林大樹 踰智嚴大老和尚 證明

平定省叢林大樹 踰玄光大老和尚 證明

承天省叢林大樹 踰善慈大老和尚 證明

廣義省叢林大樹 踰解安大老和尚 證明

如來去世二千五百四十二年

天運乙卯年九月十九日

觀世音菩薩慶誕

弟子

和南

謹誌



釋子沙門慧士

奉題

Dịch nghĩa:

Nước Việt Nam, tỉnh Khánh Hòa, huyện Vạn Ninh, xã Vạn Lương, thôn Hiền Lương.

Chùa Tổ Đình Sắc Tứ Linh Sơn Trụ trì, Phật tử trong nước và ngoài nước... (chúng đấng) phát nguyện chú tạo một quả Đại hồng chung, nguyện đem công đức này hồi hướng quả vị vô thượng bồ đề. Thượng chúc: “Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, âm siêu dương thối, hải yến hà thanh, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc”.

Minh viết:

Biển Đông cuộn cuộn

Gầm thép ba đào

Đêm dài thăm thẳm

Sóng vỗ lấp bờ

Muôn trung Bi nguyện

Thấp thoáng thuyền Từ

Trường sơn cắm gậy

Ánh Tuệ trời cao⁽¹⁾

Nam mô thập phương thường trụ Tam bảo tác đại chứng minh.

- Tỉnh Khánh Hòa Tùng lâm đại thụ Đại lão hòa thượng hiệu Trí Nghiêm chứng minh.

(1) Thượng tọa Tuệ Sỹ dịch nghĩa



- Tỉnh Bình Định Tùng lâm đại thụ Đại lão hòa thượng hiệu Huyền Quang chứng minh.

- Tỉnh Thừa Thiên Tùng lâm đại thụ Đại lão hòa thượng hiệu Thiện Siêu chứng minh.

- Tỉnh Quảng Ngãi Tùng lâm đại thụ Đại lão hòa thượng hiệu Giải An chứng minh.

Phật lịch 2543, Ngày 19 tháng 9 năm Kỷ Mão

Khánh đàn Đức Quán Thế Âm Bồ tát, Đệ tử chúng đấng Hòa nam

- Cẩn bạch

Thích tử sa môn Tuệ Sỹ kính ghi.



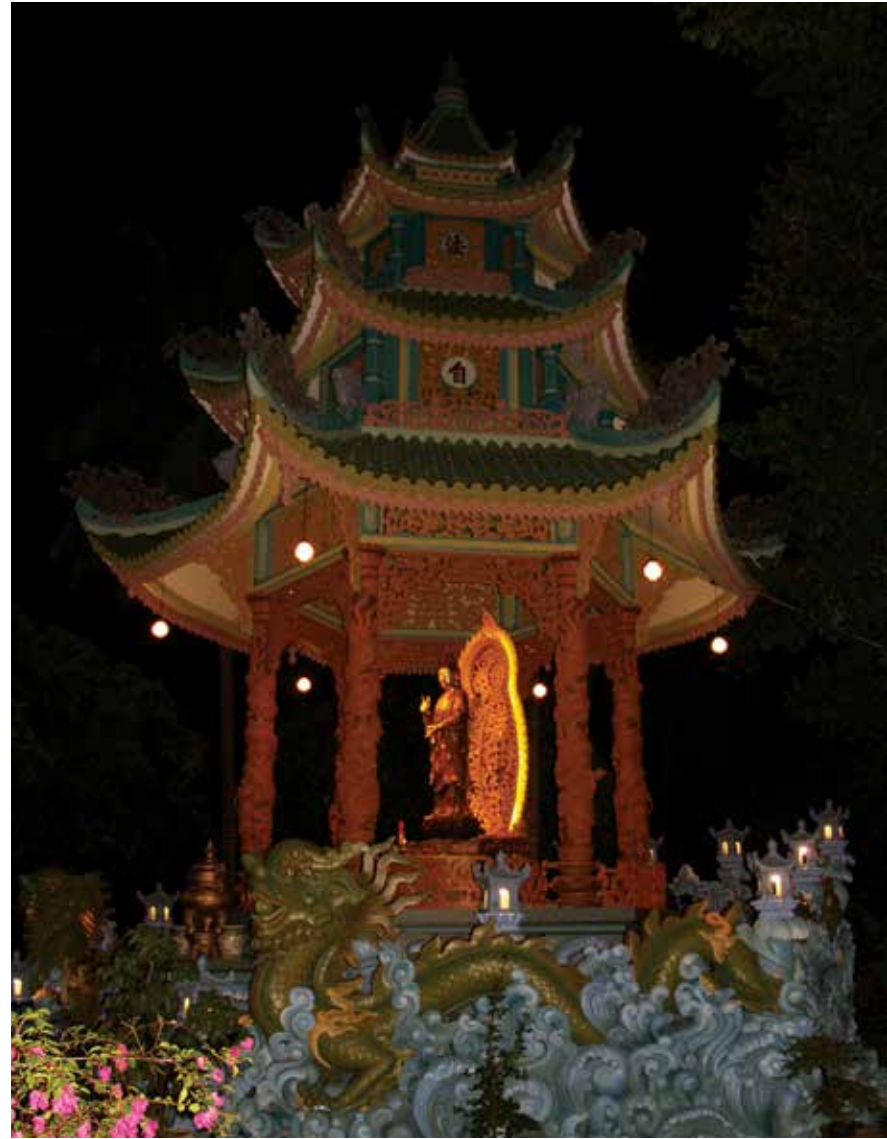
Điện Hộ Pháp 2 bên tiền đường chánh điện



Lầu chuông



Đồ sứ Tân ký kiểu được trang trí tại chánh điện và hậu Tổ - Bình hoa vẽ mai rùa (quy giáp) Minh Mạng ngự chế, chốe Nội Khánh ngự dụng, chốe và thống Khánh xuân thị tử



QUÁN ÂM CÁNG TIÊN - ẢNH CHỤP NGÀY VÀ ẢNH CHỤP ĐÊM





Tháp chuông, phía Tây bên trái chánh điện



Quán Âm các, phía Đông bên phải chánh điện



山層臨山勢
數萬重
峭巖
未
盡

聖地
特
宜
人
與
百
年
來
祥
瑞
在



Tôn tượng Phật Di Lặc an trí tại sân tiền

Hai câu đối trụ biểu tại Tổ đình Linh Sơn do TT. Thích Trí Siêu đề:

- *Linh địa đãi Linh nhân kỷ bách niên lai thiên tích do tại*
- *Sơn tăng lâm Sơn thể sở vạn trùng tiêu thọ mộc vĩnh thanh*

Dịch nghĩa:

Đất linh đợi người linh mấy trăm năm dấu thiên vẫn tồn tại
Tăng núi vào thể núi vài muôn trùng vách cây mãi còn xanh
(Hòa thượng Thích Quảng Hạnh dịch)



Góc trụ biểu và hồ sen bên cạnh



Câu 2 âm Hán:

- Phật nhật thường minh dữ Sơn hà nhi vĩnh cố
- Tông phong đại chấn tịnh Xã tắc dĩ trường tồn

Dịch nghĩa:

Phật nhật sáng soi cho núi sông thêm bền vững
 Tông phong lớn mạnh cùng đất nước được dài lâu
 (Thầy Nhuận Châu dịch)



Ba chữ Hán của bức bình phong và câu đối Nôm tại vườn Bảo tháp do thượng tọa Tuệ Sỹ đề:

3 chữ Hán: **Hóa Di Thời (sự giáo hóa thay đổi đạo đức theo thời gian)*

** Câu đối Nôm:*

- Dòng đời in dấu chân chim sanh diệt đời vơi trong mắt Tuệ*
- Đỉnh tháp ừng hồng nắng quái sắc không lấp lánh đọng sương Từ*





Liên đài - Tôn trí bia tưởng niệm chư vị Tiên bối hữu công



Cửa chính Tam quan



Vòm cửa chính Tam quan



Tam quan, kiến trúc theo mẫu di tích Bồ tát Quảng Đức



Lục ngạn thê hà - bẻ cỏ với rơm nắng chiều bên sông Hiền Lương



CẢNH CHÙA BÊN SÔNG HIỂN LƯƠNG



Thạch hiệu Tổ đình Linh Sơn trước cổng dẫn vào sân chùa



Cổng chùa với con đường làng

Phương trượng Huyền Quang

Ba bức hoành và 2 cặp đối Hán, dịch Nôm tại Phương trượng Huyền Quang do thượng tọa Tuệ Sỹ đề:

綠岸梯霞 (giữa) lục ngạn thê hà
課虛心 (phải) khóa hư tâm
參暮影 (trái) tham mộ ảnh

隻履千重隱約朝暉斜谷口
Chích lý thiên trùng ẩn ước triều huy tà cốc khẩu

雙翹絕嶺濛瀟逝水逐雲空
Song kiều tuyệt lĩnh mông lung thệ thủy trục vân không

Dịch Nôm:

Một chiếc dép đi nghìn trùng
thấp thoáng nắng mai nghiêng cửa động

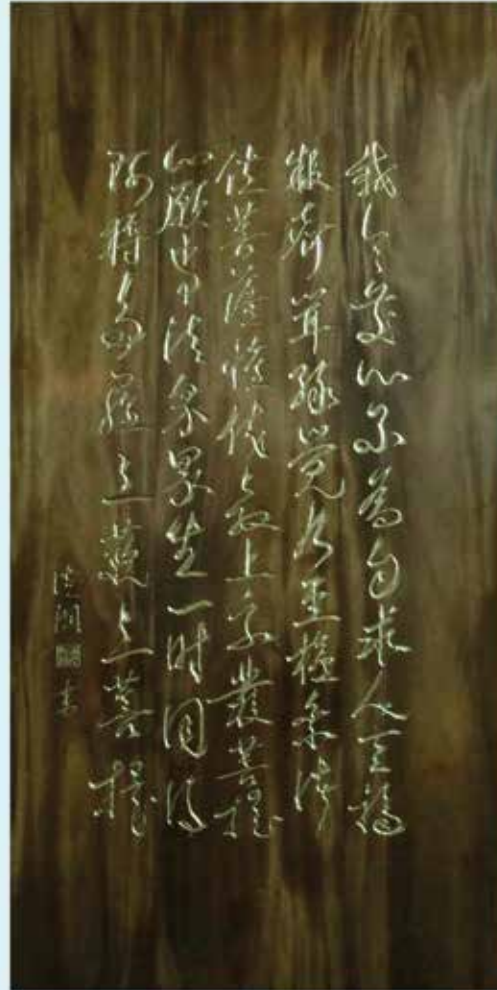
Đôi cánh non trên vạn nẻo
mịt mù nước cuộn đuổi trời mây



Phương trượng Huyền Quang



BÊN TRONG PHƯỜNG TRƯƠNG HUYỀN QUANG



Câu đối Hán, do thượng tọa Tuệ Sỹ đề và thủ bút của thượng tọa Thích Phước Thành.

Vẽ 1:

Chích lý thiên trùng ẩn ước triều huy tà cốc khẩu

- Bài phát Bồ đề tâm được khắc trên bảng gỗ lim, thủ bút của hòa thượng Đức Nhuận.

Phiên Âm:

Ngã kim phát tâm, bất vị tự cầu nhưn thiên phước báo, Thanh văn, Duyên giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ-tát, duy y tối thượng thừa, phát bồ-đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sanh nhứt thời đồng đắc A-nậu đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Đức Nhuận thư

Dịch Việt:

Nay con phát tâm không vì bản thân mà cầu phước báo chư thiên nhân loại, hay cầu tuệ giác Duyên giác Thanh văn, tuệ giác Bồ tát thuộc về quyền thừa con cũng không cầu; con chỉ y theo đại thừa tối thượng phát bồ-đề tâm: nguyện cùng pháp giới chúng sanh đồng được Tuệ giác vô thượng.
(Hòa thượng Trí Quang dịch)

- Vế 2:

Song kiêu tuyệt lãnh mông lung thệ thủy trực vân không

- Bài Vương Lang Quy được khắc trên bảng gỗ lim, thủ bút của hòa thượng Đức Nhuận.

Phiên âm:

Tường quang, phong hảo, cảm phàm trường

Diêu vọng thần tiên phục để hương

Vạn trùng sơn thủy hiệp thương lương

Cửu thiên quy lộ trường

Tình thâm thiết đối ly trường

Phan luyện sứ tinh lang

Nguyện tương thâm ý vị Nam cường

Phân minh tấu ngã hoàng.

Khuông Việt đại sứ trước - Đức Nhuận thư

Dịch Việt:

Trời lành gió thuận, gắm buồm dương

Thần tiên về để hương

Muôn trùng vạn dặm biển mênh mang

Trời xanh xa dặm trường

Tình ray rút chén lên đường

Bịn rịn sứ tinh lang

Nguyện đem thâm ý vì Nam bang

Phân minh tấu Thượng hoàng.

(Lê Mạnh Thát dịch)





NHÀ BẢO TÀNG DI TÍCH BỔ TÁT QUẢNG ĐỨC



Họa tiết điêu khắc bên trong nhà bảo tàng di tích Bồ Tát Quảng Đức



Mẫu đúc đồng - Tôn tượng Bồ tát Thích Quảng Đức



Đầu đao, mái ngói và ánh đèn nội thất của nhà bảo tàng di tích Bồ tát

Câu đối Hán của Hòa thượng Tuệ Sỹ, thư pháp Trương Lộ:

- Thử thân thử nguyện thử thương dân nhất lửa từ tâm tôn nhật nguyệt

- Nãi giới nãi sanh nãi mộng cảnh bán gian trượng thất tinh sơn hà Phật lịch nhị thiên ngũ bách ngũ thập thất niên, Thiên vận Quý Tỵ niên tứ nguyệt Từ phụ Thích Ca khánh đản kiết nhật.

Sắc tứ Linh Sơn tự tổ đình, Quảng Đức di tích bảo tàng chi thất soạn liên Thích tử Sa môn Tuệ Sỹ phụng đề, Đạm Trung trai Trương Lộ kính thư.

Lược dịch:

- Vì thương dân phát nguyện đốt thân này, (lưu) một trái tim từ còn mãi thời gian,

- Với cảnh mộng phù sinh trong cõi ấy, (dựng) nửa gian trượng thất yên vững sơn hà.

(Nguyên Vương lược dịch)

Câu đối Nôm của Hòa thượng Tuệ Sỹ, thư pháp Trương Lộ:

- Giữa muôn trùng vận nước mịt mù
bừng ngọn lửa bi hùng

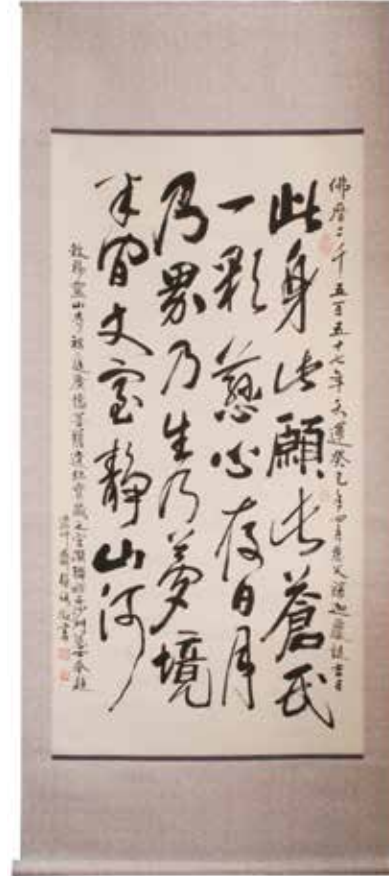
màu đất khổ sáng nguồn Chánh đạo,

- Ngoài mấy cõi phương ngàn thăm biếc
in dấu hài nguyện lực

dậm đồng hoang rợp bóng Bồ đề.

Phật lịch nhị thiên ngũ bách ngũ thập thất niên, Thiên vận Quý Tỵ niên tứ nguyệt Từ phụ Thích Ca khánh đản kiết nhật.

Sắc tứ Linh Sơn tự tổ đình, Quảng Đức di tích bảo tàng chi thất soạn liên Thích tử Sa môn Tuệ Sỹ phụng đề, Đạm Trung trai Trương Lộ kính thư.







Chương VI

Lễ hội Đước Sư vào tết Nguyên tiêu hằng năm



DIỄN TỪ KHAI HỘI DƯỢC SƯ CỦA THƯỢNG TỌA TRÚ TRÌ TỔ ĐÌNH LINH SƠN - KHÁNH HÒA

*Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai
Kính bạch chư tôn Hòa thượng chứng minh
Kính bạch chư tôn Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni
Kính thưa quý thiện hữu tri thức, quý nam nữ Phật tử gần xa*

Hôm nay ngày 13 tháng Giêng năm Kỷ Sửu, tại Đạo tràng Tổ đình Linh Sơn - Vạn Ninh, Khánh Hòa, Tăng Ni và Phật tử long trọng tổ chức Lễ Hội Dược Sư để nguyện cầu quốc thái dân an, nguyện cầu âm siêu dương thái, hòa bình trên thế giới và sự ấm no, khỏe mạnh cho tất cả mọi người.

*Kính bạch quý ngài,
Kính thưa liệt quý vị,*

Nhân mùa xuân về trên quê hương, hoa xuân khoe sắc, cỏ cây nảy lộc đâm chồi, lòng người cũng hoan hỷ đón chờ ngày mới tốt đẹp hơn... Tiết trời là thế, vận hành không ngừng nghỉ - Và lòng người cũng biến đổi vô thường, thế nên trong cõi Ta-bà



Cổng chào Lễ hội - bằng hiệu nền bằng hạt mè, chữ nổi là hạt đậu đỏ



Tháp đèn Dược Sư bảy tầng trên sông



Hoa đăng cúng dường



Đàn tràng thất Phật Dược Sư

ngũ trước không dễ mấy ai có được sự tự tại, vạn sự thuận duyên mà thường là gặp những chương duyên nghịch cảnh.

Với tâm chí đại thừa, tu sĩ chúng tôi vô cùng mong mỏi nhìn thấy cảnh an vui trong thôn xóm. Muốn thấy trên môi trẻ thơ những nụ cười hồn nhiên chứ không phải đôi mắt cháu con nhòa lệ. Muốn thấy trên gương mặt dân quê sự chất phác thuần hòa thay vì nét hằn sâu của lo toan đời thường cơm áo. Muốn thấy khói lam chiều từ bếp nhà ai đầm ấm bên nhau chứ không phải là khói lửa ly tạo thời chinh chiến.

Đất nước chúng ta đã hòa bình thống nhất trên 30 năm là một phước duyên rất lớn để từ đây tay trong tay xây dựng và phát triển quê hương. Thế nhưng vì nhiều lý do, vì nhiều nghịch cảnh, chương duyên, đồng bào còn những cảnh khổ đời thường, nhất là ở nông thôn... Vì thế, chúng tôi đem hết tâm thành tổ chức lễ hội Dược Sư nhân ngày tết Nguyên tiêu từ ngày 13 đến ngày Rằm tháng Giêng để nguyện cầu sự an lạc cho mọi người, cho âm siêu, dương thái.

Kính bạch quý Ngài - Kính thưa liệt vị

Trong Kinh Dược Sư Lưu Ly Sâm Pháp, đức Thế Tôn đã nói về Phật Dược sư Lưu Ly Quang thời còn hành Bồ-tát hạnh đã phát 12 nguyện lớn rằng:

Thứ nhất: Nguyện khi được tuệ giác vô thượng thì bản thân ánh

sáng rực rỡ, soi chiếu vô số thế giới...

Thứ hai: Thân như ngọc lưu ly, trong ngoài trong suốt, tráng lệ hơn nhật nguyệt, chúng sanh được sáng soi.

Thứ ba: Vận dụng vô lượng phương tiện làm cho mọi người được đầy đủ, ấm no, không thiếu thốn.

Thứ tư: Hàng thanh văn, duyên giác đều được khai ngộ bằng pháp đại thừa.

Thứ năm: Nghe được danh hiệu, phục hồi tịnh hạnh, không rơi vào đường dữ.

Thứ sáu: Chuyển hóa thân tướng những kẻ không đủ giác quan, bệnh tật khổ đau, niệm danh hiệu rồi giác quan hoàn bị, thông minh hết bệnh.

Thứ bảy: Nguyên cho những kẻ bị bệnh khổ không nơi nương tựa, cô độc lẻ loi, không thuốc uống khi bệnh, thiếu cơm ăn áo mặc, không còn khổ khổ.

Thứ tám: Nguyên cho người nữ không còn

bức não khổ đau, chuyển tướng trạng phu cho đến thực hiện tuệ giác vô thượng.

Thứ chín: Nguyên cho mọi người thoát khỏi mạng lưới ma vương, khỏi sa vào rừng rậm ác kiến để thực hiện đạo Bồ-tát mau thành tựu tuệ giác bồ-đề.

Thứ mười: Nguyên cho những kẻ bị gông cùm, tra khảo, khổ đau trong lao ngục thoát khỏi tai ương, tiêu tan sự lo âu, sợ hãi, khổ sở chốn tù đày.

Thứ mười một: Nguyên cho những kẻ vì cái ăn mà tạo ác nghiệp được thực phẩm tuyệt diệu, xa lìa ác nghiệp hưởng được an vui.

Thứ mười hai: Nguyên cho những người nghèo khổ không có y phục, bị chích đốt vì muỗi mòng, nóng lạnh được đầy đủ y phục tuyệt diệu và đầy đủ phương tiện tốt lành...

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa liệt vị,



Chư Tăng, Ni và Phật tử trong ngày khai hội Dược Sư



Tôn tượng Thất Phật Dược Sư tại Đại hùng bảo điện



Chư Tăng, Ni và Phật tử khai hội

Vì thâm tín lời dạy của Thế Tôn, vì tiếp nối chí nguyện đại thừa của lịch đại Tổ sư - Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh, chúng tôi kiên định tổ chức Lễ hội Dược Sư hằng năm tại Tổ đình Linh Sơn - Vạn Ninh, Khánh Hòa. Hôm nay, ngày khai hội đã được chư Tôn đức chứng minh và tín đồ gần xa tham gia lễ hội. Đây là thắng duyên để chí nguyện phụng sự chúng sanh cúng dường chư Phật thành tựu viên mãn.

Nhân ngày đầu Xuân, chúng con kính chúc chư tôn Hòa thượng pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ. Xin thân chúc chư Tăng Ni và Phật tử mười phương chân cứng đá mềm trên con đường học đạo và tu đạo, luôn luôn được soi chiếu bởi hào quang trí giác của Như Lai.

Xin được trân trọng khai hội Dược Sư tại Tổ Đình Linh Sơn - Vạn Ninh, Khánh Hòa.

Nam-mô Chứng Minh Sư Bồ-tát Ma-ha-tát.





Hòa thượng sám chủ Thích Đồng Tu tác lễ
khai hội Dược Sư

Viết về ngôi chùa Linh Sơn

Thích Đồng Tu

*Sơn ca hát mừng ánh dương
Mái chùa ẩn hiện khói sương tỏ mờ
Hư không mây trắng lững lơ
Hương rừng khói núi khuất mờ sương mai
Linh sơn cảnh tự bỗng lai
Sau lưng trước mặt Sơn đài, Thủy thanh
Ngoài thời chim hót giao canh
Trong chùa đại chúng kệ kinh sớm chiều
Chư Tăng trong chiếc y điều
Tay lăn tràng hạt niệm đều hồng danh
Và khi tự tại kinh hành
Lặng nghe tiếng vạc tàn canh vọng về*

Lễ Hội Dục Sư

Tổ đình Linh Sơn - Vạn Ninh, Khánh Hòa

*Núi xanh lạnh, khoác khăn mây
Trắng ngàn thanh thoát lay bay lụa viền
Là thành thang áo mẹ hiền
Sáng lên vạn nẻo quê hương thanh bình*

*Trời trong hiện ánh dương Xuân
Hương trầm quyện tiếng chuông trầm về theo
Mắt người đầu ngõ đèn treo
Môi hoa nở khắp trường đèo xóm thôn*

*Đưa nhau vào chốn Linh Sơn
Hân hoan thấy hội Dục Vương đại từ
Nguyện cầu pháp giới chân như
Chuyển vàng ba cõi cơn mưa pháp mầu*

*Bây giờ cho đến mai sau
Tháng Giêng mở hội nhiệm mầu Lưu Ly.*

Ngày 13 tháng Giêng năm Kỷ Sửu
Thích Trung Đạo



Đoàn Lân Sư Rồng chùa Bửu Lâm - Phú Yên, biểu diễn cúng dường ngày hội



Lễ phóng đăng trong hội Dược Sư

LỄ HỘI DƯỢC SƯ LINH SƠN

Nhật Uyển – Tân Mão 2011

*Linh Sơn, Linh Sơn
Tiếng chuông vang lừng
Nước non trẩy hội
Mùa Xuân quê hương
Đầu năm lễ Phật
Dược Sư Lưu Ly
Linh Sơn lễ hội
Nắng bình mùa Xuân
Cỏ cây trời hát
Núi rừng trầm hương
Triều âm hải hội
Một vầng trăng Xuân
Rừng xanh trúc biếc
Đóa đóa hoa mai
Dâng hương lễ Phật
Tình quê rạng ngời*

Ngày Về Chùa Linh Sơn

Thích Trung Đạo

*Xe dừng lại bên cầu Hiền Lương
Con đường thôn đưa con về đất Phật
Cây thị tròn xoe ngàn bàn tay lá vẫy
Linh Sơn ơi! Thân thiết tự bao giờ*

*Con về đây ngồi lặng để nghe ra
Lòng bình an long lanh vầng trăng muện
Trăng hạ tuần hiền hòa soi bóng nước
Núi xa xa biêng biếc đẹp trăm tư*



*Giao cảm vời cao làn gió nhẹ đưa
Cờ ngũ sắc bay giữa đêm trăng huyền diệu
Dòng sông vượn vai mơ màng bóng khói
Khói bên sông ôm giấc ngủ xóm làng*

*Đất bao dung trong nhịp thở bình an
Đất thương quê đất giữ gìn chùa tháp
Đất thiêng liêng bởi chân người đã bước
Đất nhiệm mầu mang hạt giống từ bi*

*Sương khói khơi vời lặng lẽ trăng khuya
Tiếng chuông ngân nga qua làng qua núi
Tiếng chuông đưa xa hương trầm vời vời
Trước Phật đài thấp thoáng bóng thiền Tăng.*



Ý Nghĩa Hoa Đăng Trong Lễ Hội Dược Sư

Tổ đình Linh Sơn - Vạn Ninh Khánh Hòa

Thích Tịnh Niệm

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

Trong kho tàng truyện cổ Phật giáo có câu chuyện liên quan đến hoa đăng như sau:

Một bà già nghèo khổ, ăn xin độ nhật, một hôm có lễ hội cúng dường Phật và chư Tăng, từ hàng Phật tử tại gia giàu sang, quyền thế cho đến những người có thiện tâm đều nô nức trẩy hội. Bà già ăn xin vì hoàn cảnh nghèo khó, hằng ngày chỉ biết lo miếng ăn nên chưa bao giờ gặp được Đức Phật. Tuy thế, bà vẫn âm thầm ngưỡng mộ, quý kính Ngài. Ngày hội gần đến, gần xa nô nức kéo về Tịnh xá Kỳ Viên. Lúc này, bà già nghĩ rằng: Một đời ta đói khổ, lại già nua, sắp hết tuổi trời, nếu hội này không gặp Phật thì không có bao giờ được gặp Ngài. Nghĩ như thế, bà ta vừa lần hồi xin ăn dọc đường vừa đến gần Kỳ Viên tịnh xá, nơi Đức Phật và chư Tăng đang trú ngụ lại.

Khi đến gần Kỳ Viên, một cảnh tượng huy hoàng, tráng lệ chưa từng thấy. Ngựa xe chen chúc, đủ mọi hạng người nôm nống những con đường về tịnh xá. Dọc trên những con đường đó, hoa kết, đèn treo để cúng dường Phật và chư Tăng - Những ngọn đèn sơn son thếp vàng rực rỡ của hạng vua quan đại thần, bên cạnh những ngọn đèn nhỏ hơn, của hàng thứ dân dâng cúng. Bà tự nghĩ, ta phải cúng dường Phật và Tăng cho thỏa nguyện, Ngài là đấng thế tôn, là bậc từ bi, cao thượng.

Thế rồi bà dốc hết cả gia tài của mình có trong thắt lưng, than ôi, chỉ có 2 xu để mua cây đèn nhỏ và dầu thắp. Bà hướng về Kỳ Viên tịnh xá, hướng về Phật để mong Phật chứng tri cho lòng thành của bà đã thắp...

Ba ngày đêm trôi qua, những tràng hoa héo rũ, những ngọn đèn lần lượt với dầu rồi tắt ngấm. Tất cả, tất cả đều lịm tắt, riêng ngọn đèn nhỏ của bà lão già nghèo ăn xin thì vẫn sáng, sáng mãi... Hiện tượng đó quá lạ lùng nên mọi người

truyền nhau đi xem và ai cũng cho rằng điều hy hữu, xưa nay chưa từng thấy. Có một Phật tử quyền uy, giàu có đến thừa hỏi đức Thế tôn. Tại sao ngọn đèn nhỏ, ít dầu kia vẫn còn sáng, đức Thế Tôn dạy rằng: Vì đó là ngọn đèn của một thí chủ nghèo khó mà tín tâm và nguyện lực lớn lao vượt bậc. Vì tâm thành đó thanh lương và cao tốt nên ngọn đèn của bà ta cúng Phật vẫn còn sáng khi tất cả đều lịm tắt... Với thiện tâm này, sau khi bà ta chết sẽ được sanh thiên hưởng quả vui vi diệu... Như thế, hoa đăng cúng dường đã có từ thời Đức Phật tại thế, truyền mãi cho đến ngày hôm nay...

Phật giáo đại thừa với tiêu chí thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh thực hành bồ-tát hạnh, lấy chúng sanh làm đối tượng phụng sự. Đồng thời cũng lấy chúng sanh làm phương tiện tu tập, cho nên Tổ Huệ Năng minh định rằng:

Phật pháp bất ly thế gian giác

Ly thế mích bồ-đề do như cầu thổ giác

Nghĩa là đạo Phật không thể tách rời

thế gian đau khổ, lìa thế gian để tìm sự giác ngộ thì như tìm sừng thỏ lông rùa. Lấy chúng sanh làm phương tiện, như là duyên tốt để tu tập. Kinh Trung Bộ ghi rằng: Phật đã khâu kim cho một người già mắt kém và nói với hàng đệ tử rằng: Ta từ vô lượng kiếp đã từng góp nhặt những công đức nhỏ bé này để hôm nay được đạo vô thượng chánh giác... Phật giáo đại thừa phát triển tư tưởng đó nên kinh có câu: Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật...

Chúng sanh có bốn loại, noãn, thai, thấp, hóa, nên người tu tập đại thừa phải mở tâm từ bi rộng như hư không mới có thể dung nhiếp, phụng sự và hóa độ...

Quốc độ Việt Nam chúng ta, trải qua bao cuộc chiến tranh tàn khốc, có không biết bao nhiêu cái chết thương tâm, oan uổng. Chắc rằng, những thân thức đó vẫn còn ôm giữ lòng hận thù hoặc nướn tiếc, hoặc mơ màng không hiểu rõ nẻo chánh đường tà, vì thế mãi còn làm hôn ma bóng quế theo tuế nguyệt ta đà. Theo sự biến đổi của thế gian mà vui

giận không lường.

Đất Vạn Ninh, Khánh Hòa, là xứ sở trầm hương, nơi duy nhất tại tỉnh nhà có rừng cây huỳnh đàn quý giá, nơi nổi tiếng là xứ sở thiêng liêng của quý thần. Nơi hội tụ của núi cao, rừng rậm, biển rộng, sông dài. Nơi đây khí thiêng nên đã lưu xuất bao bậc cao tăng và hiền tài của đất nước. Cũng là nơi đạn bom ác liệt khiến đồng bào bao thế hệ oan khuất bỏ thân...

Ngôi Linh Sơn cổ tự xưa kia là thảo am của Tổ khai sơn, Ngài đã vạch cỏ, bứt dây xẻ lối giữa rừng núi thiêng liêng, trùng điệp, tu hành tinh mật đạo lực cao vời nên có thể nhiếp hóa ác thú hung thần!

Chính nơi đây, hôm nay từng bừng lễ hội Dược Sư, cúng dường hoa đăng lên chư Phật... Chúng ta phước báu tròn đủ có được thân người, hân hoan chung sức, chung lòng làm nên lễ hội. Trên tay chúng ta có đèn cúng Phật, cảm thương những kẻ bơ vơ thân thức phiêu lãng nhiều đời. Một ngọn đèn trên tay vận hết tâm thành trên cúng dường chư

Phật mười phương. Cúng dường Đông Phương Dược Sư Hội Phật và thánh chúng. Dưới vận từ bi tâm bao la vô ngại, hướng về tất cả hương linh, vong linh cô hồn liệt vị, nguyện rằng ánh sáng này sẽ soi tỏ nẻo chánh để quy y. Nguyện rằng hơi ấm này sẽ xua đi sự bơ vơ, lạnh lẽo nơi chốn mê đồ. Một ngọn đèn nữa thay cho một hương linh oan hồn cúng Phật như chúng ta... Đèn hoa đã sẵn kết, quý Thầy Cô, quý Phật tử hãy nhất tâm,



thượng hướng Phật-đà, hạ hướng những chúng sanh khổ đau để chia sẻ thiện pháp cúng dường hôm nay!

*“Ôi dòng sông chảy trong tim như dòng lệ
Của một thời ly loạn ngược xuôi
Của nụ cười trăng sao như nền lụn từng đêm
Người nằm xuống ôm sông trôi về biển”
Hỡi những anh linh chiến sĩ
Hỡi những tử nạn đồng bào
Hỡi những oan hồn uổng tử...*

Không phân biệt là lính Mỹ, lính Pháp, hay anh hùng liệt sĩ vị quốc vong thân, không phân biệt người Chàm, người Việt, không phân biệt kẻ phố người quê. Tất cả hương linh đều được bình đẳng trong lễ hội hoa đăng. Mỗi vị một ngọn đèn cúng dường chư Phật để chuyển hóa mê tâm, chuyển hóa nghiệp thức mà thác sanh về cảnh giới an vui, hoặc về nơi ao sen của Tây phương cực lạc.

Ngọn đèn sẽ theo dòng sông xuôi qua làng xóm và trở về với biển cả... Khi đi qua ruộng đồng xin quý vị giúp đỡ cho lúa tốt màu tươi, đi qua xóm thôn, quý vị

giúp đỡ cho người người no ấm, đời sống thuần phát hiền lương, đi qua cầu cao, đường thấp, quý vị trấn giữ không cho ác thần, ác linh hại kẻ giao thông đường bộ, đường thủy. Về nơi biển cả, quý vị hãy ý thức tâm lượng đại từ của Phật tổ để quy hướng theo tam bảo đời này và những đời sau... Được như thế, bao nhiêu công sức, tâm lực của chư Tăng và Phật tử mười phương không luống uổng. Được như thế, xóm làng có giấc ngủ an lành, âu đó cũng là ước nguyện của chư tôn Hòa thượng chứng minh lễ hội, ước nguyện của Tăng Ni Phật tử gần xa...

Lời thì ngắn, mà tâm ý mênh mông.

Giữa đêm Xuân thiêng liêng mắt nhòa lệ cảm thương người bơ vơ cô quạnh. Xin chúng tri tấm lòng thành kính trên báo đáp ơn Phật dưới cứu khổ ba đường của toàn thể Tăng Ni và Phật tử ở đây, cũng như Tăng Ni và Phật tử phương xa hiến cúng tịnh tài cúng dâng lễ hội.

Nam mô công đức lâm bồ tát ma ha tát



Đêm hoa đăng

Quách Giao

*Dòng sông trôi muôn ngàn đóa sen hồng
Ôi mênh mông, mênh mông...
Hoa đăng trôi về biển cả
Như kiếp người đi về cõi không.*

*Dòng đời trôi... trên lòng sông
Muôn đóa sen hồng ai chờ mong,
Đêm lặng tĩnh dòng sông tĩnh lặng
Gởi đóa hoa lòng ai đợi ai trông...*

*Nụ cười Di Lặc thành triệu đóa hồng
Trôi theo dòng sông trôi trên lòng sông
Cho gởi tấm lòng
Vào mênh mông... mênh mông.*

Đóa Sen Hồng trên dòng Hiền Lương

Quách Giao

Năm 2009 được về tham dự đêm tổ đình Linh Sơn thả hoa đăng trên dòng sông Hiền Lương huyện Vạn Ninh, lòng tôi quyến luyến mãi cảnh những đóa sen hồng trôi lơ lững trên dải nước xanh đậm dưới bầu trời đầy sao trong sáng.

Năm nay tôi lại trở về Tổ đình trong mùa trăng thượng nguyên. Tổ đình bây giờ đã thay đổi nhiều. Cảnh quan rộng và hoành tráng. Dãy cột ba biểu phía sau khu vườn đá quanh tượng Di Lạc đứng nhìn dòng sông Hiền Lương nước nhẩy



tràn dưới ánh trăng đêm.

Tổ đình tổ chức ba ngày lễ hội Dược Sư. Hôm nay là đêm mười hai tháng Giêng là đêm chuẩn bị cho ba ngày lễ lớn. Hai đêm mười ba, mười bốn có thả hoa đăng và phóng sanh đăng.

Đêm mười hai trăng vàng trong vắt. Nhân dịp tổ đình đang làm lễ cầu an, chúng tôi ra bờ sông Hiền Lương ngắm cảnh. Trên dòng sông, một đóa hoa sen hồng to lớn đang soi mình trên dòng

nước. Bề ngang đóa hoa dài độ ba thước gồm những cánh hoa hồng to lớn đang ôm ấp và nâng đỡ bảy tầng hoa sen. Mỗi tầng, gồm 7 bông hoa, lớn nhỏ được sắp xếp theo thứ tự cao thấp. Tổng cộng là 49 đóa hồng đang hé nở. Ngự trên cao, một đóa hoa sen duy nhất màu xanh tượng trưng cho nhụy hoa. Gần sát mặt nước, những cánh hoa sen hồng, xòe tỏa chập chờn trên mặt sông đang chảy lững lờ. Trong ánh sáng đèn điện nê-ông đóa hồng ửng màu rực rỡ. Đêm mai, dưới ánh trăng huyền diệu, 49 đóa hoa hồng trên 7 tầng hoa sẽ bập bùng 49 ngọn đèn sáp lung linh. Sắc đỏ long lanh sống động trong ánh nến chập chờn. Trên mặt sông, hình khối một đóa hoa sen hồng to lớn, lóng lánh thắm tươi soi mình trong dòng sông chập chờn muôn ngọn sóng lô nhô dưới ánh trăng vàng trong trẻo. Đêm mai sẽ có muôn ngàn chiếc đèn hoa sen cắm nến cháy bập bùng trôi trên dòng sông xuất phát từ chiếc hoa sen mẹ khổng lồ.

Bên cạnh chiếc hoa đăng to lớn và rực rỡ, chiếc cầu sắc xe hỏa như thu mình lại

trên sóng biển. Mỗi lần có chuyến tàu từ Nam ra Bắc hay ngược lại, âm vang lay động mặt sông như cơn gió nhẹ thoảng rùng mình làm hình bóng chiếc hoa sen rung rinh, diễm lệ.

Sau khi tan buổi kinh cầu an, sư ông Tổ đình đưa chúng tôi đi dạo một vòng chung quanh chùa. Năm ngoái trước sân chùa còn ngổn ngang đá đất mà hôm nay sân đã lót đá trải dài mênh mông dưới ánh trăng vàng. Dừng chân bên hồ sen có từ khi chùa được lập thành, tôi bàng hoàng sửng sốt khi trông thấy chính giữa hồ một vùng bông hoa súng đang độ sơ khai. Lá hoa súng nằm xây tròn trên mặt hồ lóng lánh ánh trăng, nơi trung tâm, những hoa súng nhô cao và tỏa ra như một nhúm nhụy khổng lồ. Hồ sen hôm nay chỉ có một khóm hoa súng đơn độc. Đơn độc để làm nổi bật cảnh mặt hồ dưới ánh trăng rằm thượng nguyên. Cụm hoa súng như một bông hoa duy nhất do một nghệ sĩ tài hoa trang điểm cho khu vườn trước sân tổ đình.

Đến sát bờ sông chúng tôi dừng lại đứng

ngắm chiếc hoa sen khổng lồ đang bênh bồng tỏa hồng trên sóng nước. Đang say sưa lặng ngắm bỗng nhiên có một ý kiến phát lên: dường như hoa sen cánh chưa được nở bùng. Bông hoa còn là một búp sen hồng. Mọi người trực ngộ là cánh hoa sen y như vậy. Tất cả đều đứng lặng yên. Một con tàu chạy qua cầu. Âm thanh rền vọng. Mặt nước như cau lại, ánh trăng rung rinh.

Bỗng nhiên, một tiếng niệm “Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật” cất lên, rồi cả đoàn đồng loạt niệm theo. Lời tụng niệm cứ thế vang vọng mãi. Gió trên sông càng về đêm càng hiu hắt. Ánh hồng của hoa sen xao xuyên mặt sông. Bỗng nhiên trước mắt chúng tôi, các cánh hoa sen từ từ bung nở. Tất cả dạo đồng đều cùng có một cảm nhận: sau khi nghe lời tụng niệm, đóa sen hồng đang búp đã xòe cánh nở, in bóng trên dòng sông Hiền Lương, dưới ánh trăng vàng long lanh, hình ảnh diễm huyền của một hiện tượng hiếm có.

Qua hôm sau, đúng đêm rằm Nguyên

tiêu, tôi cố gắng trở lại Hiền Lương. Dọc theo bờ sông cũng như trước sân tổ đình Linh Sơn tự, Phật tử và nhân dân địa phương đã tập trung đông đảo. Trên sông chiếc hoa sen khổng lồ đang lóng lánh soi mình trên dòng nước. Các hoa sen nhỏ trên 7 tầng của hoa sen lớn đã bập bùng ánh đèn. Cánh của đóa hoa sen lớn vẫn nằm sát bên nhau. Hoa sen trong hiện trạng một bông sen búp. Hình ảnh hoa nở trong đêm qua không còn nữa, tôi nhắm mắt lại và tụng niệm “Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật”. Mười phút sau tôi mở mắt. Trước mắt tôi, đóa sen hồng khổng lồ vẫn tỏa sáng trên sông. Những cánh hoa vẫn nằm xếp vào nhau. Nhưng một quang cảnh rực rỡ bao quanh lấy hoa sen: hàng trăm, hàng ngàn chiếc hoa đang hình hoa sen hồng đang tỏa ra trôi lững lờ trên mặt sông. Những chiếc hoa sen hồng chập chờn ánh sấp như đàn con nhỏ đang vây quanh hoa Mẹ, rung múa ánh hồng tặng Mẹ rồi từ từ trôi xa theo dòng sông dưới ánh trăng trong trẻo đêm rằm Nguyên tiêu.





GIỚI THIỆU KHAI MẠC

THIỀN PHÁP TUỆ UYỂN - LINH SƠN VẠN GIÃ

Phụ trách: MC Nguyễn Hỷ và Kiều Thu

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Kính thưa chư tôn đức Tăng Ni và quý Thiện Tín Nam nữ
Phật tử,

Khi những cánh mai vàng hé nở, báo hiệu xuân về tết đến, hòa với không khí vui tươi của tiết xuân Mậu Tý - 2008, Tổ đình Linh Sơn - Vạn Ninh đã thực hiện một cảnh vườn và phòng tranh Thư pháp, với tên gọi đầy đạo vị là “THIỀN PHÁP TUỆ UYỂN”. Đây là một Phật sự tuy nhỏ bé trong dịp đầu xuân và lễ hội Dược Sư, nhưng nói lên được tinh thần phát huy nền giáo lý Phật đà cũng như duy trì nét đẹp văn hóa cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

*Lên chùa lạy Phật đầu Xuân,
Thờ cha kính mẹ tâm hồn an vui.
Mai sau qua núi qua đồi,
Thiện tâm theo bước chân người đi xa.
Là hương là nắng là hoa,
Là người con Phật thiện và mỹ chân.
Lên chùa hái lộc Linh sơn,
Tắm trong suối Phật ân thâm vô bờ.
Đất Hiền, đơm trái hoa thơm,
Người Lương, thảo phải kính thờ mẹ cha.
Lòng Xuân ứng với lòng hoa,
Linh Sơn cổ tự giao hòa tâm Xuân.*

Những vần thơ trên xin được thay lời chúc xuân của Tổ đình Linh Sơn kính gửi toàn thể quý vị hiện diện hôm nay.

Kính thưa quý vị...

THIÊN PHÁP TUỆ UYỂN, được thể hiện qua ba loại chữ viết: Hán, Nôm và Quốc ngữ.

...

Và hôm nay đây, tại phòng tranh *Thiên Pháp Tuệ Uyển* chúng ta sẽ được dịp thưởng ngoạn thư pháp chữ Hán và Nôm của thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, thượng tọa Thích Phước Thành và Đại đức Thích Đức Hạnh. Chúng ta thường biết đến thượng tọa Thích Tuệ Sỹ là một dịch giả lỗi lạc, một nhà nghiên cứu Phật học uyên bác, một thi sĩ với những *phương trời viễn mộng*

và *giấc mơ trường sơn* còn ấp ủ... nhưng ở một khía cạnh khác mà rất ít ai trong chúng ta biết đến, đó là một nhà thư pháp điêu luyện, với những tác phẩm của Thượng tọa Tuệ Sỹ đã được giới chuyên môn thưởng ngoạn thư pháp đánh giá rất cao. Ở đây người thưởng ngoạn không những chỉ bị lôi cuốn bởi những nét bút bay bổng mà trầm tư, phóng khoáng cô động mà còn được thu hút bởi những áng thơ bất hủ:

*Đá mòn phơi nẻo tà dương
Năm nghe nước lũ khóc chùng cuộc chơi*

Hay:

*Năm chày đá ngủ lòng khe
Lưng trời cánh Hạc đi về hoàng hôn.*

Thượng tọa Thích Phước Thành, là một thư pháp gia với những tác phẩm nghệ thuật đã làm sáng chói cho nền thư pháp Hán-Nôm đương đại. Từ những cuộc triển lãm thư pháp trong và ngoài nước cho đến các tự viện khắp nơi, đâu đâu cũng có những tác phẩm của Thượng tọa và chính những tác phẩm ấy góp phần không nhỏ trong công cuộc gìn giữ và hay nét đẹp của dân tộc.

Một trong những tác phẩm xin được giới thiệu nơi đây:

*Tất cánh thủy tu triều hải khứ
Đáo đầu vân định mịch sơn quy.*

Tạm dịch:

*Rốt cuộc trăm sông về biển cả
Vào ra mây nọ cuốn theo ngàn.*

Hay:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*
(Trăng tà tiếng quạ giăng sương
Bờ phong đối lửa chài vương giấc sầu
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn
Nửa đêm chuông động mộng con khách thuyền).

Tác giả Đại đức Thích Đức Hạnh là một nhà thơ pháp trẻ, nhưng với niềm đam mê nghệ thuật và tinh thần làm việc không mệt mỏi, tác giả thể hiện thơ pháp đa dạng: chữ Hán, Nôm và chữ Việt. Các tác phẩm thơ pháp nơi đây được tác giả trình bày trên giấy dó, giấy xuyên chỉ, ghép chữ bằng những vỏ thông, và ghép chữ bằng gốc rễ tre... những tác phẩm này đóng góp một phần không nhỏ cho nghệ thuật thơ pháp.

Ở đây, với một chữ **Không** tác giả đã đưa chúng ta vào một thế giới:

Có thì có tự mây may,

*Không thì cả thế gian này cũng không.
Có không bóng nguyệt dòng sông,
Cả hai tuy vậy có Không chút nào.*

(Tác hữu trần xa hữu
Vi Không nhất thiết Không
Hữu Không như thủy nguyệt.
Vật trước hữu Không Không).
Và để không phải mãi rong ruổi trong cuộc lữ:
*Đản tri kim nhật nguyệt
Thùy thức cựu xuân thu.*

(Hôm nay ta biết hôm nay
Còn bao xuân trước ai hay làm gì).

Tóm lại, điểm quan trọng của nhất của một tác phẩm thơ pháp đó là phần hồn của nó. Chúng ta có thể gọi là những tác phẩm sống. Đối với những tác phẩm sống, khi tiếp xúc hình như bị chúng quyến rũ làm cho chúng ta không thể dời bước đi được, ngắm mãi không chán. Và khi thưởng ngoạn một tác phẩm như thế, chúng ta có thể cảm nhận được tâm tư và cá tính của người nghệ sĩ tạo ra. Khi người viết đặt bút xuống trang giấy thì như là mở ra một thế giới lạ, nơi đó tâm và bút đã hòa thành một.

Bàn về thơ pháp Việt Nam, hầu như ai cũng liên tưởng đến ông Đồ trong thơ Vũ Đình Liên.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông Đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Hình ảnh ông Đồ già là một đặc trưng tiêu biểu của thư pháp Việt Nam. Người Việt đã dựa trên nền tảng chữ Hán mà nghĩ ra một loại chữ Nôm cho mình, nhưng chữ Nôm thì lại phức tạp hơn cả chữ Hán, vì vậy thư pháp chữ Nôm chỉ phổ biến ở những bậc danh sĩ hay Thiền sư.

Bên cạnh những bức thư pháp của thầy Đức Hạnh phòng tranh *Thiền Pháp Tuệ Uyển* còn có sự tham gia của những cây bút điêu luyện về chữ Việt, như:

Sư Cô Tắc Hồng là người đã từng tham gia nhiều hội triển lãm lớn tại Sài Gòn. Sư Cô Quảng Nhật, với những bức thư pháp được kết hợp với tranh họa rất hài hòa.

Thầy Chúc Chí với sở trường là vẽ tranh Bồ Đề Đạt Ma, đến từ chùa An Linh, Sài Gòn.

Giờ này, thay mặt Ban tổ chức trân trọng kính chào đón chư Tôn đức Tăng, Ni và chư thiện tín nam nữ Phật tử hiện diện tham dự khai mạc phòng tranh *Thiền Pháp Tuệ Uyển* tại Tổ đình Linh Sơn hôm nay.



Phòng thư pháp - Thiền Pháp Tuệ Uyển



Sư phụ Thích Nhất Hạnh - trà Đạo thượng lâm thư pháp

Kính Thầy

*Con kính đẽ tặng thầy (Thiện Dương),
tỏ lòng hoài niệm*

Con: MAI - USA

Thấp thoáng dưới hàng cây,
Dáng một người thông thả,
Bước nhẹ như khói mây,
E chân trần giẫm lá,
Chẳng động cánh chim bay,
Áo vàng phơi nắng hạ.

Ta hỏi người là ai?
Mặc thế sự đổi thay,
Cát bụi chẳng vương hài,
Lợi danh dừng cận bã,
Vui gì qua tháng ngày,
Thân gầy, lưng áo vá.

Ta hỏi người là ai?
Ngất ngưỡng búa trên vai,
Bao rừng cây đốn ngã,
Cho mặt trời rạn tỏa,
Người tỉnh hay người say,
Mà đời thanh thoát lạ.



Muốn hỏi người là ai?
Gậy trúc nhịp khoan thai,
Vang vang lòng thôn dã,
Đôi bàn tay chuyển đá,
Người xây trí tuệ đài,
Mặc trắng rữ hiên ngoài,
Nắng cười rung vách lá.

Còn đây cảnh thiên thai,
Những tâm hồn phóng xả,
Mặc thế giới lưu đày,
Lãng quên đời nghiệt ngã,
Ôi năm tháng u hoài,
Ta mong chờ đâu há!

Ta tìm người ? Tìm đâu?
Giữa khung trời êm ả,
Ẩn hiện mái chùa xưa,
Tường rêu in bóng lá !
Vẳng nghe gió xa đưa,
Từng hồi chuông giống già.

Lần đến chốn Phật đài,
Tìm hiện thân Như Lai,
Lòng lâng lâng rộn rã,
Tôn quý người cao cả,
Người lia tục xuất gia,
Khẽ cúi đầu tay xá,
Ta gọi thầm “Thầy, Cha”.

Ngày 15 - 10 - 2008

Bài thơ này, do cảm xúc hình dáng Thầy, con cảm tác cách nay hơn 20 năm, viết tặng cho người đồng bạn thơ vẫn được lưu giữ đến hôm nay.



Đá và Cây

1. Đá ngẩng mặt nhìn cây cười không nói
 Vạn hữu thủy từ mặt đất vươn cao
 Thế mà cây mãi một đời xao xuyến
 Bởi gió trời quất tàn nhẫn không thương.

2. Và đá xanh vẫn kham nhẫn dị thường
 Vẫn đứng ngóng và cười không thành tiếng
 Để một mai vôn đá hòa sóng biển
 Tiếng reo nầy vang dội cả mười phương.

Vườn Đá

Đá xếp hàng giữa dòng đời mềm mại
 Người đứng nhìn khoảnh khắc hóa trăm năm
 Mắt của đá trông ai mà mòn mỏi
 Thương nhớ ai mà da nổi đường vân

Thích Nhuận Châu



Cổ thụ trên 300 tuổi (cây Kén)

Cây Kén Chùa Linh Sơn

Quách Tùng Phương

*Trên ba trăm năm lẻ sừng sững
Cây Kén ngày xưa còn đứng đây
Tàn lá phủ che nên cỏ chỉ
Rễ thân nương cậy khóm bìm dây
Cội xoài trước sân nay dù khuất
Chuông cổ thêm sau hiện vẫn bày
Sư tổ, sư tôn đà vắng bóng
Hiền Lương còn nước mãi vơi đầy*



LINH SƠN TRÀ XUÂN

Phạm Thư Cửu – Tân Mão 2011

*Tiếng chuông chùa núi
Hòa ngân biển trời
Linh Sơn mở hội
Mùa Xuân ta về*

*Mái chùa nắng tỏa
Đóa đóa hoa mai
Nụ cười mây bay
Trầm hương hỷ xả
Chén trà tĩnh tại
Thảo thơm suốt mùa
Nghe lòng phơi mở
Dưới vầng trăng Xuân*

*Chén trà soi bóng
Nụ cười thương yêu
Chuông ngân nhịp thở
Mái chùa quê hương*

*Tiếng chuông chùa núi
Hòa ngân biển trời
Linh Sơn mở hội
Mùa Xuân ta về*



Tâm thanh tợ thu nguyệt ảnh

Bến Không

Giác Ngạn

Cỏ mềm phủ mấy vương sân
Gạch son nâng bước bao lần người qua
Sương mai giăng lụa la đà
Nắng mai vương nếp cà sa ửng vàng.

Bao đời ta mãi đi hoang
Hàm ơn giọt nước mát dòng Tào Khê
Dặm dài một tỉnh mười mê
Bâng khuâng mây trải nẻo về Viên Không.

Hồ rêu cung biếc nửa vòng
Nghiêng cành súng tím mát lòng phương xa
Liễu mềm hờ rữ hiên hoa
Dép ai lẻ chiếc, hương trà còn đây.

Nước là nước, mây là mây
Ai đi vớt ánh trăng lay giữa dòng
Núi là núi, sông là sông
Bè lau neo sẵn bến Không đợi người...

Về đây Linh Sơn - Lễ hội Dược Sư

Linh Sơn vắng vắng trăng rằm
Dược Sư lễ hội đầu năm ta về
Nhật Uyển – Canh Dần 2010



Qua cầu Hiền Lương núi sông bình cánh én
Chùa Linh Sơn hiện ra giữa nắng ấm mùa xuân
Tiếng chuông ngân hòa điệu thở rưng rưng
Mặt trời thấp lên từng đầu cây ngọn cỏ

Thắp sáng nguồn thiêng đóa trầm hương dâng lửa
Mái chùa quê hương bờ mây trắng ngàn năm
Và dòng sông an nhiên nhịp cầu quê in bóng
Giọt nước nào soi gương mặt ta xưa

Qua cầu Hiền Lương núi cao hòa biển rộng
Hải triều âm vang nhịp thở thanh bình
Dừng chân bước đây chùa xưa chốn cũ
Ta gọi người cây lá bỗng hòa âm

Cây lá mùa xuân đàn chim én bay về
Chùa Linh Sơn vang khúc hát tình quê
Cầm tay nhau kết giảng đèn hoa lễ Phật
Hội Dược Sư bình thắm mãi nụ cười

Qua cầu Hiền Lương miền trời xanh mây trắng
Ngôi chùa Linh Sơn hồn thiêng núi sông hòa quyện
Lễ hội Dược Sư về đây thắp sáng đóa trầm hương cầu nguyện
Nắng ngàn năm bừng khắp cõi yêu thương

Ngôi chùa Linh Sơn, ơi nguồn cội quê hương
Nắng phương đông lung linh từng đầu cây ngọn cỏ
Giọt nước trùng khơi về đây hòa dòng người trăm sông nghìn suối
Lễ hội Dược Sư bừng lên trong nắng ấm mùa Xuân



Xuân yêu thương

Tâm Nhiên

*Hai nghìn năm đâu chẳng là cõi tạm
Trần gian kia có gì để vấn vương?
Mặt đất này đến rồi đi thoáng chốc
Nên sống thì như khói chết như sương*

*Hai nghìn năm khắp dọc đường quán trọ
Có hề chi mưa nắng ngợp hồn Xuân
Yêu cuộc lữ về làng quê phố thị
Mến thiên nhiên lợi xuống biển lên rừng*

*Hai nghìn năm dẫm phong trần cát bụi
Đắm say lòng khiêu vũ khúc tình không
Bồng tênh quá giữa ba ngàn thế giới
Cười tiêu dao qua ngày tháng tang bồng*

*Hai nghìn năm hay bốn nghìn năm cũng vậy
Kiếp phù du đủ thấu suốt muôn chiều
Cùng nhập cuộc nhưng mà không dính mắc
Chẳng chốn về ngoài một nẻo Thương Yêu*

Đêm thả hoa đăng

Trần Thị Phong Hương

*Một dải sông xanh triệu đóa hồng
Lững lờ trôi đến cội mênh mông
Thuyền câu thả nến xao hồn sóng
Phật tử đùa hoa gợn bóng lòng
Di Lạc mỉm cười không đổi tướng
Hiền Lương uốn khúc chẳng thay dòng
Thả hoa đăng tặng cô hồn khách
Vời vợi tâm tình sóng biển Đông*





Ảnh bên trái:

- Lưồng long tranh châu và chữ **ĐẠO** kết bằng gốc tre.

Hai câu đối:

*Mộng trung ngộ mộng trùng mê mộng
Thân ngoại phi thân khước thị thân.*

(Thư pháp Đức Hạnh)

Ảnh bên phải:

- **Bình thường tâm thị đạo** được làm bằng vỏ cây thông ghép trên ván gỗ mít.

Hai câu đối:

*Tâm dung diệu lý hư không tiểu
Đạo nghiệp chơn như pháp giới khoan*

(Thư pháp Đức Hạnh)





THIÊN

*Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân*
(Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác
Trắng trong mây trắng hiện toàn chân)
Thư pháp Đức Hạnh

NHÃN

*Nhãn nhất thời phong bình lãng tĩnh
Thoái nhất bộ hải khoát thiên không*
(Nhìn một lần cho gió yên sóng lặng
Lui một bước biển rộng trời cao)
Thư pháp Đức Hạnh



ĐỨC

Đạo cao long hổ phục

Đức trọng quý thần kinh

(Đạo lớn hàng phục được rồng và hổ)

Đức dày làm cho quý thần kiếp sợ)

Thư pháp Đức Hạnh



TĨNH

Thiếu Thất đình tiên thiên trượng bạch vân hàn lập tuyết

Hoàng Mai lâm lý nhất luân minh nguyệt dạ truyền y.

(Trước động Thiếu Thất trái bao ngày tháng đứng trong tuyết lạnh

Đến làng Hoàng Mai một đêm trăng tròn sáng tỏ thấy truyền y).

Thư pháp Đức Hạnh



Thư pháp Hán: Thi Ngạn thư

*Thế gian ly sinh diệt
Do như hư không hoa.
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm.
Viễn ly ư đoạn thường
Thế gian hằng như mộng.
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm.*

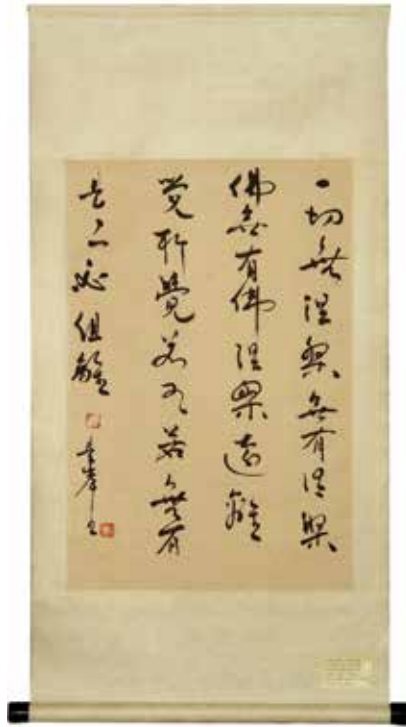
Nghĩa là:

*Thế gian rời sinh diệt
Cũng như hoa đốm giữa hư không.
Trí chẳng đắc hữu, vô
Mà hưng khởi tâm đại bi.
Rời khỏi đoạn và thường
Thế gian thường như mộng
Trí chẳng đắc hữu, vô
Mà hưng khởi tâm đại bi.*



Thư pháp Nôm: Phước Thành thư

*Kinh điển lưu truyền tám vạn tư
Học hành không thiếu cũng không dư
Năm ni tính lại chừ quên hết
Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như
- Năm 2006*



Thư pháp: Thị Ngạn thư

Nhứt thiết vô Niết-bàn,

Vô hữu Niết-bàn Phật,

Vô hữu Phật Niết-bàn.

Viễn ly giác, sở giác

Nhược hữu, nhược vô hữu.

Thị nhị tất câu ly.

Nghĩa:

Thầy thầy không có Niết-bàn

Không có Phật Niết-bàn

Không có Niết-bàn của Phật

Xa rời giác, sở giác

Dù hữu, dù vô hữu

Hai thứ ấy đều xa rời.



Thư pháp: Phước Thành thư

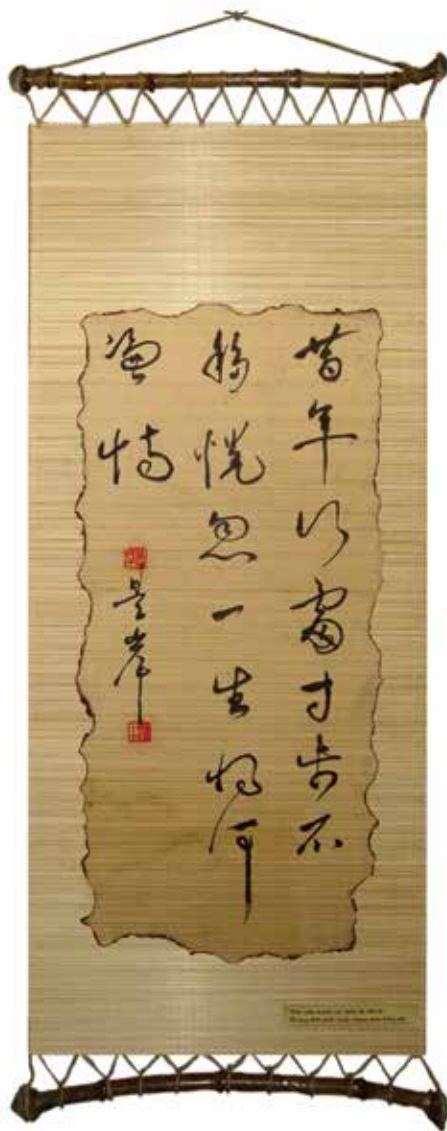
Tất cánh thủy tu triều hải khứ

Đáo đầu vân định mịch sơn quy.

Tạm dịch:

Rốt cuộc trăm sông về biển cả

Vào ra mây nọ cuốn theo ngàn.

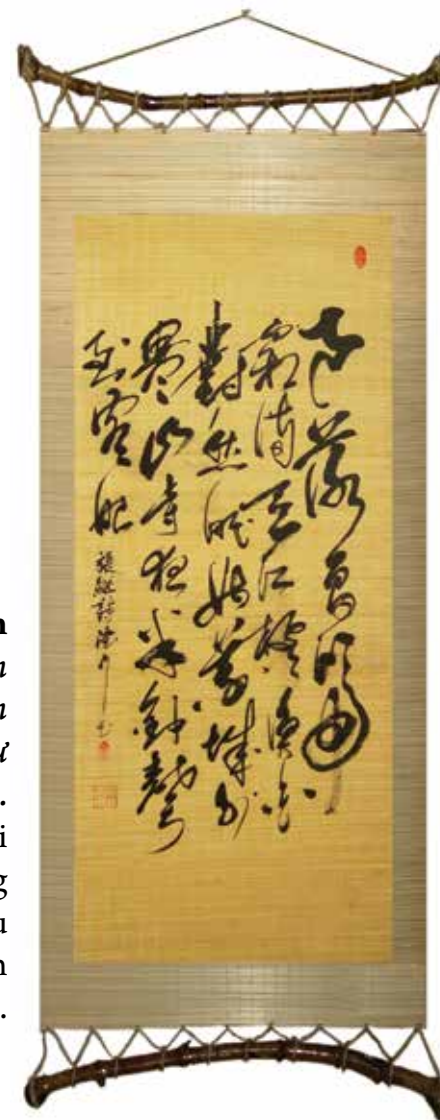


Thư pháp: Thi Ngạn

Tích niên hành xứ thốn bộ bất di,

hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị.

(đường đi năm cũ thì một tấc một bước
cũng không đổi dời, quảng hoảng suốt cả
một đời thì còn lấy gì mà nương tựa và
cậy nhờ?)



Thư pháp: Đức Hạnh

Nguyệt lạc ô đê sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Trương Kế thi

(Trăng tà tiếng quạ giăng sương

Bờ phong đối lửa chài vờng giấc sầu

Cô Tô thành ngoại Hàn San

Nửa đêm chuông động vọng con khách thuyền).



TỔ ĐÌNH LINH SƠN

Hiền Lương, Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa
Website: <http://todinhlinhson.com> - Email: todinhlinhson@gmail.com

(Bản điện tử này có đính chính)

Kính Biểu

LINH SƠN CHỖN TỔ NGUỒN TÂM

Chủ biên : HT. Thích Thiện Dương

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM
88-90 Ký Con, P.Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP.HCM
ĐT: (08) 38249582 - 39316435 - Fax: (08) 39316435
Email: nxbvanhoavanngh@yaho.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : Huỳnh Thị Xuân Hạnh
Biên tập : Kim Phước
Sửa bản in : Bảo Bảo
Trình bày : Phương Niệm
Tranh bìa : Nhật Linh
Liên kết xuất bản : Viên Phương

In lần thứ nhất. Số lượng: 2000 cuốn. Khổ: 29x21 cm
Tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pháp Uyển
Giấy phép xuất bản số: 750-2013/CXB/17-38/VHVN
Quyết định xuất bản số: 117.QĐ.in.Ngày 04/6/2013
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2013



LINH SƠN
CHÓN TỔ NGUỒN TÂM

Hiền Lương, Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa
Website: <http://todinhlinhson.com> - Email: todinhlinhson@gmail.com